

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
PHÂN HIỆU ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG TẠI KON TUM



XAITHONGLIN VILAIPHONE

BÁO CÁO THỰC TẬP TỐT NGHIỆP

**CÔNG TÁC KIỂM SOÁT RỦI RO TÍN DỤNG
TRONG HOẠT ĐỘNG CHO VAY NGẮN HẠN ĐỐI VỚI
KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP TẠI NGÂN HÀNG
THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM
CHI NHÁNH KON TUM GIAI ĐOẠN 2018 – 2020**

Kon Tum, tháng 6 năm 2021

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
PHÂN HIỆU ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG TẠI KON TUM



BÁO CÁO THỰC TẬP TỐT NGHIỆP

**CÔNG TÁC KIỂM SOÁT RỦI RO TÍN DỤNG
TRONG HOẠT ĐỘNG CHO VAY NGẮN HẠN ĐỐI VỚI
KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP TẠI NGÂN HÀNG
THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM
CHI NHÁNH KON TUM GIAI ĐOẠN 2018 – 2020**

GVHD : TRẦN THỊ THU TRÂM
SVTH : XAITHONGLIN VILAIPHONE
LỚP : K11NH
MSSV : 17152340201027

Kon Tum, tháng 6 năm 2021

LỜI CẢM ƠN

Lời đầu tiên em xin chân thành cảm ơn quý Thầy, Cô trường Phân hiệu Đại học Đà Nẵng tại Kon Tum, những người trực tiếp giảng dạy, truyền đạt những kiến thức bổ ích cho em. Đó là những nền tảng cơ bản, những hình trang vô cùng quý giá là nấc thang đầu tiên cho em bước vào sự nghiệp sau này. Đặc biệt em xin gửi lời cảm ơn đến cô Trần Thị Thu Trâm, người đã tận tình quan tâm, giúp đỡ và giải đáp những thắc mắc trong quá trình thực tập. Nhờ đó em mới có thể hoàn thành báo cáo thực tập này.

Bên cạnh đó, em cũng xin lời cảm ơn đến Ngân hàng TMCP Công Thương Vietinbank – Chi nhánh Kon Tum. Các anh chị trong phòng bán lẻ và đặc biệt là Tô Thái Sơn cán bộ tín dụng bộ phận khách hàng doanh nghiệp, mặc dù khá bận rộn với công việc nhưng các anh chị đã tạo điều kiện, giúp đỡ, hướng dẫn em để em có cơ hội tìm hiểu về môi trường làm việc thực tế mà khi ngồi trên ghế nhà trường em không thể có những trải nghiệm này.

Trong quá trình thực tập làm báo cáo, vì chưa có kinh nghiệm về thực tế, chỉ dựa vào lý thuyết đã từng học cùng với thời gian hạn hẹp nên bài báo cáo chắc chắn sẽ không tránh khỏi những sai sót. Kính mong nhận được sự góp ý nhận xét từ quý Thầy, Cô và các anh chị trong Ngân hàng TMCP Công Thương Vietinbank – Chi nhánh Kon Tum để kiến thức của em ngày mở hoàn thiện hơn và rút ra được những bài học kinh nghiệm bổ ích để có thể áp dụng vào thực tiễn một cách một cách hiệu quả trong tương lai.

Kính chúc quý thầy, cô và các anh chị Phòng bán lẻ luôn vui vẻ, hạnh phúc, dồi dào sức khỏe và thành công trong công việc.

Em xin chân thành cảm ơn !

MỤC LỤC

LỜI CẢM ƠN.....	i
DANH MỤC VIẾT TẮT	v
DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU	vi
DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ, BIỂU ĐỒ	vii
LỜI MỞ ĐẦU.....	1
1. Tính cấp thiết của đề tài.....	1
2. Mục tiêu nghiên cứu.....	2
3. Câu hỏi nghiên cứu.....	2
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	2
5. Phương pháp nghiên cứu.....	2
6. Bố cục đề tài.....	3
CHƯƠNG 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KIỂM SOÁT RỦI RO TÍN DỤNG TRONG HOẠT ĐỘNG CHO VAY NGẮN HẠN ĐỐI VỚI KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI.....	4
1.1. HOẠT ĐỘNG CHO VAY NGẮN HẠN ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI.....	4
1.1.1. Hoạt động cho vay của ngân hàng thương mại.....	4
1.1.2. Cho vay ngắn hạn đối với doanh nghiệp của ngân hàng thương mại.....	6
1.1.3. Rủi ro tín dụng trong cho vay ngắn hạn doanh nghiệp của ngân hàng thương mại.....	8
1.1.4. Quản trị rủi ro tín dụng trong cho vay ngắn hạn doanh nghiệp.....	11
1.2. KIỂM SOÁT RỦI RO TÍN DỤNG TRONG HOẠT ĐỘNG CHO VAY NGẮN HẠN ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI.....	11
1.2.1. Khái niệm và yêu cầu hoạt động kiểm soát rủi ro tín dụng cho vay ngắn hạn doanh nghiệp.....	11
1.2.2. Nội dung kiểm soát rủi ro tín dụng trong hoạt động cho vay ngắn hạn đối với doanh nghiệp.....	12
1.2.3. Tiêu chí phản ánh kết quả kiểm soát rủi ro tín dụng cho vay ngắn hạn doanh nghiệp.....	15
1.2.4. Nhân tố ảnh hưởng đến công tác kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp.....	16
CHƯƠNG 2. CÔNG TÁC KIỂM SOÁT RỦI RO TÍN DỤNG TRONG HOẠT ĐỘNG CHO VAY NGẮN HẠN ĐỐI VỚI KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP TẠI NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH KON TUM GIAI ĐOẠN 2018 – 2020.....	18
2.1. KHÁI QUÁT VỀ NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH KON TUM.....	18
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển.....	18
2.1.2. Sơ đồ tổ chức các phòng ban tại Vietinbank – CN Kon Tum.....	20
2.1.3. Bối cảnh kinh doanh của Vietinbank - Chi nhánh Kon Tum.....	22
2.1.4. Tình hình lao động tại Vietinbank – Chi nhánh Kon Tum giai đoạn 2018 - 2020.....	23
2.1.5. Hoạt động cho vay của Vietinbank – Chi nhánh Kon Tum giai đoạn 2018 – 2020.....	25

2.1.6. Kết quả hoạt động kinh doanh của Vietinbank – CN Kon Tum giai đoạn 2018 – 2020.	32
2.2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KIỂM SOÁT RRTD TRONG HOẠT ĐỘNG CHO VAY NGẮN HẠN ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP TẠI VIETINBANK -CHI NHÁNH KON TUM.	33
2.2.1. Thực trạng công tác tổ chức kiểm soát rủi ro tín dụng.....	33
2.2.2. Biện pháp nhằm né tránh rủi ro, các biện pháp ngăn ngừa và giảm thiểu rủi ro.	39
2.3. KẾT QUẢ CÔNG TÁC KIỂM SOÁT RỦI RO TÍN DỤNG TRONG HOẠT ĐỘNG VAY NGẮN HẠN ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP TẠI VIETINBANK – CHI NHÁNH KON TUM.....	46
2.3.1. Thực trạng biến động cơ cấu nhóm nợ.	46
2.3.2. Thực trạng tỷ lệ nợ xấu trong cho hoạt động vay ngắn hạn đối với doanh nghiệp.	48
2.3.3. Thực trạng tỷ lệ xóa nợ ròng.	51
2.3.4. Tình hình trích lập dự phòng rủi ro.....	51
2.4. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CÔNG TÁC KIỂM SOÁT RỦI RO TÍN DỤNG TRONG HOẠT ĐỘNG CHO VAY NGẮN HẠN ĐỐI VỚI KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP TẠI NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH KON TUM GIAI ĐOẠN 2018 - 2020.....	53
2.4.1. Kết quả đạt được.....	53
2.4.2. Hạn chế và nguyên nhân.....	53
CHƯƠNG 3. GIẢI PHÁP NHẪM TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC KIỂM SOÁT RỦI RO TÍN DỤNG TRONG HOẠT ĐỘNG CHO VAY NGẮN HẠN ĐỐI VỚI KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP TẠI NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH KON TUM	58
3.1. ĐỊNH HƯỚNG TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC KIỂM SOÁT RỦI RO TÍN DỤNG TẠI NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH KON TUM TRONG THỜI GIAN TỚI.	58
3.1.1. Định hướng chung của ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam.	58
3.1.2. Định hướng tăng cường công tác kiểm soát RRTD trong hoạt động cho vay ngắn hạn đối với khách hàng doanh nghiệp tại Vietinbank – Chi nhánh Kon Tum.	58
3.2. GIẢI PHÁP NHẪM TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC KIỂM SOÁT RỦI RO TÍN DỤNG TRONG HOẠT ĐỘNG CHO VAY NGẮN HẠN ĐỐI VỚI KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP TẠI NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH KON TUM.	60
3.2.1 Các giải pháp nhằm né tránh rủi ro trong hoạt động cho vay ngắn hạn đối với KHDN.....	60
3.2.2. Các biện pháp nhằm hạn chế và giảm thiểu rủi ro.....	63
3.2.3. Biện pháp nhằm chuyển giao và phân tán rủi ro.	63
3.2.4. Một số giải pháp bổ trợ.	64
3.3. MỘT SỐ KHUYẾN NGHỊ.	66
3.3.1. Khuyến nghị đối với chính phủ.	66

3.3.2. Khuyến nghị đối với Ngân hàng Nhà nước.	66
3.3.3. Khuyến nghị đối với ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam.	67
KẾT LUẬN.....	69
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	

DANH MỤC VIẾT TẮT

STT	Dạng Viết Tắt	Dạng đầy đủ
1	NHNN	Ngân hàng Nhà nước
2	CBCNV	Cán bộ công nhân viên
3	PGD	Phòng giao dịch
4	NHCT	Ngân hàng Công Thương
5	CHXHCNVN	Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
6	KHBL	Khách hàng bảo lãnh
7	KHDN	Khách hàng doanh nghiệp
8	TMCP	Thương Mại Cổ phần
9	CN	Chi nhánh
10	TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
11	TSBD	Tài sản bảo đảm
12	SXKD	Sản xuất kinh doanh
13	TD	Tín dụng
14	RRTD	Rủi ro tín dụng
15	DN	Doanh nghiệp
16	DNVVN	Doanh nghiệp vừa và nhỏ
17	FDI	Foreign Direct Investment
18	PAKD	Phương án kinh doanh
19	DADT	Dự án đầu tư
20	CIC	Trung tâm thông tin tín dụng
21	DPRR	Dự phòng rủi ro

DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU

Số hiệu	Tên bảng	Trang
Bảng 2.1	Tình hình lao động tại Vietinbank – Chi nhánh Kon Tum giai đoạn 2017 - 2019.	26
Bảng 2.2	Doanh số cho vay KHDN phân theo kỳ hạn, tài sản bảo đảm, mục đích và đối tượng giai đoạn 2017 – 2019.	28
Bảng 2.3	Bảng dư nợ của KHDN phân theo kỳ hạn, tài sản bảo đảm, mục đích và đối tượng giai đoạn 2017 – 2019.	30
Bảng 2.4	Tình hình dư nợ của Vietinbank – CN Kon Tum giai đoạn 2017 – 2019.	33
Bảng.5	Tình hình lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh giai đoạn 2017 – 2019.	34
Bảng 2.6	Quy định chính sách khách hàng theo từng mức xếp hạng của Vietinbank.	42
Bảng 2.7	Phân loại mức độ rủi ro theo XHTD của Vietinbank.	43
Bảng 2.8	Quy định tỷ lệ TSBD/tổng dư nợ của Vietinbank.	46
Bảng 2.9	Phân loại nợ theo nhóm nợ của Vietinbank	49
Bảng 2.10	Kết quả dư nợ vay ngắn hạn khối KHDN theo nhóm nợ của Vietinbank – CN Kon Tum giai đoạn 2017 – 2019.	51
Bảng 2.11	Kết quả nợ quá hạn đối với dư nợ vay ngắn hạn của KHDN của Vietinbank – CN Kon Tum giai đoạn 2017 – 2019.	52
Bảng 2.12	Kết quả nợ xấu đối với khoản vay ngắn hạn KHDN của Vietinbank Kon Tum giai đoạn 2017 – 2019.	53
Bảng 2.13	Tỷ lệ xóa nợ ròng trong cho vay ngắn hạn doanh nghiệp.	54
Bảng 2.14	Tình hình trích lập dự phòng rủi ro đối với khoản vay ngắn hạn KHDN của Vietinbank Kon Tum giai đoạn 2017 – 2019.	55

DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ, BIỂU ĐỒ

Số hiệu	Tên bảng	Trang
Hình 1.1	Mô hình tổ chức của Vietinbank – CN Kon Tum	21
Hình 1.2	Mô hình tổ chức của phòng bán lẻ Vietinbank - CN Kon Tum	23

LỜI MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài.

Những năm gần đây, nền kinh tế thế giới nói chung và nền kinh tế Việt Nam nói riêng đã trải qua rất nhiều khó khăn và thách thức như lạm phát, khủng hoảng tín dụng, lũng đoạn thị trường tài chính- kinh tế...Hiện nay, khi nền kinh tế toàn cầu đã có nhiều khởi sắc cùng với những biến động khôn lường thì việc quản lý rủi ro ngày càng được quan tâm. Với đặc thù kinh doanh trên lĩnh vực tiền tệ, chắc chắn rủi ro trong hoạt động kinh doanh của các ngân hàng là điều không thể tránh khỏi. Những rủi ro này thường rất đa dạng bởi lẽ hoạt động của ngân hàng bao gồm rất nhiều lĩnh vực, liên quan đến nhiều yếu tố khách quan cũng như chủ quan của nền kinh tế. Tuy nhiên, trong số rất nhiều rủi ro tiềm ẩn nêu trên, thì rủi ro trong hoạt động tín dụng là loại rủi ro lớn nhất và có biểu hiện phức tạp nhất.

Tại Việt Nam, thu nhập từ hoạt động tín dụng chiếm khoảng 60-70% thu nhập của ngân hàng, nhưng hoạt động tín dụng lại luôn chứa đựng nhiều rủi ro. Rủi ro tín dụng là một trong những loại rủi ro lâu đời và quan trọng nhất mà các ngân hàng cũng như các tổ chức tài chính trung gian khác phải đối mặt. Rủi ro tín dụng nếu xảy ra sẽ tác động rất lớn và ảnh hưởng trực tiếp đến sự tồn tại và phát triển của mỗi tổ chức tín dụng, cao hơn nó sẽ tác động đến toàn bộ hệ thống ngân hàng và toàn bộ nền kinh tế. Chính vì vậy, công tác kiểm soát rủi ro tín dụng luôn là mối quan tâm hàng đầu của các ngân hàng. Tại Vietinbank – Chi nhánh Kon Tum, hoạt động cho vay doanh nghiệp chiếm tỷ trọng rất lớn trên tổng dư nợ, nợ xấu có xu hướng tăng cao mà chủ yếu là phát sinh từ cho vay ngắn hạn đối với khách hàng doanh nghiệp.

Do vậy, xác định rủi ro, nguyên nhân của rủi ro và tìm ra các giải pháp để kiểm soát rủi ro trong cho vay ngắn hạn đối với khách hàng doanh nghiệp là một trong những vấn đề cấp thiết đang đặt ra đòi hỏi phải được giải quyết. Bên cạnh đó, cho đến thời điểm hiện tại, chưa có nghiên cứu nào về kiểm soát rủi ro trong cho vay ngắn hạn đối với Khách hàng doanh nghiệp tại Vietinbank - Chi nhánh Kon Tum trong khi đây là lại là một nhu cầu tất yếu bởi việc kiểm soát rủi ro có hiệu quả sẽ giúp ngân hàng nâng cao được vị thế và uy tín đối với các khách hàng của mình. Đây là điều vô cùng quan trọng giúp ngân hàng đạt được mục tiêu tăng trưởng và phát triển một cách bền vững, đảm bảo an toàn trong hoạt động của ngân hàng. Ngoài ra, từ năm 2017 đến nay chưa có tác giả nào nghiên cứu về kiểm soát rủi ro trong hoạt động cho vay đối với khách hàng doanh nghiệp tại Vietinbank – Chi nhánh Kon Tum. Trước thực tế đó, bản thân là một cán bộ đang làm việc tại Vietinbank – Chi nhánh Kon Tum, tôi đã chọn đề tài: ***“Công tác kiểm soát rủi ro trong hoạt động cho vay ngắn hạn đối với khách hàng doanh nghiệp tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Kon Tum”*** làm đề tài nghiên cứu luận văn cao học của mình.

Tuy nhiên, thời điểm hiện tại vẫn chưa thể đánh giá về khả năng nợ xấu phát sinh do Covid-19 vì vẫn chưa có số liệu thông tin cụ thể về “sức chịu đựng” của các DN có vay nợ hiện tại. Các biện pháp NHNN hỗ trợ như gói tín dụng, giãn thời gian trả nợ, cấu trúc lại nhóm nợ cho các DN ảnh hưởng sẽ làm giảm một phần nợ xấu phát sinh do dịch Covid-19.

2. Mục tiêu nghiên cứu.

- Hệ thống hóa cơ sở lý luận về kiểm soát rủi ro tín dụng trong hoạt động cho vay doanh nghiệp của ngân hàng thương mại.

- Phân tích rõ thực trạng và đánh giá kiểm soát rủi ro tín dụng trong hoạt động cho vay ngắn hạn đối với khách hàng doanh nghiệp tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Kon Tum giai đoạn 2018-2020.

- Đề xuất các khuyến nghị nhằm hoàn thiện công tác kiểm soát rủi ro tín dụng đối với khách hàng doanh nghiệp tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Kon Tum.

3. Câu hỏi nghiên cứu.

- Nội dung Công tác kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay đối với khách hàng doanh nghiệp bao gồm những nội dung nào? Có thể dùng những tiêu chí nào để đánh giá kết quả kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay đối với khách hàng doanh nghiệp?

- Khái quát về công tác kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay ngắn hạn đối với khách hàng doanh nghiệp tại VietinBank - Chi nhánh Kon Tum có những thành công và hạn chế nào? Vì sao?

- VietinBank Chi nhánh Kon Tum nên cần làm gì để hoàn thiện kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay ngắn hạn đối với khách hàng doanh nghiệp?

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.

Đối tượng nghiên cứu: Những vấn đề lý luận và thực tiễn về kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay ngắn hạn đối với khách hàng doanh nghiệp tại VietinBank - Chi nhánh Kon Tum.

Phạm vi về không gian: Tập trung phân tích tại VietinBank - Chi nhánh Kon Tum.

Phạm vi về thời gian: Để đảm bảo tính kịp thời và có ứng dụng trong thực tiễn nên tôi lựa chọn mốc thời gian từ năm 2018 - 2020.

5. Phương pháp nghiên cứu.

Quá trình nghiên cứu, hệ thống hóa các cơ sở lý luận, tác giả sử dụng phương pháp nghiên cứu khoa học sau:

***Phương pháp thu thập số liệu:**

• *Số liệu thứ cấp*: thu thập từ báo cáo hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính hạch toán phụ thuộc, và báo cáo kết xuất từ hệ thống nội bộ MIS... của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Kon Tum; báo cáo của Ngân hàng Nhà nước và các tài liệu liên quan đến đối tượng nghiên cứu được công bố trên các sách, báo, tạp chí kinh tế...

• *Số liệu sơ cấp*: thu thập trực tiếp các cán bộ nhân viên và các đối tượng liên quan tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Kon Tum.

*** Phương pháp tổng hợp:**

Sắp xếp, hệ thống hóa các tài liệu thu thập được theo các hình thức phù hợp với mục tiêu nghiên cứu.

*** Phương pháp phân tích:**

• *Phương pháp so sánh*: so sánh tuyệt đối và tương đối các chỉ tiêu giữa các năm.

• *Phương pháp thống kê mô tả*: nhằm tìm hiểu các đặc điểm của đối tượng điều tra, từ đó đưa ra nhận định ban đầu và tạo nền tảng để đề xuất các giải pháp sau này.

6. Bộ cục đề tài.

Ngoài phần mở đầu, kết luận, mục lục, phụ lục và tài liệu tham khảo, nội dung luận văn được chia làm 3 chương như sau:

- Chương 1: Cơ sở lý luận về kiểm soát rủi ro tín dụng trong hoạt động cho vay ngắn hạn đối với khách hàng doanh nghiệp của ngân hàng thương mại.

- Chương 2: Công tác kiểm soát rủi ro tín dụng trong hoạt động cho vay ngắn hạn đối với khách hàng doanh nghiệp tại ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Kon Tum giai đoạn 2018 – 2020.

- Chương 3: Giải pháp nhằm tăng cường công tác kiểm soát rủi ro tín dụng trong hoạt động cho vay ngắn hạn đối với khách hàng doanh nghiệp tại ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Kon Tum.

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KIỂM SOÁT RỦI RO TÍN DỤNG TRONG HOẠT ĐỘNG CHO VAY NGẮN HẠN ĐỐI VỚI KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

1.1. HOẠT ĐỘNG CHO VAY NGẮN HẠN ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI.

1.1.1. Hoạt động cho vay của ngân hàng thương mại.

a. Khái niệm.

Trên thực tế có nhiều khái niệm về cho vay, cho vay là một mặt của hoạt động tín dụng ngân hàng, thông qua hoạt động cho vay ngân hàng thực hiện điều hòa vốn trong nền kinh tế dưới hình thức phân phối nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi huy động được trong xã hội để đáp ứng nhu cầu về vốn phục vụ sản xuất kinh doanh và đời sống.

Luật các Tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 định nghĩa: cho vay là hình thức cấp tín dụng, theo đó bên cho vay giao hoặc cam kết giao cho khách hàng một khoản tiền để sử dụng vào mục đích xác định trong một thời gian nhất định theo thỏa thuận với nguyên tắc có hoàn trả cả gốc và lãi.

Theo định nghĩa tại Điều 2 Quy định cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành theo Thông tư 39/2016/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước: cho vay là hình thức cấp tín dụng, theo đó tổ chức tín dụng giao hoặc cam kết giao cho khách hàng một khoản tiền để sử dụng vào mục đích xác định trong một thời gian nhất định theo thỏa thuận với nguyên tắc có hoàn trả cả gốc và lãi.

b. Một số đặc trưng cơ bản của cho vay.

Từ khái niệm trên có thể nhận thấy một số đặc trưng cơ bản của cho vay như sau:

- Cho vay có hình thái giá trị là tiền tệ: Đây là điểm khác biệt với các hình thức cấp tín dụng khác như bảo lãnh hoặc cho thuê tài chính. Cho vay với hình thái tiền tệ được xem như một hình thức cấp tín dụng cổ điển của NHTM vì nó xuất hiện từ rất sớm. Với hình thái là tiền tệ, cho vay có nhiều lợi thế hơn so với các hình thức cấp tín dụng khác bởi vì nó có thể thỏa mãn mọi nhu cầu đa dạng của nhiều tầng lớp khác nhau trong nền kinh tế, trong xã hội. Cho đến nay, mặc dù ngân hàng đã trải qua nhiều thời kỳ phát triển với sự xuất hiện của nhiều hình thức tín dụng khác nhau, cho vay vẫn chiếm một tỷ lệ khá cao trong các loại hình thức cấp tín dụng của ngân hàng.

- Bản chất của hành vi cho vay là ứng trước: Trong cho vay, ngân hàng chuyển tiền cho khách hàng dựa trên một dự định, một ý tưởng kinh doanh khách hàng sắp thực hiện, hay nói khác đi là tiền được đưa ra khi người vay chưa hoặc mới bắt đầu thực hiện định của mình. Tuy nhiên trong thực tế từ tưởng cho đến hiện thực là một khoảng cách rất gian nan, có thể xuất hiện nhiều biến cố làm cho tưởng đó không thành công và nguồn trả nợ không hình thành làm cho khoản vay không được hoàn trả như thỏa thuận ban đầu. Vì vậy, độ rủi ro của cho vay thường cao hơn so với các hình thức tín dụng khác.

- Rủi ro trong cho vay có tính tất yếu, không thể loại trừ hoàn toàn. Rủi ro này xảy ra khi một trong hai yếu tố: Khả năng trả nợ và/hoặc thiện chí trả nợ không được hình thành

đầy đủ. Ta biết rằng, bảo đảm an toàn của đồng vốn là yếu tố sống còn trong hoạt động cho vay của ngân hàng. Do vậy, các biện pháp bảo đảm an toàn trong cho vay luôn được các ngân hàng thiết lập và thực hiện để tăng thêm độ an toàn trong hoạt động cho vay, chẳng hạn quy định về mức vốn đối ứng của phương án vay, quy định về điều kiện bảo đảm cho khoản vay, điều kiện giải ngân.

- Đối tượng cho vay phong phú: Đây là điểm khác biệt với các hình thức cấp tín dụng còn lại. Đối tượng cho vay trả lời cho câu hỏi: ngân hàng cho vay cái gì? Sự phong phú đối tượng cho vay xuất phát từ sự đa dạng về mục đích vay của khách hàng: Có thể là vay để đầu tư xây dựng cơ bản, vay mua máy móc thiết bị, vay vốn lưu động cho sản xuất kinh doanh... Những mục đích vay phong phú có thể dẫn đến những nhu cầu vay hết sức đa dạng về thời hạn, về quy mô... nên phạm vi đối tượng cho vay của ngân hàng rất rộng lớn.

- Phương thức cho vay đa dạng: Phương thức cho vay chỉ ra cách thức và phương pháp mà ngân hàng tiến hành trong quá trình cho vay. Mặc dù cho vay là một hình thức cấp tín dụng thông qua sự chuyển giao vốn tiền tệ từ ngân hàng cho ngân hàng nhưng có nhiều cách thức chuyển giao khác nhau, do vậy phân biệt thành các phương thức cho vay khác nhau.

c. Nguyên tắc cho vay của ngân hàng.

- Nguyên tắc hoàn trả: khoản tín dụng phải được thanh toán đầy đủ nguyên gốc sau khi sử dụng để ngân hàng bảo toàn được vốn ở mức tối thiểu nhất để có thể duy trì được hoạt động.

- Nguyên tắc thời hạn: khoản tín dụng phải được hoàn trả đúng vào thời điểm đã được hai bên xác định cụ thể và được ghi nhận trong thỏa thuận vay vốn giữa khách hàng và ngân hàng.

- Nguyên tắc trả lãi: ngoài việc thanh toán đầy đủ, đúng hạn khoản gốc, khách hàng phải có trách nhiệm thanh toán khoản lãi tính bằng tỷ lệ % trên số tiền vay, được coi là giá mua quyền sử dụng vốn.

- Nguyên tắc tài sản đảm bảo: để bảo vệ nguồn vốn của ngân hàng khi khách hàng vi phạm các điều kiện vay vốn hoặc khi chủ nhân của các tài sản thế chấp không còn khả năng thanh toán cho ngân hàng.

- Nguyên tắc sử dụng vốn vay đúng mục đích: tất cả các khoản tín dụng phải được sử dụng đúng mục đích vay thể hiện trong hồ sơ vay vốn.

d. Phân loại cho vay của ngân hàng.

Có nhiều tiêu thức phân loại cho vay, tuy nhiên trên thực tế người ta thường phân loại cho vay theo các tiêu thức sau:

- Căn cứ theo thời gian sử dụng vốn vay, chia làm các loại cho vay sau:

+ Cho vay ngắn hạn: Là loại cho vay có thời hạn vay đến 01 năm.

+ Cho vay trung hạn: Có thời hạn từ trên 01 năm đến 05 năm.

+ Cho vay dài hạn: Là loại tín dụng có thời hạn trên 05 năm.

- Căn cứ vào mức độ tín nhiệm của khách hàng, hoạt động cho vay được chia thành các loại:

- + Cho vay có đảm bảo.
- + Cho vay không có đảm bảo.
- Căn cứ vào phương thức cho vay, hoạt động cho vay được chia thành các loại sau:
 - + Cho vay từng lần.
 - + Cho vay theo hạn mức tín dụng.
 - + Cho vay theo hạn mức thấu chi.
 - + Cho vay theo dự án đầu tư.
 - + Cho vay trả góp.
 - + Cho vay thông qua phát hành và sử dụng thẻ tín dụng.
 - + Cho vay hợp vốn.
 - + Cho vay theo hạn mức tín dụng dự phòng.
- Căn cứ vào phương thức hoàn trả nợ vay, hoạt động cho vay được chia thành các loại sau:

- + Cho vay có thời hạn: Là loại cho vay có thỏa thuận thời hạn trả nợ cụ thể theo hợp đồng.

- + Cho vay không có thời hạn cụ thể: Là loại cho vay mà ngân hàng có thể yêu cầu khách hàng trả nợ bất cứ lúc nào hoặc khách hàng tự nguyện trả nợ bất cứ lúc nào nhưng phải báo trước một thời gian hợp lý (theo hợp đồng).

1.1.2. Cho vay ngắn hạn đối với doanh nghiệp của ngân hàng thương mại.

a. Khái niệm doanh nghiệp.

Trong đời sống kinh tế xã hội, doanh nghiệp là một thực thể kinh tế - xã hội có tư cách chủ thể pháp lý độc lập, thực hiện chức năng chủ yếu là hoạt động kinh doanh nhằm mục tiêu lợi nhuận. Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 định nghĩa: “*Doanh nghiệp là tổ chức kinh tế có tên riêng, có tài sản, có trụ sở ổn định, được đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật nhằm mục đích kinh doanh*”.

b. Các phương thức cho vay doanh nghiệp.

**** Các phương thức cho vay ngắn hạn:***

- Phương thức cho vay ứng trước: Là phương thức cho vay trực tiếp đến người đi vay nhằm đáp ứng nhu cầu vốn lưu động ngắn hạn Có 2 phương thức cho vay như sau:

- + Phương thức cho vay ứng trước từng lần : Là phương thức được áp dụng trên cơ sở nhu cầu tín dụng của từng đối tượng vay cụ thể như mua hàng hóa, mua nguyên nhiên vật liệu dự trữ, hay khoản phải thu Cơ sở để xem xét cho vay dựa trên hợp đồng kinh tế, đơn đặt hàng, các hóa đơn bán hàng, bảng kê bán thành phẩm, thành phẩm Phương thức cho vay này thường áp dụng đối với doanh nghiệp có nhu cầu vay không thường xuyên.

- + Phương thức cho vay theo hạn mức tín dụng: Là phương thức cho vay trong đó NHTM và khách hàng xác định và thỏa thuận một hạn mức tín dụng duy trì trong một khoảng thời gian nhất định nhằm đáp ứng toàn bộ nhu cầu thiếu hụt vốn lưu động của doanh nghiệp theo hạn mức tín dụng đã cam kết. Khách hàng vay theo phương thức này phải có tín nhiệm cao đối với ngân hàng, nhu cầu vay vốn thường xuyên và có đặc điểm kinh doanh, luân chuyển vốn không phù hợp với phương thức cho vay từng lần.

- Chiết khấu thương phiếu: Là nghiệp vụ tín dụng ngắn hạn, trong đó khách hàng chuyển nhượng thương phiếu chưa đáo hạn cho NHTM để đổi lấy một số tiền bằng mệnh giá của thương phiếu trừ đi lãi chiết khấu và hoa hồng phí (nếu có).

*** Các phương thức cho vay trung và dài hạn:**

- Cho vay thông thường: Còn gọi là cho vay thanh toán định kỳ, là phương thức cho vay dùng để đáp ứng nhu cầu mua sắm máy móc thiết bị, nhu cầu tài trợ cho TSLĐ thường xuyên hay thanh toán các khoản nợ của doanh nghiệp, tiền vay được thanh toán dần cho ngân hàng theo định kỳ. Số tiền thanh toán định kỳ có thể đều nhau, không đều nhau hay kỳ cuối nhiều hơn.

- Cho vay tuần hoàn: Là hình thức cho vay trong đó ngân hàng cam kết chính thức dành cho khách hàng một hạn mức tín dụng trong thời hạn nhất định (có thể từ 1-3 năm hay 5 năm), song thời hạn nợ ký kết trong hợp đồng thường ngắn (khoảng 3 tháng) và nếu khách hàng thực hiện tốt các điều khoản của hợp đồng cam kết hạn mức sẽ được tiếp tục. Tín dụng tuần hoàn thường được dùng tài trợ cho nhu cầu tăng trưởng TSLĐ hoặc thay thế cho các khoản nợ ngắn hạn tới kỳ thanh toán.

- Cho vay theo dự án đầu tư: ngân hàng cho khách hàng vay vốn để thực hiện các dự án đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và các dự án đầu tư phục vụ đời sống.

c. Đặc điểm của cho vay đối với doanh nghiệp.

Doanh nghiệp là một đơn vị sản xuất kinh doanh nên mục đích cho vay KHDN là đáp ứng nhu cầu kinh doanh của doanh nghiệp. Quy mô sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp lớn hơn so với qui mô sản xuất kinh doanh của cá nhân nên doanh thu hoạt động của doanh nghiệp lớn, nhu cầu vay vốn để sản xuất kinh doanh cụ thể như: vay vốn lưu động, đầu tư dây chuyền sản xuất kinh doanh thường rất lớn. Do đó cho vay KHDN thường là cho vay món lớn và dư nợ cho vay chiếm tỷ trọng cao.

Doanh nghiệp hoạt động theo qui định của pháp luật nên các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp được phản ánh ghi chép đầy đủ và rõ ràng. Thông tin tài chính của doanh nghiệp vay vốn được thể hiện rõ ràng qua báo cáo tài chính, qua đó giúp cho NHTM dễ dàng giám sát được các hoạt động của doanh nghiệp. Hồ sơ pháp lý của doanh nghiệp vay vốn cũng rất rõ ràng nên NHTM không quá khó để đánh giá tư cách pháp lý của DNVV và những người liên quan.

Cho vay KHDN thường ở qui mô lớn, lợi ích thu được từ hoạt động cho vay cao. Điều này có nghĩa là RRTD trong cho vay KHDN thường cao. Giá trị tổn thất trong cho vay KHDN cũng chiếm giá trị lớn trong tổng tổn thất của NHTM

d. Đặc điểm RRTD trong cho vay đối với khách hàng doanh nghiệp.

Các ngân hàng thương mại cho vay KHDN với số tiền lớn, vì vậy khi phát sinh nợ quá hạn sẽ kéo theo tỷ lệ nợ quá hạn rất lớn, nợ xấu cao, mang lại tổn thất lớn làm ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của ngân hàng.

Một số doanh nghiệp thiếu tính trung thực trong việc cung cấp thông tin cũng như BCTC thiếu minh bạch rõ ràng, không có kiểm toán, vì vậy cán bộ ngân hàng khó khăn trong việc xác định khả năng thanh toán nợ vay, dẫn đến rủi ro khi đưa ra các quyết định cấp tín dụng.

Rủi ro tín dụng trong cho vay DN có nhiều biểu hiện tương ứng với các cấp độ khác nhau của RRTD trong thực tế. Cấp độ thứ nhất của RRTD là khả năng người vay không thanh toán đúng hạn tiền lãi. Cấp độ cao nhất là khoản vay bị vỡ nợ.

1.1.3. Rủi ro tín dụng trong cho vay ngắn hạn doanh nghiệp của ngân hàng thương mại.

a. Rủi ro và phân loại rủi ro trong hoạt động cho vay của NHTM.

Trên thực tế có rất nhiều quan niệm khác nhau về rủi ro tùy thuộc vào chủ thể và hoạt động của chủ thể đó trong mối quan hệ với các yếu tố khác của môi trường. Tuy nhiên, các quan niệm đó đều thống nhất một nội dung coi rủi ro là sự bất trắc không mong đợi, khi xảy ra sẽ làm cho kết quả thực tế khác với kết quả kỳ vọng theo kế hoạch. Như vậy, trong hoạt động kinh tế nói chung và trong hoạt động Ngân hàng nói riêng thì vấn đề rủi ro là không thể tránh khỏi. Rủi ro tồn tại trong hoạt động kinh doanh dưới các hình thức khác nhau. Do đặc điểm về đối tượng kinh doanh và tính hệ thống của hoạt động Ngân hàng nên kinh doanh trong Ngân hàng có độ rủi ro cao hơn gấp bội phần so với doanh nghiệp trong các lĩnh vực kinh doanh khác. Trong hoạt động của ngân hàng thương mại thường gặp phải các loại rủi ro chủ yếu sau:

- Rủi ro tín dụng: Là những rủi ro có thể xảy ra khi khách hàng vay vốn không thực hiện đúng các nghĩa vụ về khoản vay của khách hàng đối với

- Rủi ro lãi suất: Là những thiệt hại mà NHTM phải gánh chịu khi có sự thay đổi lãi suất trên thị trường.

- Rủi ro nguồn vốn: Là những thiệt hại do nguồn vốn huy động của ngân hàng bị tự động không cho vay được, cũng như không thể chuyển sang được các loại tài sản Có sinh lời khác.

- Rủi ro ngoại hối: Là những thiệt hại mà NHTM phải gánh chịu do sự biến động của giá cả tiền tệ trên thị trường thế giới.

- Rủi ro hoạt động: Là rủi ro gây ra tổn thất cho ngân hàng do nguyên nhân con người, sự không đầy đủ hay vận hành không tốt các quy trình, hệ thống, các sự kiện khách quan bên ngoài.

- Rủi ro thanh khoản: Là một rủi ro trong lĩnh vực tài chính. Rủi ro này xảy ra khi NHTM thiếu ngân quỹ hoặc tài sản ngắn hạn mang tính khả thi để đáp ứng nhu cầu của người gửi tiền và người đi vay.

Các loại rủi ro trong hoạt động kinh doanh của NHTM nói chung và 6 loại rủi ro cơ bản được đề cập ở trên nói riêng có mối quan hệ mật thiết với nhau, rủi ro này là nguyên nhân của rủi ro kia. Trong hoạt động tín dụng, để xảy ra rủi ro với tỷ lệ nợ xấu cao, khả năng thu hồi nợ thấp sẽ dẫn đến rủi ro thanh khoản. Khi NHTM để xảy ra rủi ro thanh khoản, phải đi vay vốn trên thị trường, phải huy động vốn với lãi suất cao hơn, lại gây ra rủi ro nguồn vốn và rủi ro lãi suất...

b. Rủi ro tín dụng trong cho vay của NHTM.

***Khái niệm rủi ro tín dụng.**

Trong tài liệu “*Quản trị ngân hàng thương mại*”, Peter S.Rose định nghĩa: “*Rủi ro tín dụng là khả năng khách hàng vay vốn hay tổ chức phát hành chứng khoán không thanh toán được tiền lãi hoặc vốn gốc hoặc cả hai*”.

Hai tác giả A.Saunders và M.M. Cornett định nghĩa: “*Rủi ro tín dụng là rủi ro mà các dòng tiền được hẹn trả theo hợp đồng (tiền lãi, tiền gốc và cả hai) từ các khoản cấp tín dụng và đầu tư chứng khoán sẽ không được trả đầy đủ theo hợp đồng*”.

Từ những định nghĩa trên có thể đưa ra khái niệm RRTD trong cho vay doanh nghiệp là tổn thất có khả năng xảy ra đối với nợ vay của DN tại NHTM do DN vay vốn không thực hiện đúng hạn hoặc không có khả năng thực hiện đúng hạn một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ trả nợ của mình theo cam kết.

***Phân loại rủi ro tín dụng:**

Có nhiều cách phân loại RRTD khác nhau tùy thuộc vào mục đích, yêu cầu nghiên cứu. Tùy theo tiêu chí phân loại mà người ta chia RRTD thành nhiều loại khác nhau.

- Nếu căn cứ vào tiêu thức nguyên nhân phát sinh rủi ro, rủi ro tín dụng được phân thành:

• *Rủi ro giao dịch*: Là một hình thức của RRTD mà nguyên nhân phát sinh là do những hạn chế trong quá trình giao dịch và xét duyệt cho vay, đánh giá KH.

• *Rủi ro danh mục*: Là một hình thức của RRTD mà nguyên nhân phát sinh là do những hạn chế trong quản lý danh mục cho vay của NH

- Nếu căn cứ theo tính chất khách quan, chủ quan của nguyên nhân gây ra rủi ro thì rủi ro tín dụng được phân ra hai loại như sau:

• *Rủi ro khách quan*: Là rủi ro do các nguyên nhân khách quan như thiên tai, dịch họa, người vay bị chết, mất tích và các biến động ngoài dự kiến khác làm thất thoát vốn vay trong khi người vay đã thực hiện nghiêm túc chế độ chính sách.

• *Rủi ro chủ quan*: Là rủi ro do nguyên nhân thuộc về chủ quan của người vay và người cho vay vì vô tình hay cố ý làm thất thoát vốn vay hay vì những lý do chủ quan khác.

*** Nguyên nhân gây ra rủi ro tín dụng.**

- Nguyên nhân bên ngoài:

Môi trường kinh tế: Sự biến động quá nhanh và không dự đoán được của thị trường thế giới là nguyên nhân chủ yếu ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của người đi vay. Quá trình tự do hóa tài chính, hội nhập quốc tế cũng dẫn đến những hệ quả tất yếu làm cho nợ xấu gia tăng khi tạo ra một môi trường cạnh tranh gay gắt, khiến hầu hết các doanh nghiệp, những khách hàng thường xuyên của ngân hàng phải đối mặt với nguy cơ thua lỗ và quy luật chọn lọc khắc nghiệt của thị trường.

Môi trường pháp lý: Môi trường pháp lý của Việt Nam vẫn còn nhiều bất cập, các chính sách quản lý kinh tế thường thay đổi đột ngột dẫn đến việc ra đời các văn bản pháp lý chưa phù hợp làm ảnh hưởng đến môi trường kinh doanh tại Việt Nam, khiến nhiều tổ chức kinh tế không điều chỉnh kịp thời phương án kinh doanh. Điều này ảnh hưởng rất lớn đến khả năng kinh doanh của các doanh nghiệp, kéo theo doanh nghiệp gặp khó khăn trong việc trả nợ vay ngân hàng.

Thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh: Đây là những rủi ro mà cả khách hàng lẫn ngân hàng đều không lường trước đối với khoản tín dụng của mình. Mặc dù loại rủi ro này có thể được hạn chế bằng cách mua bảo hiểm, tuy nhiên khi loại rủi ro này xảy ra, khách hàng và cả ngân hàng cũng phải mất nhiều thời gian để lấy được khoản tiền bảo hiểm từ các công ty bảo hiểm để thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay ngân hàng.

Từ phía khách hàng vay vốn: Nhiều khách hàng có phương án kinh doanh rất khả thi, lĩnh vực kinh doanh có rất nhiều thuận lợi, tuy nhiên khi bắt đầu có đủ các điều kiện về vốn để thực hiện phương án thì do năng lực quản trị, kinh nghiệm điều hành còn hạn chế, không đủ khả năng ứng phó trước những biến động thị trường dẫn đến hoạt động kinh doanh không đạt hiệu quả như kế hoạch đã đề ra. Cũng có trường hợp khách hàng có hiệu quả sản xuất kinh doanh thấp dẫn đến thua lỗ, thâm hụt vốn. Nguyên nhân từ phía người đi vay là một trong những nguyên nhân chính gây ra rủi ro tín dụng cho ngân hàng. Nhìn chung các nguyên nhân này, ngân hàng có thể xác định được thông qua quá trình tìm hiểu, nắm vững “tình hình sức khỏe của khách hàng” cả trước, trong và sau khi cho vay, tìm hiểu mục đích sử dụng tiền vay và hiệu quả của phương án sản xuất kinh doanh.

- Nguyên nhân bên trong Ngân hàng.

Rủi ro tín dụng từ phía ngân hàng thường chiếm tỷ lệ nhỏ và chủ yếu do những nguyên nhân sau:

Do ngân hàng không có đủ thông tin về các số liệu thống kê, chỉ tiêu để phân tích và đánh giá doanh nghiệp,... dẫn đến việc xác định sai hiệu quả phương án xin vay, hoặc xác định thời hạn cho vay và trả nợ không phù hợp với phương án kinh doanh của doanh nghiệp.

Sự lơ là trong quá trình kiểm tra, giám sát sau khi cho vay nên không phát hiện kịp thời hiện tượng sử dụng vốn vay không đúng mục đích.

Quá tin tưởng vào tài sản thế chấp, bảo lãnh, bảo hiểm coi đó là vật chất đảm bảo chắc chắn cho sự thu hồi nợ gốc và lãi tiền vay.

Cán bộ tín dụng thực hiện không đúng quy trình cho vay hay do quy trình tín dụng thiếu chặt chẽ và không phù hợp. Ngoài ra, có những cán bộ tín dụng đứng trước cám dỗ của đồng tiền, đã thông đồng với khách hàng để chiếm đoạt tiền của ngân hàng.

Do cạnh tranh giữa các ngân hàng thương mại ngày càng gay gắt nên ngân hàng nói lỏng về điều kiện cần có của khách hàng để cho vay nhằm thu hút khách hàng.

* **Hậu quả do rủi ro tín dụng gây ra.**

- Đối với nền kinh tế : Hệ thống ngân hàng vốn được xem là huyết mạch của nền kinh tế, là kênh thu hút và cung cấp tiền cho tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân trong nền kinh tế để đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh. Do đó rủi ro tín dụng nếu xảy ra sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến nền kinh tế. RRTD sẽ làm cho việc tiếp cận vốn để SXKD hoặc tiêu dùng của khách hàng bị hạn chế, ảnh hưởng đến khả năng tăng trưởng của nền kinh tế. RRTD dẫn đến phá sản và ảnh hưởng dây chuyền sẽ làm cho nền kinh tế bị rối loạn, hoạt động kinh tế mất ổn định và ngưng trệ, mất bình ổn về quan hệ cung cầu, lạm phát, thất nghiệp, tệ nạn xã hội gia tăng, tình hình an ninh chính trị bất ổn,...

- Đối với ngân hàng thương mại: Rủi ro tín dụng làm giảm uy tín, giảm khả năng thanh khoản và giảm lợi nhuận của ngân hàng thương mại. Một khi đã đối diện với một loạt các nguy cơ rủi ro như ảnh hưởng đến uy tín, khả năng thanh khoản và lợi nhuận. Nếu tỷ trọng này tiếp tục kéo dài và ăn mòn vào vốn riêng của ngân hàng thì con đường đi đến tuyên bố phá sản ngân hàng là tất yếu

- Đối với khách hàng: Khi khách hàng không có khả năng hoàn trả vốn cho ngân hàng thì họ gần như không có cơ hội tiếp cận với nguồn vốn ngân hàng và thậm chí là cả những nguồn vốn khác trong nền kinh tế do đã mất đi uy tín. Cơ hội tiếp cận vốn ngân hàng của các chủ thể đi vay khác cũng bị hạn chế hơn

1.1.4. Quản trị rủi ro tín dụng trong cho vay ngắn hạn doanh nghiệp.

Quản trị RRTD là quá trình nhận dạng, phân tích nhân tố rủi ro, đo lường mức độ rủi ro, trên cơ sở đó lựa chọn triển khai các biện pháp phòng ngừa và quản lý các hoạt động tín dụng nhằm hạn chế rủi ro xảy ra cũng như hạn chế tổn thất do rủi ro tín dụng gây ra trong giới hạn tự định.

Nội dung chính của hoạt động quản trị rủi ro tín dụng gồm có 4 bước: Nhận diện rủi ro tín dụng; đo lường rủi ro tín dụng; kiểm soát rủi ro tín dụng; tài trợ rủi ro tín dụng. Các hoạt động này được thực hiện liên tiếp nhau tạo thành một quá trình chặt chẽ với khâu trước sẽ định hướng cho khâu sau.

a. Nhận dạng rủi ro tín dụng.

Nhận dạng RRTD là quá trình xác định liên tục, có hệ thống nhằm theo dõi, xem xét, nghiên cứu môi trường hoạt động và quy trình cho vay để thống kê các dạng RRTD, xác định nguyên nhân gây ra rủi ro trong từng thời kỳ và dự báo được những nguyên nhân tiềm ẩn có thể gây ra RRTD.

b. Đo lường rủi ro tín dụng.

Đo lường RRTD là việc xây dựng mô hình thích hợp để lượng hóa mức độ rủi ro của khách hàng, từ đó xác định phân bù rủi ro và giới hạn tín dụng an toàn tối đa đối với một khách hàng cũng như để trích lập dự phòng rủi ro.

c. Kiểm soát rủi ro tín dụng.

Kiểm soát rủi ro là việc sử dụng các biện pháp, kỹ thuật, công cụ, chiến lược và những quá trình nhằm biến đổi rủi ro của một tổ chức thông qua việc né tránh, ngăn ngừa, giảm thiểu bằng cách kiểm soát tần suất và mức độ của rủi ro, tổn thất hoặc lợi ích.

d. Tài trợ rủi ro tín dụng.

Tài trợ RRTD là sử dụng các nguồn tài chính để bù đắp về mặt tài chính cho những tổn thất đã xảy ra. Đối với các tổn thất đã được lường trước, ngân hàng có thể sử dụng nguồn vốn từ quỹ dự phòng rủi ro tín dụng đã được xếp loại theo tiêu chuẩn để bù đắp. Đối với các tổn thất không lường trước được rủi ro, ngân hàng phải dùng vốn tự có làm nguồn dự phòng để bù đắp.

1.2. KIỂM SOÁT RỦI RO TÍN DỤNG TRONG HOẠT ĐỘNG CHO VAY NGẮN HẠN ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI.

1.2.1. Khái niệm và yêu cầu hoạt động kiểm soát rủi ro tín dụng cho vay ngắn hạn doanh nghiệp.

a. Khái niệm về kiểm soát rủi ro tín dụng.

Kiểm soát rủi ro tín dụng là việc ngân hàng sử dụng các biện pháp, kỹ thuật, công cụ, chiến lược và những quá trình nhằm chủ động điều khiển, biến đổi rủi ro tín dụng bằng cách kiểm soát tần suất, mức độ rủi ro và tổn thất trong giới hạn tự định. Kiểm soát RRTD

là những hoạt động nhằm hạn chế rủi ro ở mức có thể chấp nhận được trước khi rủi ro xảy ra, hoạt động này được thực hiện xuyên suốt trước, trong và sau khi cho vay.

b. Mục tiêu của kiểm soát rủi ro tín dụng.

Mục tiêu của kiểm soát RRTD là nhằm phòng ngừa rủi ro xảy ra với mức xác suất rủi ro thấp nhất trong giới hạn cho phép và hạn chế tối đa tổn thất Vì vậy, việc kiểm soát RRTD phải đáp ứng các yêu cầu:

- Tạo lập được một danh mục tín dụng hợp lý, có khả năng sinh lời, ít rủi ro và khi cần thiết có thể chứng khoán hóa để hỗ trợ thanh khoản

- Tạo sự chủ động, nâng cao tinh thần trách nhiệm của các bộ phận tác nghiệp nhằm tìm kiếm các khoản vay có khả năng sinh lời cao và ít rủi ro

- Đảm bảo phản ánh minh bạch, chính xác chất lượng danh mục tín dụng, trích đủ dự phòng để bù đắp những rủi ro phát sinh trong quá trình cho vay.

- Có hệ thống kiểm tra, kiểm soát thích hợp để phát hiện, ngăn ngừa và xử lý kịp thời các rủi ro phát sinh

c. Đặc điểm của kiểm soát rủi ro tín dụng trong hoạt động cho vay ngắn hạn đối với doanh nghiệp.

- Thời hạn của hợp đồng tín dụng ngắn hạn dưới 12 tháng.

- Cho vay ngắn hạn có rủi ro thấp hơn so với cho vay trung, dài hạn.

- Do quy mô của khoản vay ngắn hạn thường nhỏ hơn các khoản vay trung, dài hạn nên các danh mục cho vay ngắn hạn thường rất đa dạng. Việc quản lý phức tạp, chi phí quản lý kiểm soát rủi ro tăng thêm.

- Tương quan đánh đổi giữa rủi ro và lãi suất trong tín dụng ngắn hạn: rủi ro trong cho vay ngắn hạn không cao nên lãi suất trong cho vay ngắn hạn thường thấp hơn so với lãi suất cho vay trung dài hạn.

- Cho vay ngắn hạn gắn liền với chu kỳ ngân quỹ và nhu cầu vốn thời vụ của doanh nghiệp.

- Lãi suất cho vay ngắn hạn thường thấp hơn lãi suất cho vay trung dài hạn.

1.2.2. Nội dung kiểm soát rủi ro tín dụng trong hoạt động cho vay ngắn hạn đối với doanh nghiệp.

RRTD trong hoạt động cho vay doanh nghiệp rất đa dạng và phức tạp. Do đó, để kiểm soát RRTD trong cho vay doanh nghiệp cần có hệ thống các biện pháp đồng bộ. Dưới đây là những biện pháp cơ bản:

a. Né tránh rủi ro.

Né tránh rủi ro là một chiến lược của ngân hàng nhằm đưa ra các quyết định để chủ động né tránh trước khi rủi ro xảy ra và loại bỏ rủi ro ngay từ đầu Né tránh RRTD là cách tiếp cận hiệu quả của quản trị RRTD Bằng cách né tránh RRTD, NHTM biết rằng sẽ không gánh chịu những tổn thất tiềm ẩn và bất định mà RRTD gây ra Đây là quyết định thường được đánh giá là tương đối dễ dàng, đơn giản, triệt để và chi ph thấp Tuy nhiên có một số hạn chế sau:

Thứ nhất, hoạt động cho vay NHTM luôn đối diện với nguy cơ tổn thất do RRTD gây ra do vậy rất khó né tránh hoàn toàn được RRTD mà thường chỉ né tránh một phần ở một mức độ nào đó

Thứ hai, rủi ro tồn tại trong mọi hoạt động của NHTM, Vì vậy né tránh RRTD có thể dẫn đến phải đối diện với các rủi ro khác trong hoạt động của NHTM.

Các biện pháp NHTM thường sử dụng để né tránh RRTD:

- Từ chối cho vay: NHTM từ chối cho vay ngắn hạn đối với doanh nghiệp không đủ điều kiện vay vốn, không đáp ứng được các tiêu chuẩn cho vay Đây là biện pháp né tránh hoàn toàn RRTD đảm bảo cho NHTM không đối diện với RRTD có nguy cơ tổn thất cao.

- Yêu cầu có biện pháp nhằm biến đổi RRTD về mức chấp nhận để cho vay : NHTM có thể tư vấn cho doanh nghiệp có biện pháp bổ sung như thuê chuyên gia quản lý , thuê kiểm toán báo cáo tài chính, thành lập bộ phận kiểm soát nội bộ ... nhằm đưa RRTD về mức chấp nhận để cho vay và đây là biện pháp thường thực hiện trước khi quyết định cho vay

- Các công cụ nhằm phục vụ cho việc né tránh rủi ro: Chấm điểm xếp hạng tín dụng nội bộ là việc NHTM sử dụng hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ của mình để đánh giá khả năng trả nợ của khách hàng vay, mức độ rủi ro của khoản vay, làm cơ sở để đưa ra quyết định cấp tín dụng, quản lý rủi ro, xây dựng chính sách khách hàng phù hợp đối với từng đối tượng khách hàng theo kết quả xếp hạng Xếp hạng tín dụng nội bộ vốn đòi hỏi rất nhiều thông tin đầu vào để vận hành, cũng như tạo ra nhiều thông tin đầu ra có giá trị

b. Ngăn ngừa rủi ro.

Ngăn ngừa RRTD trong hoạt động:

cho vay KHDN là các hoạt động của NHTM nhằm ngăn cản khả năng xảy ra RRTD trong cho vay KHDN nhằm giảm thiểu tổn thất vốn của NHTM. Các hoạt động này được tiến hành trước khi RRTD xảy ra, căn cứ vào kết quả nhận dạng và đánh giá RRTD trong cho vay KHDN. Các biện pháp ngăn ngừa RRTD trong cho vay KHDN gồm:

- Phân cấp mức thẩm quyền phán quyết tín dụng : là việc ngân hàng thiết lập hệ thống nhằm quy định thẩm quyền và trách nhiệm trong việc phê duyệt các khoản tín dụng và thay đổi điều khoản tín dụng trong cho vay ngắn hạn đối với doanh nghiệp, các trường hợp vượt thẩm quyền phải trình hội sở phê duyệt thông qua.

- Hoạch định, thực thi chính sách tín dụng và thực hiện quy trình tín dụng cho vay ngắn hạn đối với doanh nghiệp một cách chặt chẽ : Chính sách tín dụng là hệ thống các quan điểm và công cụ do ngân hàng đề ra nhằm thực hiện mục tiêu, chiến lược kinh doanh của ngân hàng, đồng thời hình thành cơ chế lựa chọn khách hàng, đối tượng khách hàng, các điều kiện tín dụng để đảm bảo mục tiêu quản lý tốt dư nợ và RRTD.

- Đưa các điều kiện cho vay vào hợp đồng tín dụng : Hợp đồng tín dụng là hợp đồng cho vay trong đó nêu các nội dung về điều kiện cho vay, mục đích sử dụng tiền vay, hình thức vay, số tiền vay, lãi suất, thời hạn vay, hình thức bảo đảm, phương thức trả nợ và những cam kết khác được các bên thỏa thuận.

- Giám sát quá trình vay vốn, sử dụng vốn và trả nợ của khách hàng: Nguyên nhân sâu xa của nợ xấu tăng là do sự thiếu giám sát quá trình vay vốn, sử dụng vốn và trả nợ của

khách hàng, bởi có những khách hàng có phương án SXKD, dự án rất tốt nhưng khi vay được tiền về lại sử dụng sai mục đích Chính vì vậy tăng cường giám sát quá trình vay vốn, sử dụng vốn và trả nợ của khách hàng là biện pháp quan trọng để kiểm soát RRTD trong cho vay đối với ngân hàng, nhất là rủi ro đạo đức khi khách hàng sử dụng vốn vay sai mục đích.

- Thực hiện bảo đảm khoản vay: Bảo đảm tiền vay là việc TCTD áp dụng các biện pháp nhằm phòng ngừa rủi ro, tạo cơ sở kinh tế và pháp lý để thu hồi được các khoản nợ đã cho khách hàng vay.

- Thu nợ trước hạn: Thu nợ trước hạn là biện pháp theo đó NHTM thu hồi nợ vay trước ngày đến hạn đã cam kết trong hợp đồng tín dụng do khách hàng không thực hiện đúng cam kết trong hợp đồng tín dụng hoặc NHTM cho doanh nghiệp vay vốn trả nợ trước hạn khi NHTM phát hiện các dấu hiệu rủi ro tín dụng có thể dẫn đến trả nợ không đúng hạn.

c. Giảm thiểu rủi ro.

Giảm thiểu rủi ro là việc ngân hàng thực hiện các biện pháp nhằm làm giảm mức độ thiệt hại do RRTD mang lại nếu nó xảy ra Các biện pháp giảm thiểu rủi ro trong cho vay ngắn hạn ngân hàng thường áp dụng:

- Áp dụng lãi suất cho vay theo RRTD: Lãi suất cho vay theo mức RRTD nhằm giúp cho NHTM bù RRTD Doanh nghiệp vay vốn có xếp hạng tín dụng nội bộ AAA sẽ có lãi suất cho vay thấp hơn lãi suất cho vay đối với các doanh nghiệp vay vốn có mức định hạng thấp hơn như BB ... Việc áp dụng lãi suất cho vay vốn theo mức độ RRTD tạo động lực cho doanh nghiệp vay vốn luôn phải phấn đấu nâng cao năng lực tài ch nh, trình độ quản lý để được NHTM nâng hạng tín dụng:

+ Giảm dần dư nợ cho vay , tạm dừng và chấm dứt cho vay : Trong quá trình nhận diện, đánh giá RRTD trong cho vay, NHTM nhận thấy tình hình tài chính của doanh nghiệp vay vốn giảm sút chẳng hạn như kinh doanh thua lỗ và doanh nghiệp vay vốn bị xuống hạng không đáp ứng đủ các điều kiện cho vay ban đầu, tùy vào mức độ mà NHTM sẽ hạn chế cho vay và rút dần dư nợ vay.

Ngoài ra còn có một số biện pháp khác hướng vào phục hồi năng lực trả nợ của khách hàng như:

- + Cho vay duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh
- + Cơ cấu lại thời hạn nợ
- + Gia hạn nợ và miễn giảm lãi tiền vay
- + Trích lập dự phòng rủi ro

d. Chuyển giao rủi ro.

Chuyển giao RRTD là việc tạo ra nhiều thực thể khác nhau thay vì một thực thể phải gánh chịu RRTD, thông qua việc chuyển giao toàn bộ tài sản và hoạt động có RRTD đến một người hay một nhóm người khác hoặc cả hai. Trong hoạt động kiểm soát RRTD của NHTM, chuyển giao RRTD được thực hiện dưới các hình thức sau:

- Mua bảo hiểm:

NHTM thường yêu cầu doanh nghiệp mua bảo hiểm cho các tài sản hình thành từ vốn vay hoặc tài sản đảm bảo vốn vay khi xét thấy những tài sản có thể bị tổn thất hao hụt, mất

mát, bị giảm giá trị, hư hỏng do thiên tai, hỏa hoạn. Các tài sản mà NHTM thường yêu cầu là các hàng hóa dễ cháy như xăng dầu, các tài sản chịu nhiều ảnh hưởng của thiên tai như công trình xây dựng... Việc mua bảo hiểm cho tài sản hình thành từ vốn vay là biện pháp nhằm đảm bảo cho nguồn trả nợ cho ngân hàng.

- Bán nợ:

Trong quá trình giám sát khoản vay, NHTM thấy món vay đã giải ngân có dấu hiệu RRTD và được đánh giá có khả năng xảy ra tổn thất hoặc khoản vay đó làm cho danh mục cho vay của NHTM rủi ro hơn. Để hạn chế RRTD xảy ra, NHTM thực hiện bán nợ. Bán nợ là biện pháp NHTM chuyển giao nợ có nguy cơ tổn thất cho các định chế tài chính khác.

+ Bảo lãnh của bên thứ ba:

Trong hoạt động cho vay KHDN, để tạo ra thêm cá nhân, tổ chức gánh chịu trách nhiệm trả nợ vay ngoài DNVV, NHTM yêu cầu DNVV phải có bảo lãnh của bên thứ ba. Bên thứ ba dùng tài sản của mình để cam kết trả nợ thay cho DNVV nếu DNVV không có khả năng trả nợ hoặc bảo lãnh của một NHTM có uy tín về cho khoản thanh toán, ứng trước, thực hiện hợp đồng cho các đối tác của DNVV để đảm bảo khả năng trả nợ đúng hạn, khả năng thực hiện các cam kết đã ký kết của các đối tác này.

e. Phân tán rủi ro.

Phân tán RR là việc ngân hàng đa dạng hóa danh mục cho vay nhằm phân tán các RR đặc thù của khoản vay. Các biện pháp phân tán RR gồm:

- Cho vay với nhiều đối tượng khách hàng doanh nghiệp, không tập trung cho vay quá nhiều vào một số ít ngành nghề, lĩnh vực hoặc một nhóm khách hàng.

- Xác định giới hạn cho vay nhằm giúp DNVV có kế hoạch quản lý và sử dụng vốn hiệu quả trong giới hạn được cấp, thứ hai giúp cho ngân hàng xác định giới hạn cao nhất có thể chấp nhận RRTD trên cơ sở thẩm định, xếp hạng tín dụng nội bộ của DNVV từ đó giúp phân tán RRT.

- Cho vay đồng tài trợ nhằm phân tán rủi ro về quy mô đối với các dự án hoặc các khách hàng lớn. Cho vay đồng tài trợ là hình thức chia nhỏ RRTD nhằm né tránh RRTD có nguy cơ tổn thất cao, chấp nhận RRTD trong giới hạn.

1.2.3. Tiêu chí phản ánh kết quả kiểm soát rủi ro tín dụng cho vay ngắn hạn doanh nghiệp.

a. Tỷ lệ nợ xấu của các khoản cho vay ngắn hạn doanh nghiệp.

- Nợ xấu theo Thông tư số 19/2017/TT-NHNN năm 2017 của Thống đốc NHNN, là nợ được phân loại vào nhóm 3, nhóm 4 và nhóm 5.

$$\text{Tỷ lệ nợ xấu} = \frac{\text{Dư nợ xấu}}{\text{Tổng dư nợ}} \times 100\%$$

- Tỷ lệ nợ xấu phản ánh được chất lượng tín dụng của NHTM, nợ xấu phản ánh khả năng thu hồi vốn khó khăn, vốn của NH lúc này không còn ở mức độ RRTD thông thường nữa mà là nguy cơ mất vốn. Tỷ lệ nợ xấu tăng cho biết các biện pháp kiểm soát RRTD trong cho vay KHDN của NHTM đang có vấn đề.

b. Biến động trong cơ cấu nhóm nợ của tổng dư nợ của các khoản cho vay ngắn hạn doanh nghiệp.

- Theo Thông tư số 19/2017/TT-NHNN năm 2017 của Thống đốc NHNN, TCTD thực hiện phân loại nợ theo 05 nhóm: Nhóm 1 (Nợ đủ tiêu chuẩn), Nhóm 2 (Nợ cần chú ý), Nhóm 3 (Nợ dưới tiêu chuẩn), Nhóm 4.

(Nợ nghi ngờ mất vốn), Nhóm 5 (Nợ có khả năng mất vốn). Chỉ tiêu này phản ánh sự thay đổi cơ cấu của các nhóm nợ theo khả năng thu, tỷ trọng của các nhóm nợ có rủi ro cao tăng lên phản ánh mức độ RRTD gia tăng và ngược lại.

c. Tỷ lệ trích lập dự phòng rủi ro của các khoản cho vay ngắn.

Số dự phòng đã trích lập

$$\text{Tỷ lệ trích lập dự phòng RRTD} = \frac{\text{Số dự phòng đã trích lập}}{\text{Tổng dư nợ}} \times 100\%$$

Tùy theo cấp độ rủi ro mà TCTD phải trích lập dự phòng rủi ro từ 0 – 100% giá trị của từng khoản vay (sau khi trừ giá trị TSĐB đã được định giá lại). Như vậy nếu một NH có dư nợ cho vay càng rủi ro thì tỷ lệ trích lập dự phòng sẽ càng cao.

d. Lãi treo các khoản cho vay ngắn hạn doanh nghiệp.

Lãi treo là số tiền lãi mà khách hàng không trả được khi đến hạn thanh toán lãi. Lãi treo là một dấu hiệu quan trọng để nhận biết RRTD và đánh giá chất lượng tín dụng của khoản cho vay vì khách hàng không thực hiện được việc trả lãi vay theo cam kết trong hợp đồng tín dụng, chứng tỏ rằng khả năng về tài chính của khách hàng bị giảm sút và có nguy cơ dẫn đến RRTD. Do vậy, khi xuất hiện lãi treo ngân hàng phải tiến hành điều tra, phân tích kỹ tình hình tài chính, tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp để tìm ra nguyên nhân tại sao doanh nghiệp không có khả năng thanh toán lãi theo đúng hạn.

1.2.4. Nhân tố ảnh hưởng đến công tác kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp.

a. Nhân tố bên trong ngân hàng.

- Chính sách tín dụng: Chính sách tín dụng là hệ thống các biện pháp liên quan đến việc khuyến trương hay hạn chế tín dụng để đạt được mục tiêu đã hoạch định và hạn chế rủi ro, bảo đảm an toàn trong hoạt động ngân hàng. Hiện tại, chính sách tín dụng của các NHTM Việt Nam vẫn chưa đầy đủ và khoa học. Một số quy định vẫn chưa phù hợp với thông lệ và chuẩn mực quốc tế, chưa thực sự phát huy hiệu quả quản lý ở Hội sở chính và thực thi thông suốt.

- Trình độ, năng lực của cán bộ ngân hàng: Sự yếu kém trong nghiệp vụ cũng sẽ dẫn đến những rủi ro trong quá trình tác nghiệp của CBTD để đánh giá, xếp hạng DN và đi đến kết luận cuối cùng là có đề xuất cho DN vay vốn hay không, phương thức vay vốn như thế nào và biện pháp bảo đảm là gì? Việc đưa ra đề xuất tín dụng này còn phải phù hợp với định hướng, chính sách tín dụng của NH trong từng thời kỳ nhất định. Chỉ những CBTD nắm vững chuyên môn nghiệp vụ, hiểu biết về chính sách, định hướng của ngành, của hệ thống NH mình mới đưa ra được quyết định đúng đắn trong cho vay, và chỉ có như vậy

mới đảm bảo tốt công tác kiểm soát RRTD trong cho vay KHDN một cách an toàn, hiệu quả và đi đúng định hướng chung.

- Đạo đức cán bộ ngân hàng: Đạo đức cán bộ NH cũng là một trong những nhân tố ảnh hưởng đến công tác kiểm soát RRTD trong cho vay KHDN. Đó là việc cán bộ cấu kết với DNVV để lập hồ sơ giả vay vốn, cán bộ gian lận trong quá trình thu thập thông tin dẫn đến công tác đánh giá, thẩm định DNVV không trung thực, phản ánh không đúng, từ đó đề xuất cho vay sai. Trong quá trình cho vay, CBTD phát hiện DNVV sử dụng sai mục đích, vi phạm hợp đồng nhưng cố tình che giấu, không báo cáo với lãnh đạo để xử lý kịp thời dẫn đến NH phải chịu rủi ro.

- Công nghệ ngân hàng: Hiện nay, công nghệ ngân hàng là một trong những nhân tố có ảnh hưởng khá nhiều đến công tác kiểm soát RRTD tại NH. Một NH mà ứng dụng nhiều công nghệ, kỹ thuật hiện đại thì sẽ đạt tính chính xác, độ nhanh nhạy cao trong hoạt động tín dụng, giảm thiểu các sai sót.

b. Nhóm nhân tố bên ngoài ngân hàng.

- Môi trường pháp lý, cơ chế chính sách của Nhà nước: Môi trường pháp lý, cơ chế chính sách là những quy định của pháp luật không chỉ làm cơ sở để ngân hàng tiến hành các hoạt động giao dịch của mình mà còn là cơ sở để các doanh nghiệp thực hiện. Nhân tố này đóng vai trò là khuôn khổ định hướng hoạt động của các chủ thể trong nền kinh tế, trong đó có các ngân hàng và các doanh nghiệp phục vụ mục tiêu chung của xã hội. Tình trạng không đồng bộ, không hợp lý của các văn bản pháp lý, chính sách quản lý của Nhà nước có thể gây khó khăn và làm tăng rủi ro đối với kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp từ đó làm gia tăng RRTD trong cho vay của ngân hàng.

- Môi trường kinh tế: Sự biến động quá nhanh và không dự đoán được của nền kinh tế khu vực cũng như toàn thế giới. Khi nền kinh tế thế giới đi vào giai đoạn suy thoái và khủng hoảng, tất cả các nền kinh tế thành phần không nằm ngoài tầm ảnh hưởng. Sự thay đổi về lãi suất, tỷ giá hối đoái, lạm phát, chỉ số giá tiêu dùng,... cũng là một trong những nguyên nhân đáng kể ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của DNVV dẫn đến mất khả năng thanh toán nợ.

- Trình độ và khả năng quản lý của DN: Khi các DN vay tiền NH để mở rộng quy mô kinh doanh, đa phần là tập trung vốn đầu tư vào tài sản vật chất chứ ít DN nào mạnh dạn đổi mới cung cách quản lý, đầu tư cho bộ máy giám sát kinh doanh, tài chính, kế toán theo đúng chuẩn mực.

- Mục đích sử dụng vốn của DN và thiện chí trả nợ của DN: Đa số các KH khi vay vốn NH đều có các phương án kinh doanh cụ thể, khả thi. Số lượng các KH sử dụng vốn sai mục đích, cố ý lừa đảo NH để chiếm đoạt tài sản không nhiều. Tuy nhiên những vụ việc phát sinh lại hết sức nặng nề, liên quan đến uy tín của các cán bộ, làm ảnh hưởng xấu đến các DN khác.

CHƯƠNG 2

CÔNG TÁC KIỂM SOÁT RỦI RO TÍN DỤNG TRONG HOẠT ĐỘNG CHO VAY NGẮN HẠN ĐỐI VỚI KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP TẠI NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH KON TUM GIAI ĐOẠN 2018 – 2020

2.1. KHÁI QUÁT VỀ NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH KON TUM.

Tên hiện tại: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Kon Tum.

- Tên giao dịch quốc tế: VIETNAM JOINT STOCK COMMERCIAL BANK FOR INDUSTRY AND TRADE - KON TUM BRANCH.

- Tên viết tắt: Vietinbank.

- Trụ sở chính: 655, Đường Nguyễn Huệ, Phường Quyết Thắng, TP Kon Tum, Tỉnh Kon Tum.

- Điện thoại: 026.0391.0209.

- Website: www.vietinbank.com.

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển.

Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Kon Tum là đơn vị được chính thức thành lập từ 13/ 07/2006, trên cơ sở tách nhập và nâng cấp từ phòng giao dịch Kon Tum thuộc Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai. Kể từ đó, Ngân hàng TMCP Công thương VN - Chi nhánh Kon Tum hoạt động độc lập, tự chủ trên cơ sở phát lệnh Ngân hàng.

Năm 2008 cũng là năm NHCTVN chính thức được phê duyệt cổ phần hóa và thực hiện chuyển đổi thành doanh nghiệp cổ phần, đổi tên thành ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam. Theo đó, Chi nhánh Ngân hàng Công thương Việt Nam tỉnh Kon Tum đổi tên thành Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Kon Tum.

Vietinbank – CN Kon Tum chịu sự điều hành của NHCTVN qua các văn bản chỉ đạo và thực hiện quy định về báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh định kỳ, thường xuyên. Tuân thủ chính sách, chế độ của ngân hàng đảm bảo nguyên tắc tập trung thống nhất trên toàn hệ thống.

Trong những năm qua, cùng với quá trình đổi mới đất nước và Tỉnh nhà, Vietinbank -CN Kon Tum đã dẫn đầu định vị thế là một NHTM có uy tín và tầm cỡ trên địa bàn tỉnh, góp phần thực thi các chính sách tiền tệ của nhà nước nhằm kiểm chế và đẩy lùi lạm phát, ổn định và phát triển kinh tế. Vietinbank – CN Kon Tum luôn cố gắng để nâng cao hơn nữa chất lượng sản phẩm và dịch vụ nhằm phục vụ khách hàng ngày càng tốt hơn, đủ sức cạnh tranh trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế.

Đến nay, sau 16 năm hoạt động và phát triển, với sự đồng tâm nỗ lực của cán bộ công nhân viên, luôn không ngừng cố gắng trong thực hiện chiến lược phát triển quy mô hoạt động và mở rộng mạng lưới với số lượng chi nhánh đã tăng hơn 100 người, mở mới 7

phòng giao dịch và mạng lưới đã phù hợp khắp địa bàn TP và các Huyện chủ lực của Tỉnh với vị trí địa lý cách nhau từ 50-60 KM, Vietinbank – CN Kon Tum đã đạt được những thành quả đáng thích lệ, chi nhánh đã hơn 5 lần nhận được danh hiệu đơn vị hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong hệ thống. Chỉ tiêu huy động vốn, dư nợ cũng như lợi nhuận của chi nhánh đều tăng qua từng năm. Thực hiện dự án hiện đại hóa ngân hàng, Vietinbank Kon Tum đã không ngừng ngân cấp, trang bị công nghệ tiên tiến phục vụ cho hoạt động kinh doanh của mình, là ngân hàng tiêu phong trong chuyển đổi hệ thống Core Incas Năm 2010, Core Sunshine năm 2018, với phong cách phục vụ nhanh chóng, tận tình, hiệu quả, Vietinbank – CN Kon Tum càng ngày càng mở rộng thị phần và xây dựng được chỗ đứng vững chắc tron lòng các khách hàng truyền thống cũng như khách hàng tiềm năng trên địa bàn Tỉnh nhà.

*** Chức năng cơ bản của Vietinbank – Chi nhánh Kon Tum.**

Chức năng thủ quỹ cho xã hội: Mọi thành phần trong xã hội đều có thể mở tài khoản tại ngân hàng để gửi vào đó số tiền mà mình đang nắm giữ nhằm mục đích bảo vệ an toàn. Ngoài ra có thể sử dụng tài khoản đó để thanh toán hàng hóa dịch vụ và hưởng lãi.

Chức năng trung gian thanh toán: Ngân hàng làm trung gian thanh toán khi thực hiện thanh toán theo yêu cầu của khách hàng như trích tiền từ tài khoản tiền gửi của họ để thanh toán tiền hàng hóa, dịch vụ hoặc nhập vào tài khoản tiền gửi của khách hàng tiền thu, bán hàng và các khoản thu khác theo lệnh của khách hàng.

Chức năng trung gian tín dụng: Ngân hàng hoạt động như một chiếc cầu nối liền giữa khả năng cung ứng và nhu cầu tiền tệ trong xã hội. Là trung gian tín dụng, ngân hàng đóng vai trò là người môi giới giữa một bên là những người có tiền cho vay và bên kia là những người có nhu cầu chi, tiêu cần phải vay vốn.

- Chấp hành nghiêm chỉnh các chính sách Nhà nước, các quy định trong luật Ngân hàng Nhà Nước và luật các tổ chức tín dụng.

- Nhận vốn uỷ thác từ các chương trình tài trợ quốc gia, nhận tiền gửi thanh toán và tiết kiệm: không kỳ hạn, có kỳ hạn bằng đồng Việt Nam và ngoại tệ của các tổ chức kinh tế xã hội, các doanh nghiệp, cá nhân trong và ngoài nước.

- Phát hành kỳ phiếu, chiết khấu thương phiếu, hối phiếu và các loại tín phiếu.

- Thực hiện các nghiệp vụ thanh toán trong nước, thanh toán quốc tế về mậu dịch và phi mậu dịch.

- Mua bán chuyển đổi ngoại tệ, séc du lịch, chi trả kiều hối.

- Nhận chuyển tiền thanh toán đến các ngân hàng thương mại trong toàn quốc qua hệ thống viễn thông nhanh, an toàn, chính xác.

- Cho vay đầu tư tín dụng vốn cố định, vốn lưu động bằng đồng Việt Nam và ngoại tệ.

- Thực hiện các dịch vụ bảo lãnh vay vốn trong nước và nước ngoài, tư vấn về lĩnh vực tiền tệ, cho các đơn vị đầu tư, lập các dự án khả thi.

- Đi vay: Thực hiện việc huy động tiền gửi tiết kiệm nhân rỗi trong dân cư, tiền gửi của các tổ chức kinh tế, phát hành kì phiếu các loại nhằm tạo lập nguồn vốn kinh doanh của chi nhánh.

- Thực hiện việc thanh toán cho khách hàng bằng các phương thức thanh toán không dùng tiền mặt.

- Và nhiều hoạt động khác như đại lý chứng khoán, tài trợ thương mại, nhận giữ hộ tài sản quý...

2.1.2. Sơ đồ tổ chức các phòng ban tại Vietinbank – CN Kon Tum.

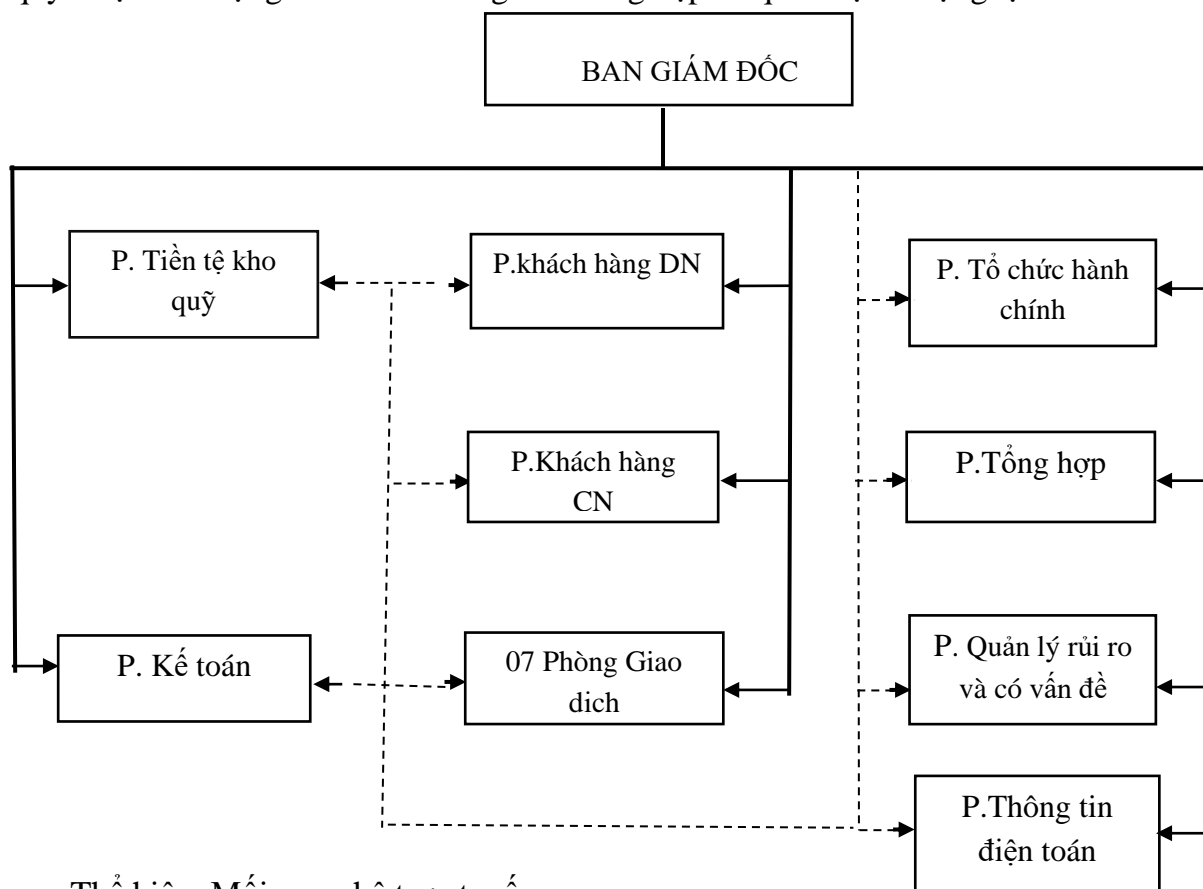
Vietinbank Kon Tum được tổ chức theo mô hình trực tuyến – chức năng vừa đảm bảo tính linh hoạt trong quản lý đồng thời vừa tiết kiệm được thời gian trong quản lý và điều hành hoạt động. Cơ cấu tổ chức gồm: Ban Giám đốc và 16 phòng, tổ.

Ban Giám đốc: Gồm 01 Giám đốc, và 02 Phó Giám đốc.

- Giám đốc: Là người lãnh đạo cao nhất và phụ trách chung các hoạt động. Phụ trách điều hành về các hoạt động tín dụng của một số khách hàng lớn. Thực hiện phê duyệt công tác thanh toán, chi tiêu tài chính, nhân sự.

- Phó Giám đốc: Phụ trách trực tiếp phòng, tổ được Giám đốc phân công, ủy quyền. (bao gồm 01 Phó Giám đốc quản lý khối bán lẻ và 01 Phó giám đốc quản lý rủi ro).

Phòng khách hàng doanh nghiệp: Theo dõi, giám sát khoản vay, đơn đốc thu hồi nợ vay. Đầu mối phối hợp với phòng tổng hợp và quản lý nợ có vấn đề để thu hồi các khoản nợ xấu, nợ ngoại bảng, nợ xử lý rủi ro. Quản lý, khai thác hồ sơ, thông tin khách hàng doanh nghiệp theo quy định của NHCT. Thực hiện chức năng thẩm định và đề xuất quyết định tín dụng cho khách hàng doanh nghiệp có quan hệ tín dụng tại Chi nhánh.



Thể hiện: Mỗi quan hệ trực tuyến: —————>

Mỗi quan hệ chức năng: - - - - ->

(Nguồn: Phòng tổ chức hành chính – Vietinbank TP Kon Tum).

Hình 1.1: Mô hình tổ chức của Vietinbank - CN Kon Tum.

Tổ Tài trợ thương mại và thanh toán ngoại tệ (Trục thuộc phòng khách hàng doanh nghiệp): Đầu mối tiếp thị, tư vấn và bán các sản phẩm, dịch vụ tài trợ thương mại cho các khách hàng. Đầu mối quản lý, tổng hợp, giám sát toàn bộ hoạt động kinh doanh ngoại tệ tài chính.

Phòng bán lẻ: Tìm kiếm, tiếp thị, tư vấn, hỗ trợ, chăm sóc khách hàng là cá nhân, hộ gia đình. Phối hợp với các bộ phận liên quan cung cấp trọn gói các sản phẩm, dịch vụ của NHCT cho các khách hàng cá nhân phù hợp với chế độ, quy định hiện hành của NHCTVN. Thực hiện chức năng thẩm định và đề xuất quyết định tín dụng cho khách hàng cá nhân, hộ kinh doanh có quan hệ tín dụng tại Chi nhánh.

Tổ thẻ và dịch vụ điện tử (Trục thuộc phòng bán lẻ): Thực hiện các nghiệp vụ liên quan đến cung cấp sản phẩm, công tác Marketing và hỗ trợ về dịch vụ thẻ và dịch vụ ngân hàng điện tử cho khách hàng. Báo cáo, tham mưu và triển khai các hoạt động kinh doanh thẻ và dịch vụ điện tử tại Chi nhánh.

Phòng tổng hợp và quản lý nợ có vấn đề: Tham mưu cho Ban Giám đốc về lãi suất huy động, cho vay, chiến lược phát triển kinh doanh của chi nhánh. Đầu mối trong triển khai chương trình điều hành, cân đối vốn kinh doanh chung của toàn chi nhánh. Tổng hợp, phân tích, đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh của Chi nhánh, thực hiện báo cáo tổng hợp, lưu trữ số liệu hoạt động chung toàn Chi nhánh theo quy định của NHNN và NHCTVN. Phối hợp với các phòng khách hàng quản lý, xử lý thu hồi các khoản nợ xấu, nợ xử lý rủi ro, xử lý tài sản bảo đảm tiên vay. Thực hiện triển khai các công việc quản lý rủi ro tín dụng, rủi ro hoạt động đối với toàn bộ hoạt động tại Chi nhánh.

Phòng kế toán giao dịch: Cung cấp các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng liên quan đến nghiệp vụ thanh toán và các nghiệp vụ khác, xử lý hạch toán các giao dịch. Tổ chức công tác hạch toán kế toán, thực hiện các giao dịch tài chính và phi tài chính của toàn chi nhánh đúng theo quy định hiện hành của NHCTVN.

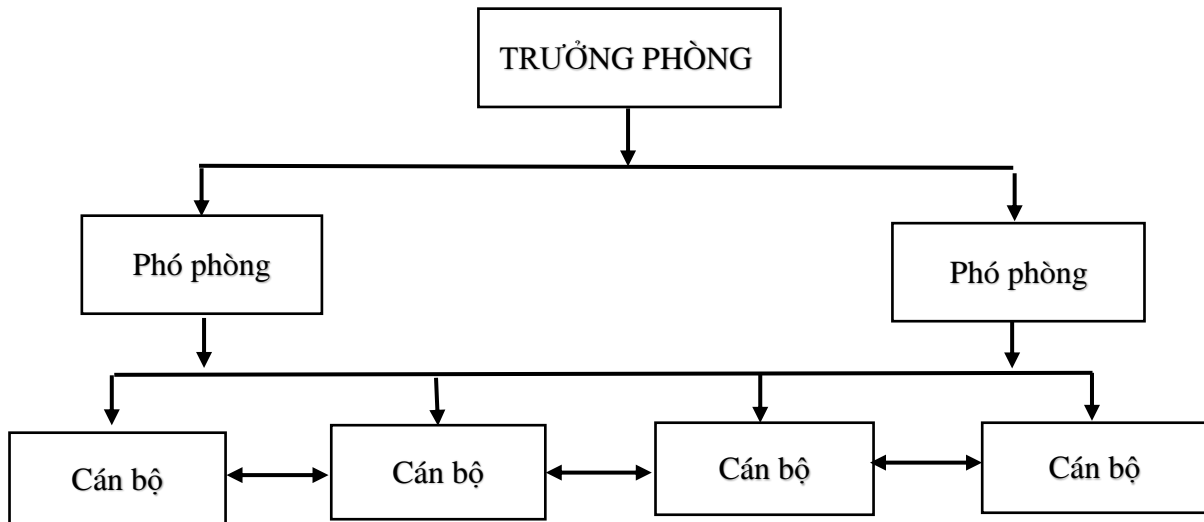
Tổ thông tin Điện toán (Trục thuộc phòng kế toán): Thực hiện công tác quản lý, duy trì hệ thống thông tin điện toán. Bảo trì, bảo dưỡng máy tính đảm bảo thông suốt hoạt động của hệ thống mạng, máy tính.

Phòng tiền tệ kho quỹ: Quản lý toàn bộ tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá, ấn chỉ quản trọng, hồ sơ tài sản bảo đảm,... Bảo đảm công tác an toàn kho quỹ của Chi nhánh tại nơi giao dịch, kho bảo quản và trên đường vận chuyển. Điều hành và sử dụng tiền mặt tiết kiệm, hiệu quả.

Phòng tổ chức hành chính: Tham mưu cho Ban Giám đốc về công tác quản lý cán bộ, hành chính quản trị của Chi nhánh. Thực hiện các chức năng về đảm bảo an toàn tài sản, quy định về bảo quản trang thiết bị, quản lý con dấu của chi nhánh, bảo dưỡng phương tiện đi lại.

Các phòng giao dịch: (07 PGD), PGD Duy Tân, PGD Sa Thầy, PGD Ngọc Hồi, PGD Trung Tâm Thương Mại, PGD Đăk Hà, PGD Đăk Tô, PGD Hòa Bình: thực hiện chức năng kinh doanh của ngân hàng như: huy động vốn, tín dụng cho vay và các dịch vụ khác theo quy định của NHNN, NHCTVN, trên cơ sở quy chế, quy trình nghiệp vụ và phạm vi được ủy quyền.

a. Sơ đồ tổ chức của phòng bán lẻ.



Thể hiện: Mối quan hệ trực tuyến: —————>

(Nguồn: Phòng tổ chức hành chính – Vietinbank TP Kon Tum).

Hình 1.2: Mô hình tổ chức của phòng bán lẻ Vietinbank - CN Kon Tum.

b. Chức năng của phòng bán lẻ:

- Tổ chức quản lý đội ngũ phát triển kinh doanh, phát triển hệ thống khách hàng là cá nhân, hộ gia đình và giới thiệu chào bán hàng đối với sản phẩm khách hàng cá nhân: Huy động vốn, tín dụng, thẻ, ngân hàng, điện tử.

- Thẩm định phê duyệt, tiền hành giải ngân cho các hồ sơ tín dụng của khách hàng cá nhân được phê duyệt. Cập nhật thông tin khách hàng thường xuyên, theo dõi các khoản cho vay. Lập phương án đề xuất giảm thiểu, giải quyết rủi ro xảy ra.

- Thiết lập và phát triển các kênh phân phối. Xây dựng, phát triển và khai thác có hiệu quả cơ sở dữ liệu khách hàng tiềm năng. Tổ chức và phát triển, duy trì quan hệ với khách hàng cá nhân. Đảm bảo quá trình tuân thủ hoạt động kinh doanh theo quy định của ngân hàng, của ngân hàng Nhà nước và pháp luật...

Trưởng phòng: Là người đứng đầu phòng, chịu trách nhiệm hoàn toàn trước người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập về toàn bộ hoạt động của phòng. Trưởng phòng lãnh đạo toàn diện, tổ chức, điều hành, kiểm tra một hoạt động của phòng.

Phó phòng: Là phòng tổ chức cán bộ giúp trưởng phòng phụ trách một số lĩnh vực công tác theo sự phân công của trưởng phòng, chịu trách nhiệm trước trưởng phòng và trước pháp luật về lĩnh vực công tác được phân công.

Cán bộ (Cán bộ quan hệ khách hàng): Tiếp xúc trực tiếp với khách hàng, tư vấn cho họ những sản phẩm, dịch vụ, tiện ích và cách hoàn thành các thủ tục hồ sơ theo quy định của ngân hàng dựa trên nhu cầu sử dụng và khả năng tài chính của khách hàng.

2.1.3. Bối cảnh kinh doanh của Vietinbank - Chi nhánh Kon Tum.

a. Bối cảnh bên ngoài.

- Tình hình kinh tế xã hội tỉnh Kon Tum những năm qua: Mặc dù tình hình kinh tế thế giới giai đoạn 2018 - 2020 có những diễn biến khó lường, cuộc khủng hoảng tài chính

và suy thoái kinh tế thế giới đã tác động bất lợi đến kinh tế của cả nước nói chung và tỉnh Kon Tum nói riêng. Hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Kon Tum gặp nhiều khó khăn; khô hạn xảy ra trên diện rộng gây thiệt hại đến sản xuất nông nghiệp, ảnh hưởng đến đời sống của người dân. Quy mô các doanh nghiệp trên địa bàn nhỏ, sức cạnh tranh thấp.

- Chính sách về cho vay của Ngân hàng nhà nước: Thực hiện các giải pháp điều hành tín dụng theo hướng mở rộng tín dụng đi đôi với kiểm soát chất lượng tín dụng; tập trung tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp trong việc tiếp cận nguồn vốn tín dụng phục vụ phát triển sản xuất, kinh doanh; tiếp tục triển khai các chương trình gắn kết tín dụng ngân hàng với chính sách ngành kinh tế, chuyển dịch cơ cấu tín dụng theo hướng tập trung vốn cho vay đối với các lĩnh vực ưu tiên theo chủ trương của Chính phủ.

- Đặc điểm của khách hàng doanh nghiệp trên địa bàn: đa số các doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn là các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Phần lớn là các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thương mại (khoảng 40%), xây dựng (20%), công nghiệp chế biến (15%), vận tải, dịch vụ (5%), còn lại là các ngành nghề khác (đều dưới 4%).

b. Bối cảnh bên trong.

- Chiến lược kinh doanh của ngân hàng: Mọi hoạt động hướng đến khách hàng, tiếp tục duy trì và mở rộng thị trường, lĩnh vực kinh doanh lấy hoạt động ngân hàng thương mại là cốt lõi trên cơ sở củng cố phát triển bán buôn và đẩy mạnh bán lẻ - làm cơ sở nền tảng phát triển bền vững.

- Đội ngũ nguồn nhân lực: Viettinbank Kon Tum hiện có hơn 100 nhân viên, trong đó có 35 cán bộ phụ trách công tác tín dụng được đào tạo bài bản, bề dày kinh nghiệm hoạt động lâu năm, có năng lực nhạy bén với môi trường kinh doanh hiện đại là nền tảng phát triển tốt cho chi nhánh.

- Về các sản phẩm : Hiện nay, chi nhánh đang thực hiện cung ứng các sản phẩm, dịch vụ tài chính ngân hàng theo định hướng của Viettinbank trên nhiều mặt như tín dụng, huy động vốn , kinh doanh ngoại tệ, dịch vụ ngân hàng bán lẻ gồm dịch vụ thẻ, chuyển tiền quốc tế, ngân hàng điện tử, các loại sản phẩm bảo hiểm tín dụng,... Các sản phẩm của chi nhánh khá đa dạng, được nghiên cứu, hoàn thiện liên tục cùng với chính sách lãi suất, phí linh hoạt, hợp lý, đáp ứng nhu cầu của các cá nhân, tổ chức trong khu vực.

- Về công nghệ : Để đáp ứng yêu cầu công việc của cán bộ nhân viên cũng như cung cấp các dịch vụ, tiện ích cho khách hàng, chi nhánh luôn chú trọng đầu tư về mặt công nghệ. Các chương trình ứng dụng hỗ trợ công việc chi nhánh về cơ bản đã đáp ứng được yêu cầu công việc, góp phần nâng cao năng suất lao động của cán bộ nhân viên.

2.1.4. Tình hình lao động tại Vietinbank – Chi nhánh Kon Tum giai đoạn 2018 - 2020.

Ngay từ những ngày thành lập, Vietinbank Kon Tum luôn chú trọng đến việc bồi dưỡng, phát triển đội ngũ cán bộ và đây coi là một trong những nhân tố quyết định đến sự thành công trong hoạt động của mình. Chi nhánh luôn cố gắng kiện toàn công tác xây dựng và điều hành đơn vị, nâng cao trình độ đội ngũ lao động, sắp xếp và bố trí nhân sự một cách hợp lý để phát huy tối đa năng lực làm việc của mỗi người nhằm đạt hiệu quả cao trong công việc.

Qua biến động số lượng lao động của Chi nhánh giai đoạn từ năm 2018 đến 2020 cho thấy tỷ lệ lao động nữ có xu hướng giảm dần, còn tỷ lệ lao động nam tăng dần. Năm 2018, tỷ lệ nữ cao hơn gần gấp đôi so với tỷ lệ nam, nhưng đến năm 2020, tương quan lao động đã đồng đều hơn, số lượng lao động nữ chiếm tỷ lệ 49,48%, còn số lượng lao động nam chiếm tỷ lệ 50,52%. Cơ cấu này là phù hợp với định hướng hiện nay của Chi nhánh cần bổ sung thêm cán bộ nam cho bộ phận tín dụng, nhằm đẩy mạnh tăng trưởng hoạt động tín dụng.

Bảng 2.1: Tình hình lao động tại Vietinbank – Chi nhánh Kon Tum giai đoạn 2018 - 2020.

Đơn vị tính: Người

Chi tiêu	2018		2019		2020		2019/2018		2020/2019	
	SL	%	SL	%	SL	%	+/-	%	+/-	%
Tổng lao động	120	100	131	100	142	100	10	8,33	11	8,39
1. Phân theo giới tính.										
Nam	51	42,15	63	48,09	72	50,52	12	23,52	9	14,28
Nữ	69	57,85	68	51,91	70	49,48	-2	-2,89	2	2,94
2. Phân theo độ tuổi.										
Trên 45 tuổi	38	31,40	33	25,19	39	23,85	-5	-13,15	-34	-103,03
Trên 30 đến 45 tuổi	47	38,84	47	35,88	43	31,50	0	0,00	0	0
Dưới 30 tuổi	36	29,75	51	38,93	60	44,65	15	41,67	45	88,23
3. Phân theo trình độ học vấn.										
Sau đại học	33	27,27	39	29,77	44	34,86	6	18,18	38	97,43
Đại học	83	68,60	86	65,65	89	61,04	3	3,61	20	23,25
Cao đẳng, trung cấp	4	3,31	5	3,82	8	3,42	1	25,00	7	140
Lao động phổ thông	1	0,83	1	0,76	1	0,68	0	0,00	0	0,00
4. Phân theo thời gian công tác.										
Trên 10 năm	54	44,63	52	39,69	59	37,58	-2	-3,70	-57	-109,61
từ 05 đến 10 năm	33	27,27	30	22,90	32	20,32	-3	-9,09	-29	-96,66
Dưới 05 năm	34	28,10	49	37,40	51	42,10	15	44,11	35	71,42

(Nguồn: Phòng Tổ chức hành chính – Vietinbank - CN Kon Tum).

Lao động tại Chi nhánh có xu hướng trẻ hóa dần qua các năm. Năm 2018, tỷ lệ lao động trên 45 tuổi chiếm 31,40% thì sang năm 2019 giảm xuống chỉ còn 25,19% và đến năm 2020 chỉ còn chiếm 23,85%, tổng số lao động. Theo chiều ngược lại, tỷ lệ dưới 30 tuổi có xu hướng tăng dần từ 29,75%, tổng số lao động năm 2018 có xu hướng tăng dần

lên 38,93% vào năm 2019 và đến năm 2020 là 44,65%. Điều này cho thấy quyết tâm trẻ hóa dần đội ngũ cán bộ công nhân viên (CBCNV) của Chi nhánh để phù hợp với giai đoạn phát triển mới của Vietinbank – CN Kon Tum.

Xét theo trình độ học vấn, nhóm lao động có trình độ đại học và sau đại học luôn chiếm tỷ trọng cao nhất, trên 95% tổng số lao động. Lao động có trình độ cao đẳng, trung cấp lao động phổ thông tại Vietinbank – CN Kon Tum chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong cơ cấu lao động, chưa đến 5% tổng số lao động chủ yếu là bộ phận lái xe, bảo vệ, lao công và số lượng hầu như không thay đổi trong 03 năm qua. Điều này chứng tỏ chất lượng của đội ngũ cán bộ của công nhân viên tại Vietinbank – CN Kon Tum rất được Ban Lãnh Đạo (BLD) chú trọng trong công tác tuyển dụng, đảm bảo thu hút được nguồn nhân lực có trình độ cao, đủ khả năng đáp ứng các yêu cầu trong hoạt động kinh doanh tại đơn vị.

Về thời gian công tác, có thể thấy Vietinbank - Chi nhánh Kon Tum đang dần thiết lập được một cơ cấu khá cân đối giữa cán bộ có thâm niên và cán bộ mới. Trong các năm 2018 - 2019, tỷ lệ cán bộ lớn tuổi, công tác lâu năm vẫn còn chiếm tỷ lệ khá lớn, lần lượt là 44,63% và 39,69%, tuy nhiên cùng với chính sách trẻ hóa dần đội ngũ nhân sự và một số cán bộ đến tuổi nghỉ hưu nên đến năm 2020, tỷ lệ lao động công tác trên 10 năm chỉ còn chiếm 37,58%, tỷ lệ lao động của công tác dưới 05 năm tăng lên, chiếm 42,10%.

Qua bảng số liệu trên có thể thấy sự biến động nhân sự của Chi nhánh trong giai đoạn từ năm 2019 đến năm 2020 là khá hợp lý. Ban lãnh đạo (BLD) đã xác định cần phải thay đổi dần cơ cấu đội ngũ lao động theo hướng giảm dần các cán bộ lớn tuổi, đến tuổi nghỉ hưu, bổ sung thêm các cán bộ trẻ với trình độ chuyên môn cao, am hiểu công nghệ để dễ dàng tiếp cận với các hệ thống, chương trình quản lý mới của ngân hàng. Bên cạnh đó, tiếp tục bồi dưỡng lớp cán bộ kế cận để chuyển giao dần công việc, cũng như là nhân tố chủ chốt để hướng dẫn và truyền đạt thêm kinh nghiệm cho lớp cán bộ tin dụng mới.

2.1.5. Hoạt động cho vay của Vietinbank – Chi nhánh Kon Tum giai đoạn 2018 – 2020.

Hoạt động cho vay là hoạt động trọng tâm, tạo ra thu nhập nhiều nhất nhưng cũng là lĩnh vực có rủi ro cao nhất trong hoạt động ngân hàng. Nhiệm vụ kinh doanh của Chi nhánh là làm sao có thể đáp ứng đủ nhu cầu vay vốn của khách hàng một cách hiệu quả và mang lại lợi nhuận, nhưng đồng thời cũng phải hạn chế tối đa rủi ro xảy ra. Đặc biệt là đối với KHDN luôn chiếm tỷ trọng từ 60 – 80% tổng dư nợ các NHTM. Đối với Vietinbank Kon Tum, dư nợ KHDN chiếm tỷ trọng khoảng 70% tổng dư nợ, đồng nghĩa đó KHDN luôn tiềm ẩn rủi ro với quy mô lớn so với các nhóm khách hàng còn lại. Bảng sau thể hiện sự chuyển biến trong hoạt động tín dụng đối với KHDN của Vietinbank Kon Tum trong giai đoạn 2018 – 2020.

a. Doanh số cho vay KHDN phân theo kỳ hạn, tài sản bảo đảm, mục đích và đối tượng giai đoạn 2018 - 2020.

Trong hoạt động cho vay, chỉ tiêu doanh số cho vay được phân theo kỳ hạn, tài sản bảo đảm, mục đích và đối tượng phản ánh được số lượng và tuần suất các giao dịch cho vay phát sinh tại Vietinbank Kon Tum đối với KHDN tập trung nhiều từ 500 – 5.000 triệu đồng/ món, chiếm từ 80 – 90%.

Bảng 2.2: Bảng Doanh số cho vay KHDN phân theo kỳ hạn, tài sản bảo đảm, mục đích và đối tượng giai đoạn 2018 – 2020.

Đơn vị tính: Triệu đồng.

Chi tiêu	2018		2019		2020		2019/2018		2020/2019	
	Tỷ đồng	%	Tỷ đồng	%	Tỷ đồng	%	+/-	%	+/-	%
Doanh số cho vay khối KHDN	3.930,10	100,00	4.046,96	100,00	4,568,73	100,00	116,86	2,97	521,77	12,89
1. Phân theo kỳ hạn vay.										
Ngắn hạn	3.513,81	89,41	3.279,61	81,04	3.637,42	87,32	-234,20	-6,67	357,81	11,45
Trung hạn	416,29	10,59	767,35	18,96	931,31	12,68	351,06	84,33	163,96	21,36
2. Phân theo TSBD.										
Có TSBD	3.503,89	89,21	3.451,25	85,28	3,721,24	89,06	-54,64	-6,67	357,81	10,37
Không TSBD	424,21	10,79	595,71	14,72	847,49	10,94	171,50	40,43	251,78	42,69
3. Phân theo mục đích vay.										
Thương mại, dịch vụ	2.075,81	52,82	2.299,31	56,82	2.462,21	58,06	223,5	10,77	162,90	7,08
Xây dựng, xây lắp	506,12	12,88	463,12	11,44	524,65	12,21	-43,00	-8,50	61,53	13,28
Nông lâm nghiệp	276,31	7,03	180,65	4,46	234,48	7,64	95,66	34,62	53,83	29,79
Công nghiệp	996,77	25,36	994,28	24,57	1.237,12	19,32	-2,49	-0,25	242,84	24,42
Thủy điện	75,09	1,91	109,60	2,71	110,27	2,77	34,51	46,96	6,70	6,11
Khai khoáng	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
Ngành khác	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00

4. Phân theo đối tượng.

KHDN lớn	605,12	15,40	1.076,62	26,60	1.326,55	29,90	471,19	77,84	249,93	23,21
KHDN VVN	2.645,56	67,32	2.536,53	62,68	2.759,73	56,35	- 109,03	-4,12	223,20	8,79
KHDN FDI	679,11	17,28	433,81	10,72	482,45	13,75	- 245,30	- 36,12	-5,36	-1,23

(Nguồn: Phòng tổng hợp – Vietinbank Kon Tum).

Xét theo kỳ hạn cho vay, doanh số cho vay chủ yếu tập trung ở cho vay ngắn hạn: Năm 2018, doanh số cho vay đạt mức 3.513,81 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 89,41%, sang năm 2019: doanh số cho vay đạt mức 3.279,61 tỷ đồng, giảm xuống còn 89,04% và năm 2020 lại có xu hướng tăng mạnh lên đạt mức 3.637,42 tỷ đồng, giảm tỷ trọng còn 87,32%. Ngược lại doanh số cho vay trung hạn tăng mạnh trong năm 2020 đạt mức 931,31 tỷ đồng tăng lên 163,96 tỷ đồng (tương ứng tăng 21,36%) so với năm 2019.

Xét theo TSBD, doanh số cho vay chủ yếu ở đối tượng cho vay có TSBD, chiếm tỷ trọng bình quân 87%. Qua các năm tỷ trọng doanh số cho vay không có TSBD tăng dần từ năm 2018 đến 2019, chiếm tỷ trọng 10,79% tăng lên 14,72% và sang năm 2020 giảm xuống còn 10,94%. Đây là kết quả của nơi lỏng bảo đảm tín dụng bằng hình thực sử dụng TSBD của Ngân hàng công thương.

Xét theo yếu tố mục đích vay, doanh số cho vay tập trung lớn ở hai ngành Thương mại dịch vụ và Công nghiệp, tỷ trọng hai ngành chiếm lao động từ 76%– 80% tổng doanh số cho vay. Đây là các ngành nghề trọng điểm của nền trong thời gian gần đây cũng như định hướng về lâu dài.

Theo đối tượng vay, KHDN VVN có xu hướng giảm dần qua các năm 2018 đến 2020, chiếm tỷ trọng 67,32% giảm còn 62,68% năm 2019 và năm 2020 giảm mạnh còn 56,35%, KHDN lớn có tỷ trọng tăng dần qua các năm, đến năm 2019 chiếm khoản 29,90%

KHDN FDI là đối tượng có số lượng không nhiều ở đại bàn Tỉnh Kon Tum, số lượng nhóm đối tượng KHDN FDI của Vietinbank Kon Tum là không đáng kể, dư nợ cũng như doanh số cho vay chủ yếu tập trung vào như khách hàng trọng yếu như: Công ty cổ phần Thủy Điện Sông Đà 3 Đắk Lô, Công ty cổ phần đầu tư Thủy Điện Đức Bảo, Công ty NHNN Thủy Điện Đắk RbayE...

b. Dư nợ của KHDN phân theo kỳ hạn, tài sản bảo đảm, mục đích và đối tượng giai đoạn 2018 – 2020.

Chi tiêu dư nợ KHDN phân theo kỳ hạn, tài sản bảo đảm, mục đích và đối tượng phản ánh một cách tổng quát cơ cấu tình hình cho vay KHDN của Vietinbank – CN Kon Tum giai đoạn 2018 – 2020.

2.3. Bảng dư nợ của KHDN phân theo kỳ hạn, tài sản bảo đảm, mục đích và đối tượng giai đoạn 2018 – 2020.

Đơn vị tính: Triệu đồng.

Chi tiêu	2018		2019		2020		2019/2018		2020/2019	
	Tỷ đồng	%	Tỷ đồng	%	Tỷ đồng	%	+/-	%	+/-	%
Tổng dư nợ khối KHDN	1.827,54	100,00	1.929,55	100,00	2,023,68	100,00	102,01	5,58	94,13	4,87

1. Phân theo kỳ hạn vay.

Năng hạn	532,72	29,15	555,84	28,81	684,38	31,24	23,12	4,34	128,54	28,12
Trung dài hạn	1.294,82	70,85	1.374,71	71,19	1.339,30	68,76	79,89	6,78	-35,41	-2,57

2. Phân theo TSBD.

Có TSBD	1.335,38	75,16	1.424,96	69,60	1.490,51	67,42	-12,42	-0,92	65,55	4,60
Không TSBD	472,16	25,84	586,59	30,40	533,17	32,58	114,45	24,25	-53,42	-9,10

3. Phân theo mục đích vay.

Thương mại dịch vụ	506,63	27,72	562,27	29,14	573,21	39,06	55,64	10,98	10,94	1,94
Xây dựng xây lắp	107,46	5,88	117,32	6,008	132,70	5,38	9,86	9,17	15,38	13,10
Nông lâm nghiệp	16,45	0,09	-	0,00	-	0,00	-16,45	100,00	-	-
Công nghiệp	340,65	18,64	416,98	21,61	432,02	21,82	76,32	22,40	15,04	3,60
Bất động sản	-	0,00	-	0,00	-	0,00	0,00	000	-	-
Thủy điện	536,93	29,38	510,18	26,44	531,68	23,72	-26,76	-4,98	21,50	4,21
Khai khoáng	304,18	16,48	279,98	14,52	292,50	11,10	-21,20	-7,04	12,52	4,47
Ngành khác	18,24	1,00	44,84	2,22	41,57	7,81	24,60	134,86	-3,27	-7,29

4. Phân theo đối tượng.

KHDN lớn	924,52	50,59	977,25	50,65	998,38	45,39	52,71	5,70	21,13	2,16
KHDN VVN	805,40	44,07	862,30	44,07	890,32	45,46	56,80	7,05	28,02	3,24
KHDN FDI	96,60	5,29	90,10	4,67	134,98	9,15	-6,50	-6,73	44,88	49,91

(Nguồn: Phòng tổng hợp – Vietinbank – CN Kon Tum).

Xét theo mục đích vay: Lĩnh vực thủy điện năm 2018 đạt mức 536,93 tỷ đồng chiếm tỷ trọng cao 31,24%, tuy nhiên đã giảm dần qua các năm và đến 2020 có xu hướng dần đạt 531,68 tỷ đồng chiếm 23,72% . Ngành thương mại dịch vụ năm 2018 dư nợ đạt mức 506,63 tỷ đồng chiếm tỷ trọng đứng thứ hai chiếm 27,72% đến năm 2020 đạt mức 573,21 tỷ đồng chiếm tỷ trọng thứ nhất là 39,06% tổng dư nợ. Đây là lĩnh vực tăng tất cả về quy mô lẫn tốc độ tăng trưởng tín dụng trong những năm qua, đồng thời cũng chính là lĩnh vực mà Vietinbank – CN Kon Tum định hướng phát triển.

Xét về kỳ hạn cho vay đối với KHDN, dư nợ trong dài hạn chiếm tỷ trọng lớn và tăng dần qua các năm, với mức trên 70%, khá cao so với mức bình quân của cả Chi nhánh là 50%. Các khoản vay trung hạn tập trung ở các dự án của các KHDN lớn và KHDN nhỏ và vừa các dự án thủy điện của Công ty cổ phần Thủy Điện Sông Đà 3 Đăk Lô, Công ty cổ phần đầu tư Thủy Điện Đức Bảo, Công ty TNHH Thủy Điện Đăk BbayE, các dự án của Công ty TNHH sản xuất Gỗ cây cao su Kon Tum, Công ty cổ phần Đầu tư và xây dựng cầu đường Kon Tum. Cơ cấu dư nợ cho thấy sự ổn định tuy nhiên đối với quân điểm rủi ro của NHCT thì đây là dấu hiệu tiềm ẩn rủi ro về trung hạn, dài hạn, khó kiểm soát dòng vốn vay. Đối với cho vay, cho vay thời gian càng dài thì lợi nhuận càng lớn, đi đôi đó rủi ro tiềm ẩn cũng lớn, chính vì vậy lý do NHCT cũng như Vietinbank – CN Kon Tum đang định hướng giữ vững dư nợ trong dài hạn và tăng trưởng dư nợ ngắn hạn đối với cho vay KHDN.

Nhìn vào số liệu cho thấy, dư nợ không có TSBD năm 2018 chiếm tỷ trọng 25,84%, năm 2020 là 30,40% và tăng cao trong năm 2020 là 38,58%, tương ứng với giảm xuống -9,10, tỷ đồng so với năm 2019. Đối với việc dư nợ không có TSBD tăng được lý giải như sau: NHCT có cơ chế tín chấp một phần đối với KHDN có tình hình tài chính tốt, chấm điểm xét hạng tín dụng cao, có uy tín, truyền thống và hiện đã không còn TSBD để cầm cố, thế chấp. Chính vì thế Vietinbank – CN Kon Tum đã vận dụng cơ chế này để lôi kéo dư nợ của KHDN từ các Tổ chức tín dụng khác về cũng như đáp ứng thêm nhu cầu vốn cho khách hàng. Tuy nhiên cơ chế này khiến cho các Tổ chức tín dụng vận dụng một cách tràn lan, cạnh tranh không lành mạnh, thiếu kiểm soát sẽ dễ dẫn đến rủi ro vốn do bị khách hàng lợi dụng, trục lợi cá nhân cũng như sử dụng vốn sai mục đích.

Xét theo đối tượng, dư nợ cho vay KHDN VVN chiếm tỷ trọng ổn định qua các năm. Đối tượng KHDN VVN thường sử dụng các dịch vụ đa dạng, đem lại tỷ suất lợi nhuận

cao. Chính vì thế, đối tượng này đang được NHCT cũng như Vietinbank – CN Kon Tum tập trung hướng đến trong các năm tiếp theo.

c. Tình hình dư nợ của Vietinbank – CN Kon Tum giai đoạn 2018 – 2020.

Giai đoạn 2018 – 2020, nền kinh tế thị trường bắt đầu phục hồi và tăng trưởng lại. Theo chỉ đạo của Chính phủ tạo điều kiện cho doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận với nguồn vốn, dưới sự chỉ đạo của NHCT Việt Nam, Vietinbank cũng đã triển khai nhiều chương trình ưu đãi, đồng hành phát triển và hỗ trợ KHDN và KHBL tiếp cận với nguồn vốn rẻ như “lãi suất nhỏ, ước mơ lớn”, “Hợp tác vươn xa”, “Tiếp sức thành công dành cho KHDN vừa và nhỏ”. “Kết nối Ngân hàng – Doanh nghiệp”, “Lãi suất ưu đãi, vững chãi tương lai”. Đây là những chương trình ưu đãi rất thiết thực cho nhu cầu vay vốn của KH cũng như đem lại hiệu quả kinh doanh cho Vietinbank Kon Tum trong thời gian qua.

Bảng 2.4: Bảng Tình hình dư nợ của Vietinbank – CN Kon Tum giai đoạn 2018 – 2020.

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chi tiêu	2018		2019		2020		2019/2018		2020/2019	
	Tỷ đồng	%	Tỷ đồng	%	Tỷ đồng	%	+/-	%	+/-	%
Tổng dư nợ	2.263,42	100	2.786,45	100	3.170,38	100	523,03	23,11	383,93	16,96
1. Dư nợ theo đối tượng khách hàng.										
Khối KHDN	1.827,54	80,74	1.929,55	69,25	2.056,59	68,54	102,01	5,58	127,04	6,58
Khối KHBL	435,88	19,26	856,90	30,75	926,56	31,46	421,02	96,59	69,66	8,12
2. Dư nợ theo loại tiền.										
VND	1.895,64	83,75	2.460,54	88,30	2.645,65	67,32	564,90	29,80	185,11	7,52
Vay ngoại tệ quy VND	367,78	16,25	325,91	11,70	373,56	7,79	41,87	11,39	47,65	14,62

3. Dư nợ theo thời gian.

Cho vay NH	1.160,77	51,28	1.533,03	55,02	1.711,34	84,19	372,26	32,07	178,31	11,63
Cho vay DH	1.102,65	48,72	1.253,42	44,98	1.469,04	52,03	150,77	13,67	215,62	17,20

4. Dư nợ theo TSBD

Cho vay có TSBD	2.029,07	89,65	2.495,02	89,54	2.775,87	89,52	465,95	22,96	30,85	12,23
Cho vay không có TSBD	234,35	10,35	291,43	10,46	394,51	10,48	57,08	24,36	96,61	33,15

(Nguồn: Phòng Tổng hợp – Vietinbank - CN Kon Tum).

Nhờ những hoạt động trên dư nợ cho vay Vietinbank Kon Tum tăng dần qua các năm, năm 2019 đạt mức 2.786,45 Tỷ đồng, tăng lên 523,03 tỷ đồng, tương ứng 23,11% so với năm 2018 và năm 2020 đạt 3.170,38 tỷ đồng, tăng 383,93 tỷ, tương ứng 16,96% so với năm 2019. Đạt được kết quả này là nhờ tầm nhìn và định hướng mục tiêu rõ ràng, cụ thể của Ban Giám Đốc Vietinbank Kon Tum cũng như quyết tâm rất cao của toàn thể CBCNV ngay từ đầu năm, giúp Chi nhánh luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ của NHCT giao trong 03 năm liên từ 2018 – 2020.

Trong cơ cấu dư nợ cho vay, dư nợ của khối KHDN chiếm tỷ trọng hơn 80,74% tổng dư nợ và có xu hướng giảm dần. Ngược lại, dư nợ khách hàng bán lẻ tăng đáng kể cả về giá trị lẫn tỷ trọng trên tổng dư nợ. Năm 2018, dư nợ KHBL chiếm 19,26% tổng dư nợ thì đến năm 2020 đã chiếm trên tỷ trọng 8,12% tổng dư nợ của Chi nhánh.

Xét về kỳ hạn cho vay, cho vay trung dài hạn chiếm tỷ trọng lớn trong tổng dư nợ của Chi nhánh và có xu hướng giảm dần qua các năm, bình quân ở mức khoảng 50%. Sự chuyển dịch này cũng là định hướng mới của NHCT cũng như Vietinbank Kon Tum trong chiến lược dài hạn. Đối với KHDN, các khoản vay TDH tập trung ở các dự án của các KHDN lớn và KHDN nhỏ và vừa như các dự án thủy điện của Công ty cổ phần Thủy Điện Sông Đà 3 Đắk Lô, Công ty cổ phần đầu tư Thủy Điện Đức Bảo, Công ty TNHH Thủy Điện Đắk RbayE, các dự án của Công ty TNHH sản xuất Gỗ cây cao su Kon Tum, Công ty TNHH GHC.....

Đối với KHBL thì các khoản vay TDH tập trung ở các khoản vay mua, xây dựng, sửa chữa nhà ở. Các khoản vay ngắn hạn chủ yếu phục vụ mục đích bổ sung vốn lưu động SXKD của KH. Điều này cho thấy trong 03 năm qua, dư nợ cho vay của Chi nhánh tăng

trường ổn định, luôn đảm bảo được tăng trưởng nguồn vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Dư nợ trung dài hạn có sụt giảm mạnh như vậy là do giai đoạn này Chi nhánh chủ trương hạn chế cho vay trung dài hạn để kiểm soát và giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Trong hoạt động cho vay, TSBD luôn là công cụ để bảo việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ của khách hàng đối với ngân hàng. Tỷ lệ cho vay có TSBD tại Chi nhánh chiếm khoảng 90%. Đây là tỷ lệ khá tốt so với các chi nhánh khác cũng như tỷ lệ chung của NHCT. Việc cho tín chấp, không có TSBD tại chi nhánh đối với KHBL chủ yếu là cho vay tiêu dùng CBCNV Vietinbank, CBCNV các đơn vị trả lương qua tài khoản Vietinbank, hoặc những đơn vị truyền thống có quan hệ lâu dài và trả lương qua Vietinbank Kon Tum như Sở Giáo dục và Đào tạo Tỉnh Kon Tum, Công An Thành phố Kon Tum...; đối với KHDN là những đơn vị có tình hình SXKD hiệu quả, tài chính lành mạnh như Công ty cổ phần Cao Su Sa Thầy, Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Cầu đường Kon Tum, Công ty cổ phần Thương mại Tổng hợp Kon Tum....Tuy nhiên chi nhánh vẫn áp dụng các biện pháp bảo đảm bổ sung khác như: Thế chấp quyền đòi nợ từ hợp đồng kinh tế, thế chấp các khoản phải thu, hàng tồn kho bình quan..., để đảm bảo cho khoản vay tại Vietinbank Kon Tum.

2.1.6. Kết quả hoạt động kinh doanh của Vietinbank – CN Kon Tum giai đoạn 2018 – 2020.

Bảng 2.5: Tình hình lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh giai đoạn 2018 - 2020.

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chi tiêu	2018		2019		2020		2019/2018		2020/2019	
	Tỷ đồng	%	Tỷ đồng	%	Tỷ đồng	%	+/-	%	+/-	%
Tổng lợi nhuận	48,66	100	78,63	100	84,19	100	29,97	61,59	5,56	7,07
Khối KHBL	14,77	30,35	24,51	31,17	35,36	38,34	9,74	65,94	10,85	44,26
Khối KHDN	33,89	69,65	54,12	68,83	48,83	61,66	20,23	59,69	-5,29	-9,77

(Nguồn: Phòng tổng hợp – Vietinbank - CN Kon Tum).

Trong những năm qua, Vietinbank Kon Tum đều hoàn thành tốt chỉ tiêu lợi nhuận được giao. Điều này càng khẳng định vị thế, thương hiệu Vietinbank – CN Kon Tum trên địa bàn. Lợi nhuận của chi nhánh có mức tăng trưởng tốt, năm 2018 lợi nhuận tăng hơn 29,97 tỷ so với năm 2018, đạt được 48,66 tỷ đồng (trong đó KHDN chiếm tỷ trọng 69,65%) và năm 2020 lợi nhuận tăng lên 5,56 tỷ so với năm 2019, đạt được 84,19 tỷ đồng (trong đó KHDN chiếm tỷ trọng 61,66%). Tỷ trọng lợi nhuận của KHDN vẫn chiếm trên 70% tổng lợi nhuận của Chi nhánh, thể hiện rõ vai trò của khối KHDN đối với tình hình kinh doanh của Chi nhánh, tuy nhiên đi đôi với lợi nhuận lớn thì rủi ro tiềm ẩn với KHDN cũng sẽ cao hơn so với KHBL.

2.2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KIỂM SOÁT RRTD TRONG HOẠT ĐỘNG CHO VAY NGẮN HẠN ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP TẠI VIETINBANK -CHI NHÁNH KON TUM.

Có thể nói rằng hiện nay công tác kiểm soát RRTD trở nên cấp thiết, quan trọng và có ý nghĩa vô cùng to lớn trong hoạt động của mỗi ngân hàng. Ngân hàng có đạt được kế hoạch về lợi nhuận hay không phụ thuộc nhiều vào kết quả của công tác kiểm soát RRTD. Chính vì vậy việc tổ chức bộ máy, xây dựng chính sách tín dụng, quy trình tín dụng, chính sách bảo đảm tiền vay của ngân hàng thì bên cạnh các mục tiêu về tăng trưởng tín dụng, lợi nhuận thì mục tiêu trọng yếu nhất vẫn là nhằm hạn chế RRTD. Nhằm phòng ngừa khả năng xảy ra RRTD trong CVDN, Vietinbank Kon Tum đã thực hiện các biện pháp sau:

2.2.1. Thực trạng công tác tổ chức kiểm soát rủi ro tín dụng.

a. Công tác tổ chức bộ máy quản lý rủi ro tín dụng.

Bộ máy quản lý rủi ro tín dụng tại Vietinabnk – CN Kon Tum được chia làm 3 bộ phận:

- Bộ phận Quan hệ khách hàng: kiểm soát rủi ro trong khâu bán hàng.
- Bộ phận Thẩm định: kiểm soát rủi ro trong khâu thẩm định và xét duyệt cho vay, kiểm soát xử lý khoản vay có vấn đề.
- Bộ phận Hỗ trợ: kiểm soát rủi ro trong khâu giải ngân và quản lý khách hàng trong thời gian vay vốn.

Hồ sơ cho vay sẽ được kiểm soát tại 3 bộ phận trên, tuy nhiên trọng tâm trong công tác kiểm soát rủi ro là bộ phận thẩm định. Cả 3 bộ phận đều chịu sự quản lý trực tiếp của Ban Giám đốc. Ban Giám đốc là người đưa ra quyết định trong tất cả các vấn đề kiểm soát rủi ro tín dụng tại chi nhánh.

Với mô hình này, bộ phận quan hệ khách hàng chịu trách nhiệm tìm kiếm, phát triển và chăm sóc khách hàng. Bộ phận này sẽ tìm hiểu nhu cầu của khách hàng, hướng dẫn khách hàng hoàn thiện hồ sơ vay vốn, sau đó chuyển toàn bộ hồ sơ và các thông tin liên quan đến khách hàng cho bộ phận thẩm định. Bộ phận thẩm định kiểm tra thông tin, thu thập các thông tin bổ sung qua các kênh thông tin lưu trữ ngân hàng, hỏi tin qua CIC, tìm hiểu trên các phương tiện thông tin đại chúng... Trên cơ sở thông tin đó, bộ phận thẩm định thực hiện phân tích, đánh giá toàn bộ các nội dung từ tình hình chung về khách hàng, tình hình tài chính, phương án vay vốn, đảm bảo tiền vay... lập báo cáo thẩm định trình cấp phê duyệt. Kết quả phê duyệt tín dụng sau đó sẽ được chuyển cho bộ phận hỗ trợ để thực hiện các khâu tiếp theo trong quy trình tín dụng: soạn thảo văn kiện tín dụng, thực hiện thủ tục giải ngân, thế chấp tài sản, lưu trữ hồ sơ tín dụng.

b. Các quy định về kiểm soát rủi ro tín dụng.

**** Quy định về giới hạn cho vay:***

Chính sách quản lý giới hạn tín dụng giúp cho hoạt động cho vay của NH diễn ra an toàn, hiệu quả và quản lý được rủi ro cho vay. Về tiêu chuẩn, điều kiện cấp giới hạn tín dụng, chi nhánh tuân thủ theo tiêu chuẩn và điều kiện của MB và luôn tuân thủ theo đúng quy định về an toàn tín dụng của NHNN. Chi nhánh đã thực hiện cấp giới hạn tín dụng

toàn bộ khách hàng. Theo quy định của MB, đầu năm tài chính MB sẽ xem xét đề nghị và cấp giới hạn tín dụng của khách hàng và chủ động cấp giới hạn tín dụng cho các khách hàng tiềm năng trên cơ sở lượng hóa rủi ro đối với từng khoản vay thông qua hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ đối với khách hàng KHDN. Cụ thể:

Đối tượng cho vay:

Ngân hàng cho vay đối với các nhu cầu vốn cho sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, đầu tư phát triển, ... trừ những đối tượng mà pháp luật cấm.

** Các điều kiện vay vốn:*

Có năng lực Pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự và chịu trách nhiệm dân sự theo quy định của Pháp luật.

** Có khả năng tài chính đảm bảo trả nợ trong thời hạn cam kết:*

- Phải có vốn chủ sở hữu tham gia vào quá trình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và đời sống.

- Có tình hình tài chính lành mạnh, sản xuất kinh doanh có lãi, nếu lỗ thì phải được cơ quan có thẩm quyền xác nhận cấp bù lỗ.

- Khách hàng phải mua bảo hiểm tài sản là đối tượng vay vốn, mà theo pháp luật Việt Nam quy định phải mua bảo hiểm.

** Mục đích sử dụng vốn vay hợp pháp:*

Có dự án đầu tư, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ khả thi, có hiệu quả hoặc có dự án đầu tư, phương án phục vụ đời sống khả thi kèm theo phương án trả nợ khả thi phù hợp với quy định của pháp luật.

Thực hiện các quy định về bảo đảm tiền vay theo quy định của Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước và NHVN.

** Có trụ sở làm việc cùng địa bàn tỉnh, thành phố với NH cho vay.*

Trường hợp khách hàng vay vốn là đơn vị hạch toán kinh tế phụ thuộc của pháp nhân, ngoài các điều kiện trên phải có thêm các điều kiện sau:

- Pháp nhân là doanh nghiệp nhà nước: Đơn vị phụ thuộc phải có giấy uỷ quyền vay vốn của đơn vị chính. Nội dung uỷ quyền phải được thể hiện rõ: mức dư nợ cao nhất, thời hạn vay vốn, mục đích vay vốn và cam kết trả nợ thay khi đơn vị phụ thuộc không trả được nợ.

- Pháp nhân khác: Đơn vị phụ thuộc phải có giấy uỷ quyền vay vốn của đơn vị chính. Nội dung uỷ quyền phải được thể hiện rõ: mức dư nợ cao nhất, thời hạn vay vốn, mục đích vay vốn và cam kết trả nợ thay khi đơn vị phụ thuộc không trả được nợ. Ngoài ra, phải có văn bản bảo lãnh của ngân hàng thương mại nhà nước cho đơn vị chính vay hoặc được Tổng giám đốc NHVN chấp thuận bằng văn bản.

** Thời hạn cho vay:*

NH và khách hàng thoả thuận thời hạn cho vay căn cứ vào chu kỳ sản xuất-kinh doanh, thời hạn thu hồi vốn của phương án/dự án đầu tư, khả năng trả nợ của khách hàng và nguồn vốn cho vay của NH. Thời hạn cho vay được chia làm 3 loại sau:

- Cho vay ngắn hạn: là các khoản vay có thời hạn cho vay đến 12 tháng.

- Cho vay trung hạn: là các khoản vay có thời hạn cho vay từ trên 12 tháng

đến 60 tháng.

- Cho vay dài hạn: là các khoản vay có thời hạn cho vay từ trên 60 tháng trở lên.

✓ Phương thức cho vay

✓ Cho vay từng lần:

- Mỗi lần vay vốn, khách hàng và NH làm thủ tục vay vốn cần thiết và ký kết hợp đồng tín dụng.

- NH áp dụng phương thức cho vay từng lần khi khách hàng vay có nhu cầu vay vốn không thường xuyên. Mỗi lần có nhu cầu vay vốn, khách hàng lập hồ sơ vay vốn theo quy định.

** Cho vay theo hạn mức tín dụng:*

- Cho vay theo hạn mức tín dụng được áp dụng đối với khách hàng vay có nhu cầu vay vốn thường xuyên và có đặc điểm sản xuất- kinh doanh, luân chuyển vốn không phù hợp với phương thức cho vay từng lần.

- Căn cứ vào phương án, kế hoạch sản xuất, kinh doanh, nhu cầu vay vốn của khách hàng, tài sản bảo đảm tiền vay, NH và khách hàng xác định và thoả thuận một hạn mức tín dụng duy trì trong thời hạn nhất định hoặc theo chu kỳ sản xuất, kinh doanh.

** Cho vay theo dự án đầu tư:*

- NH cho khách hàng vay vốn để thực hiện các dự án đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và các dự án đầu tư phục vụ đời sống.

- Trường hợp trong thời gian chưa vay được vốn ngân hàng, khách hàng đã dùng nguồn vốn huy động tạm thời khác để chi phí theo dự án được duyệt thì NH có thể xem xét cho vay bù đắp nguồn vốn đó trên cơ sở phải có chứng từ pháp lý chứng minh rõ nguồn vốn đã sử dụng trước.

- Trường hợp hết thời gian giải ngân theo lịch đã thoả thuận ban đầu mà khách hàng chưa sử dụng hết mức vốn vay ghi trong hợp đồng tín dụng, nếu khách hàng đề nghị thì NH xem xét có thể thoả thuận và ký kết bổ sung hợp đồng tín dụng tiếp tục phát tiền vay phù hợp với tiến độ thi công cụ thể.

Cho vay trả góp: Khi vay, tổ chức tín dụng và khách hàng xác định và thoả thuận số lãi vốn vay phải trả cộng với số nợ gốc được chia ra để trả nợ theo nhiều kỳ hạn trong thời hạn cho vay.

Cho vay thông qua nghiệp vụ phát hành và sử dụng thẻ tín dụng: NH chấp nhận cho khách hàng được sử dụng số vốn vay trong phạm vi hạn mức tín dụng để thanh toán tiền mua hàng hoá, dịch vụ và rút tiền mặt tại máy rút tiền tự động hoặc điểm ứng tiền mặt là đại lý của NHVN.

Việc cho vay thông qua nghiệp vụ phát hành và sử dụng thẻ tín dụng theo quy định của Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước và NHVN về phát hành và sử dụng thẻ tín dụng.

** Cho vay theo hạn mức tín dụng dự phòng:*

- NH cam kết đảm bảo sẵn sàng cho khách hàng vay vốn trong phạm vi hạn mức tín dụng nhất định để đầu tư cho dự án.

- Trong thời hạn hiệu lực rút vốn của hợp đồng khách hàng phải trả phí cam kết theo mức quy định của NH.

Cho vay hợp vốn: NH cùng một hoặc một số tổ chức tín dụng khác thực hiện cho vay đối với một dự án vay vốn hoặc phương án vay vốn của khách hàng; trong đó, NHVN hoặc một tổ chức tín dụng khác làm đầu mối đàm xếp. Cho vay hợp vốn được thực hiện theo quy chế đồng tài trợ của Ngân hàng Nhà nước và hướng dẫn của NHVN.

Cho vay theo hạn mức thấu chi: Là việc cho vay mà NH thoả thuận bằng văn bản chấp thuận cho khách hàng chi vượt số tiền có trên tài khoản thanh toán của khách hàng phù hợp với các quy định của Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước về hoạt động thanh toán qua các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán.

Các loại hình cho vay theo các phương thức khác: Tuỳ theo nhu cầu của khách hàng và thực tế phát sinh, NH sẽ xem xét cho vay theo các phương thức khác phù hợp với đặc điểm hoạt động trong từng thời kỳ và không trái với quy định của pháp luật.

✓ Lãi suất cho vay.

✓ Hồ sơ vay.

Danh mục vay vốn đối với khách hàng doanh nghiệp bao gồm: hồ sơ pháp lý, hồ sơ tài chính, hồ sơ phương án, hồ sơ tài sản đảm bảo.

** Quy định về thẩm quyền ra quyết định cho vay:*

Tại chi nhánh quyết định và chịu trách nhiệm về việc cấp tín dụng của chi nhánh đối với khách hàng trong phạm vi ủy quyền của Tổng Giám đốc; thông qua kết quả xếp hạng tín dụng của khách hàng và kết quả phân loại nợ của chi nhánh theo quy định của Ngân hàng TMCP Quân đội; phê duyệt đề xuất các khoản tín dụng vượt thẩm quyền của chi nhánh, thảo luận và xem xét, quyết định tình trạng nợ xấu, nợ khó thu hồi và các biện pháp xử lý; đánh giá, xếp hạng rủi ro tín dụng của chi nhánh để trình lên Hội sở theo quy định.

** Quy định về tài sản đảm bảo:*

MB có quy định cụ thể về các loại tài sản đảm bảo được nhận thế chấp. Tài sản nhận thế chấp bao gồm: sổ tiết kiệm/hợp đồng tiền gửi, bất động sản, phương tiện vận tải, máy móc thiết bị, hàng tồn kho và khoản phải thu. Chi nhánh thực hiện cho vay có tài sản đảm bảo là chủ yếu. Tuy nhiên, tỷ trọng cho vay không có tài sản đảm bảo dao động trên dưới 5% tổng dư nợ do chi nhánh thực hiện cho vay tín chấp đối với một số cán bộ nhân viên và khách hàng cá nhân. Trong cho vay doanh nghiệp, tỷ trọng dư nợ có tài sản đảm bảo bằng khoản phải và hàng tồn kho chiếm tỷ trọng trên 60% tổng dư nợ. Tiếp theo là tỷ trọng dư nợ cho vay có đảm bảo bằng bất động sản và phương tiện vận tải. Dư nợ có đảm bảo bằng tài sản là máy móc thiết bị có tỷ trọng nhỏ.

- Ưu điểm là tỷ lệ cho vay thế chấp chiếm tỷ trọng cao và có xu hướng ngày càng tăng, góp phần giảm thiểu tổn thất khi rủi ro xảy ra.

- Nhược điểm là tài sản đảm bảo hàng tồn kho và khoản phải thu chiếm tỷ trọng lớn trong tổng dư nợ, đây là các loại tài sản có tính thanh khoản thấp và rất khó quản lý, tài sản có mức độ rủi ro cao, dễ hao hụt, mất mát.

** Quy định về phân loại nợ của ngân hàng MB:*

Hàng quý, ít nhất một lần, chi nhánh phải xếp hạng lại các khoản nợ cho phù hợp với tình hình thực tế. Việc phân loại nợ tại chi nhánh được thực hiện thủ công nên còn sai sót

về phân nhóm nợ (do ý chí chủ quan của cán bộ tín dụng). Có một vài trường hợp khách hàng vay tại nhiều tổ chức tín dụng thì phải phân theo nhóm nợ cao nhất tại các tổ chức tín dụng nhưng chi nhánh không thực hiện phân theo quy định. Một số trường hợp khác khoản vay bị nhảy nhóm 2, sau khi thu nợ phải thử thách trước khi chuyển về nhóm 1, chi nhánh cũng không thực hiện phân nhóm 2 trong thời gian thử thách.

** Quy định về dự phòng rủi ro và trích lập dự phòng:*

Chi nhánh thực hiện trích lập dự phòng rủi ro theo mức độ gia tăng rủi ro nhằm hạn chế tổn thất tín dụng. Số dự phòng rủi ro cụ thể phải trích sẽ bị ảnh hưởng rất nhiều nếu kết quả phân loại nợ không đúng và giá trị tài sản không đúng. Tại chi nhánh đã có những trường hợp số tiền dự phòng cụ thể tăng do cán bộ tín dụng nhập sai giá trị tài sản đảm bảo, phân loại nợ sai.

- Ưu điểm: Biện pháp này giúp NH dễ dàng quản lý danh mục cho vay, xác định mức độ rủi ro và bù đắp tổn thất trong trường hợp có nợ xấu xảy ra.

- Nhược điểm: Chi nhánh đang phân loại nợ theo phương pháp định lượng mà thiếu đi phần định tính như tình hình tài chính, kết quả sản xuất kinh doanh của KHDN nên không phản ánh đúng với thực chất khoản nợ.

c. Quy trình kiểm soát rủi ro và tổ chức kiểm soát rủi ro trong quy trình cho vay.

Tại MB không có quy định cụ thể bằng văn bản về quy trình kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay, mà quy trình kiểm soát được thực hiện theo quy trình cho vay hiện tại. Trong từng bước của quy trình cho vay, sẽ có các biện pháp kiểm soát rủi ro cụ thể.

** Công tác kiểm soát rủi ro trong khâu Bán hàng:*

- Thiết lập, khai thác và duy trì mối quan hệ với khách hàng để cung cấp dịch vụ ngân hàng. Thu thập thông tin và hồ sơ khách hàng, chịu trách nhiệm về tính chính xác của hồ sơ khách hàng. QHKH là bộ phận tiếp nhận hồ sơ và thông tin trực tiếp từ khách hàng, chính vì vậy phải thực hiện sàng lọc đánh giá mức độ tin cậy của thông tin để đảm bảo các thông tin đưa vào đánh giá cho vay phải đảm bảo tính chân thực.

- Đề xuất và thiết lập khoản tín dụng cấp cho khách hàng trên cơ sở đánh giá rủi ro và nhu cầu của khách hàng. Việc đề xuất khoản vay do QHKH trực tiếp đề xuất, chịu trách nhiệm về thông tin đề xuất, đảm bảo nội dung đề xuất phù hợp với quy định của ngân hàng.

- Xem xét đánh giá hợp lý khách hàng theo tiêu chuẩn của MB, chịu trách nhiệm xử lý hồ sơ phù hợp với từng khách hàng và phương án cấp tín dụng theo quy định của MB từng thời kỳ.

** Công tác kiểm soát rủi ro trong khâu Thẩm định:*

- Thẩm định khách hàng, thẩm định phương án cấp tín dụng. Trên cơ sở các thông tin và hồ sơ tiếp nhận từ bộ phận QHKH, Bộ phận thẩm định thực hiện đánh giá lại các nội dung về khách hàng như: pháp lý, tình hình kinh doanh, tình hình tài chính, quan hệ tín dụng và phương án vay vốn của khách hàng. Nội dung phân tích đảm bảo tính chân thực, đánh giá đúng thực tế của khách hàng, không đưa ra những nhận định chủ quan, thiếu chính xác về khách hàng.

- Thẩm định tài sản đảm bảo về chủ sở hữu, hình thức, tính pháp lý, tính khả mại, giá trị của tài sản đảm bảo. Nội dung thẩm định tài sản đảm bảo là rất quan trọng trong việc thẩm định khách hàng. Cán bộ thẩm định kiểm tra kỹ các hồ sơ liên quan đến tài sản đảm bảo, tránh trường hợp hồ sơ bị giả mạo, có nội dung sai lệch, tham khảo giá trị tài sản trên thị trường, đảm bảo giá trị định giá phù hợp với quy định và giá trị thực của tài sản.

- Xếp hạng tín dụng: đây là bước nhằm lượng hóa chất lượng tín dụng của khách hàng. Thực hiện xếp hạng theo đúng quy định của ngân hàng, kết quả xếp hạng là cơ sở để ra quyết định phê duyệt cho vay, đưa ra các chính sách áp dụng đối với khách hàng, là một cơ sở để thực hiện phân loại nợ đối với khách hàng.

- Đánh giá rủi ro, xác định giá trị, cấu trúc của khoản cấp tín dụng và các điều kiện cấp tín dụng liên quan nhằm kiểm soát rủi ro, phù hợp với chính sách của MB từng thời kỳ. Cân đối tổng thể các nội dung để đưa ra đánh giá trình cấp phê duyệt.

** Công tác kiểm soát rủi ro trong khâu Phê duyệt:*

Phê duyệt cấp tín dụng trên cơ sở cân đối giữa lợi ích và rủi ro của khách hàng theo quy định, quy trình nội bộ của MB và chính sách tín dụng từng thời kỳ.

** Công tác kiểm soát rủi ro trong khâu Vận hành*

- Kiểm tra pháp lý và tính tuân thủ so với Quy định, quy trình, phù hợp với các điều kiện phê duyệt đối với khách hàng và khoản vay, đảm bảo giải ngân theo đúng quy định. Các trường hợp vi phạm, không đảm bảo điều kiện giải ngân, bộ phận Hỗ trợ có thể từ chối giải ngân chiếu theo các quy định tương ứng.

- Soạn thảo và ký kết văn kiện tín dụng đảm bảo theo đúng m u biểu của ngân hàng. Không tự ý soạn thảo các nội dung khác với m u biểu quy định.

- Kiểm tra chứng từ giải ngân và giải ngân, đảm bảo chứng từ giải ngân phù hợp với mục đích cho vay, kiểm tra tính chân thực của các chứng từ giải ngân.

- Nhắc nợ và thu nợ. Định kỳ đầu tháng, bộ phận hỗ trợ sẽ xuất dữ liệu khách hàng thu nợ trong tháng, phối hợp với bộ phận QHKKH thực hiện nhắc nhở khách hàng ít nhất trước 5 ngày so với ngày đến hạn trả nợ, đảm bảo không để sót khách hàng nào, hạn chế tối đa rủi ro phát sinh nợ quá hạn do không thực hiện nhắc nợ.

** Công tác kiểm soát rủi ro trong khâu Giám sát tín dụng:*

- Giám sát định kỳ và đột xuất theo chính sách của MB từng thời kỳ: kiểm tra mục đích sử dụng vốn vay, phương án vay vốn, tình hình hoạt động kinh doanh, tài chính của khách hàng.

- Đề xuất và phối hợp triển khai các phương án thu hồi nhanh nếu phát hiện dấu hiệu rủi ro nhưng đánh giá có thể khắc phục được.

** Công tác kiểm soát rủi ro trong khâu Xử lý nợ có vấn đề:*

** Quản lý danh mục xử lý nợ có vấn đề.*

** Đề xuất và triển khai các phương án cơ cấu nợ, tái cấu trúc và xử lý thu hồi nợ xấu.*

** Trực tiếp thực hiện thu hồi nợ xấu phù hợp với mô hình theo quy định của MB từng thời kỳ.*

2.2.2. Biện pháp nhằm né tránh rủi ro, các biện pháp ngăn ngừa và giảm thiểu rủi ro.

* *Biện pháp nhằm né tránh rủi ro.*

a. Chính sách tín dụng.

- Tiếp tục tăng cường quản trị RRTD trong CVDN, nâng cao chất lượng tín dụng, mở rộng tín dụng an toàn, tuyệt đối không “hạ chuẩn tín dụng”, tập trung vào các PAKD thật sự khả thi và hiệu quả, tập trung giải quyết nợ xấu và kiểm soát chặt chẽ hạn chế nợ xấu mới phát sinh.

- Tăng cường các giải pháp marketing, phát triển thương hiệu Vietinbank.

- Tăng cường cấp tín dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa, giảm dần cho vay đối với các doanh nghiệp lớn là khách hàng truyền thống của Vietinbank Kon Tum nhưng tình hình tài chính chưa tốt, khả năng phát triển kinh doanh và năng lực quản lý hạn chế. Chú trọng công tác thẩm định tín dụng và nâng dần tỷ lệ cho vay có bảo đảm để tăng trách nhiệm của khách hàng, hạn chế tổn thất cho ngân hàng khi rủi ro xảy ra.

b. Đa dạng hóa nguồn thông tin tín dụng thu thập.

Nguồn thông tin có được từ khách hàng cung cấp, cơ quan chủ quản nhà nước, trung tâm thông tin tín dụng Ngân hàng Nhà nước, báo đài, internet... và các thông tin lưu trữ tại Chi nhánh Qua đó giúp cho cán bộ tín dụng có thể phát hiện những nguy cơ có thể gây ra rủi ro và đưa ra quyết định đúng đắn, kịp thời trong việc cấp tín dụng. Tuy nhiên việc thu thập phân tích đánh giá thông tin này lại tùy thuộc vào kỹ năng phân tích sự nhận định và khả năng dự báo của cán bộ tín dụng và cán bộ quản lý rủi ro

c. Thực hiện việc chấm điểm và XHTD đối với KHDN

Việc XHTD được thực hiện đều đặn hàng quý. XHTD nội bộ được chi tiết đến 16 hạng, được xây dựng theo phương pháp chấm điểm các bộ chỉ tiêu tài chính và phi tài chính tương ứng cho các mức quy mô doanh nghiệp của 52 ngành kinh tế theo mức độ rủi ro tăng dần, cụ thể theo bảng sau:

Bảng 2.6: Quy định chính sách khách hàng theo từng mức xếp hạng.

Nhóm khách hàng	Mức xếp hạng	Chính sách tín dụng		Chính sách về tài sản đảm bảo
		Cho vay đầu tư dự án	Cho vay vốn lưu động	
1	AAA	Đáp ứng tối đa 85% tổng mức đầu tư của dự án và vốn chủ sở hữu của khách hàng tham gia vào dự án tối thiểu 15% tổng mức đầu tư.	Áp dụng phương án thức chấp tín dụng theo hạn mức.	Tỷ lệ tài sản đảm bảo tối thiểu 20%.
2	AA	Đáp ứng tối đa 85% tổng mức đầu tư của dự án và vốn chủ sở hữu của		

		khách hàng tham gia vào dự án tối đa 15% tổng mức đầu tư.	Áp dụng phương án thức chấp tín dụng theo hạn mức.	Tỷ lệ tài sản đảm bảo tối thiểu 30%.
3	A	Đáp ứng tối đa 83% tổng mức đầu tư của dự án và vốn chủ sở hữu của khách hàng tham gia vào dự án tối đa 17% tổng mức đầu tư.	Áp dụng phương án thức chấp tín dụng theo hạn mức.	Tỷ lệ tài sản đảm bảo tối thiểu 50%.
4	BBB	Đáp ứng tối đa 80% tổng mức đầu tư của dự án và vốn chủ sở hữu của khách hàng tham gia vào dự án tối đa 20% tổng mức đầu tư.	Áp dụng phương án thức chấp tín dụng theo hạn mức những khuyến khích hình thức cấp tín dụng theo món căn cứ trên từng phương án kinh doanh hiệu quả.	Tỷ lệ tài sản đảm bảo tối thiểu 70%.
5	BB	Chi nhánh không khuyến khích cho vay đầu tư dự án với đối tượng khách hàng này, trường hợp cần thiết khách hàng phải có vốn chủ sở hữu tham gia vào dự án tối thiểu 25%.	Hạn chế cấp tín dụng theo mức, chủ yếu áp dụng hình thức cấp tín dụng theo món căn cứ trên từng phương án kinh doanh hiệu quả.	Tỷ lệ tài sản đảm bảo tối thiểu 100%.
6	B, CCC, CC	Xem xét cấp tín dụng ở mức tối thiểu để hỗ trợ khách hàng hoạt động tạo nguồn thu trả nợ đối với dư nợ hiện tại. Không cung cấp tín dụng đối với khách hàng xếp hạn loại này.	Chỉ xem xét cho vay vốn lưu động theo phương thức cấp tín dụng theo món, dư nợ cho vay không vượt qua 80% số thu nợ trong chu kỳ sản xuất kinh doanh của khách hàng.	Tỷ lệ tài sản đảm bảo tối thiểu 100% với hệ số giá trị TSBĐ tại Quy định về giao dịch bảo đảm trong cho vay ở mức từ 0,6 trở lên.
7	C, Đ	Chi nhánh không cấp tín dụng mới đối với đối tượng khách hàng này.		

Với các hoạt động nhằm né tránh rủi ro tại chi nhánh mặc dù chưa phát huy đầy đủ hiệu quả cho hoạt động kiểm soát rủi ro tín dụng nhưng cũng góp phần đáng kể cho chi nhánh trong việc lựa chọn khách hàng được khách hàng tốt để ra quyết định tín dụng tương ứng với từng khách hàng được xếp hạng, góp phần đánh giá được rủi ro của khách hàng, sàng lọc được khách hàng không đạt yêu cầu để từ chối cho vay, góp phần nâng cao chất lượng kiểm soát rủi ro tín dụng.

Bảng 2.7. Phân loại mức độ rủi ro theo XHTD của Vietinbank.

Tổng số điểm	Xếp hạng	Phân loại nợ	TL TS ĐB	Phân loại rủi ro
Từ 94 đến 100	AAA	Nhóm 1	≥0%	Rủi ro rất thấp
Từ 88 đến dưới 94	AA+	Nhóm 1		Rủi ro rất thấp
Từ 83 đến 88	AA	Nhóm 1		Rủi ro tương đối thấp
Từ 78 đến dưới 83	A+	Nhóm 1		Rủi ro tương đối thấp
Từ 73 đến 78	A	Nhóm 1	≥10%	Rủi ro tương đối thấp
Từ 70 đến dưới 73	BBB	Nhóm 2	≥20%	Rủi ro thấp
Từ 67 đến dưới 70	BB+	Nhóm 2		Rủi ro thấp
Từ 64 đến dưới 67	BB	Nhóm 2	≥30%	Rủi ro thấp
Từ 62 đến dưới 64	B+	Nhóm 2		Rủi ro thấp
Từ 60 đến dưới 62	B	Nhóm 3	≥40%	Rủi ro trung bình
Từ 58 đến dưới 60	CCC	Nhóm 3		Rủi ro trung bình
Từ 54 đến dưới 58	CC+	Nhóm 3	≥70%	Rủi ro trung bình
Từ 51 đến dưới 54	CC	Nhóm 3		Rủi ro trung bình
Từ 48 đến dưới 51	C+	Nhóm 3		Rủi ro trung bình
Từ 45 đến dưới 48	C	Nhóm 4	100%	Rủi ro cao
Dưới 45	D	Nhóm 5	100%	Rủi ro rất cao

Hệ thống XHTD nội bộ được sử dụng rộng rãi và bắt buộc trong toàn hệ thống Vietinbank, là cơ sở để chi nhánh ra quyết định cho vay hay không, mở rộng hay ngừng cho vay, bổ sung các khách hàng tốt hay cảnh báo sớm để có biện pháp kịp thời đối với các khách hàng có hạng tín nhiệm thấp. Với vai trò quản lý RRTD, XHTD nội bộ giúp thu thập, quản lý, khai thác, phân tích thông tin.

Với các chỉ tiêu đánh giá cả tài chính, phi tài chính trong cả quá khứ và hiện tại rất chi tiết, đầy đủ, bao quát toàn bộ thông tin hoạt động của doanh nghiệp, ngành nên hệ thống chấm điểm và XHTD nội bộ hỗ trợ rất nhiều cho việc phân loại nợ, quản lý chất lượng tín dụng phù hợp với phạm vi hoạt động, tình hình thực tế của ngân hàng, giúp ngân hàng dần chuẩn hóa và tích lũy kho dữ liệu về khách hàng theo thời gian, giúp quản trị RRTD hiệu quả hơn.

Vietinbank – CN Kon Tum đã tiến hành áp dụng phương pháp định lượng trong việc phân loại và đánh giá khách hàng. Điều này được thể hiện ở kết quả chấm điểm và xếp loại doanh nghiệp cũng như khách hàng cá nhân vẫn còn phụ thuộc vào đánh giá chủ quan cảm tính của cán bộ tín dụng.

d. Nâng cao chất lượng công tác thẩm định khách hàng, PAKD/DAĐT.

Trên cơ sở hướng dẫn thẩm định theo quy trình của Vietinbank và theo thông lệ, các nội dung thẩm định tín dụng trong cho vay KHDN tại Vietinbank Kon Tum đã được CBTD thẩm định đầy đủ nhằm có cơ sở để lựa chọn phương thức cho vay, số tiền cho vay, kỳ hạn cho vay phù hợp với từng PAKD/DAĐT nhằm đảm bảo khả năng thu nợ đầy đủ, đúng hạn.

Các nội dung thẩm định tại chi nhánh đang thực hiện cơ bản bao gồm:

- *Thẩm định doanh nghiệp vay vốn về phương diện quản lý, tài chính, hoạt động sản xuất kinh doanh*: Thẩm định doanh nghiệp đi vay là bước đầu tiên trong các nội dung thẩm định cho vay tại Chi nhánh. Nội dung này được thẩm định khá chi tiết và đầy đủ, đúng quy trình Bao gồm phân tích tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, năng lực quản lý; uy tín của Ban lãnh đạo và khả năng tài chính của chính doanh nghiệp cũng như của các chủ sở hữu. Tuy nhiên một số trường hợp nội dung phân tích chưa sâu, còn sơ sài như: Chưa phân tích cụ thể về chất lượng cũng như tính cạnh tranh của sản phẩm của khách hàng vay; dự án đầu tư so với các sản phẩm khác trên thị trường, trong phân tích tình hình tài chính chưa đi sâu vào phân tích các khoản mục trọng yếu của báo cáo tài chính và cũng chưa so sánh với các đơn vị cùng ngành, cùng quy mô.

- *Thẩm định tính pháp lý, phương diện tài chính của PAKD/DAĐT*: Trong nội dung này Vietinbank - CN Kon Tum rất chú trọng đến hồ sơ pháp lý của PAKD/DAĐT, đảm bảo hồ sơ pháp lý đầy đủ, rõ ràng và đúng theo quy định. Về phương diện tài chính tập trung thẩm định tổng mức đầu tư và cơ cấu nguồn vốn của PAKD/DAĐT Trong thực tế đối với các PAKD việc xác định. Tổng nhu cầu vốn thường đơn giản và đảm bảo tính chính xác cao hơn so với DAĐT . Đối với cá DAĐT mà Vietinbank Kon Tum cho vay thời gian qua có rất nhiều trường hợp xác định tổng mức đầu tư không hợp lý. Nguyên nhân một phần do trình độ chuyên môn, kinh nghiệm của người lập dự án đầu tư còn yếu hoặc có đẩy lên cao để vay vốn được nhiều, một phần do trình độ của NVKH còn hạn chế, đặc biệt đối với các dự án có quy mô lớn, phức tạp.

- *Thẩm định hiệu quả tài chính và khả năng trả nợ của PAKD/DAĐT*: Hiệu quả tài chính của PAKD/DAĐT phụ thuộc lớn vào các thông số giả định về doanh thu, công suất, giá bán, chi phí đầu vào, ... của PAKD/DAĐT và là một trong những căn cứ quan trọng để ra quyết định cho vay . Do đó Chi nhánh rất chú trọng đến nội dung thẩm định này và thực tế các PAKD/DAĐT được thẩm định khá chi tiết, đầy đủ các khoản mục chi phí liên quan Tuy nhiên đối với DAĐT việc thẩm định hiệu quả tài chính còn nhiều bất cập như xác định công suất dự án không đúng với thực tế, xác định lãi suất chiết khấu chưa linh hoạt, tất cả dự án đều áp dụng lãi suất chiết khấu bằng với lãi suất cho vay trong khi dự án được tài trợ bằng nhiều nguồn vốn khác nhau, phân tích độ nhạy dự án không đồng bộ giữa các chỉ tiêu nên không đánh giá được độ nhạy của dự án đúng nghĩa .Phân tích rủi ro dự án còn sơ sài, hình thức.

Nhân viên thẩm định căn cứ PAKD/DAĐT, kế hoạch sản xuất kinh doanh dự kiến, dòng tiền có được từ PAKD/DAĐT để xác định các nguồn vốn có thể dùng để trả nợ và nhận xét tính khả thi của các nguồn vốn trả nợ. Đồng thời phải xem xét khả năng trả nợ có phù hợp với điều kiện về thời gian vay vốn và khả năng sinh lời của PAKD/DAĐT để bảo đảm cho việc trả nợ đúng theo lịch trả nợ:

- *Thẩm định biện pháp bảo đảm tín dụng*: Thẩm định TSBD được Chi nhánh thực hiện theo Quyết định về bảo đảm tiền vay của Vietinbank về loại TSBD, tỷ lệ TSBD/ dư nợ vay cũng như mức độ rủi ro của PAKD/DAĐT được đánh giá cao hay thấp, khả năng

phát mãi của tài sản. Đối với vay vốn ngắn hạn TSBĐ thường là máy móc thiết bị, nhà xưởng, phương tiện vận tải và tài sản thế chấp của bên thứ ba (thường là nhà ở cá nhân). Trong cho vay dự án biện pháp bảo đảm thường được áp dụng là thế chấp tài sản hình thành từ chính dự án, một số ít có bổ sung thêm TSBĐ khác. Tuy nhiên Chi nhánh chưa yêu cầu về việc mua bảo hiểm TSBĐ như là một điều kiện tín dụng mà mới chỉ khuyến khích khách hàng là chính. Việc định giá tài sản dựa vào giá trị sổ sách kế toán, dự toán theo danh mục tài sản đầu tư của dự án nên trong nhiều trường hợp còn thiếu chính xác.

Nhìn chung CBTD còn quá chú trọng vào tài sản đảm bảo để cho vay mà xem nhẹ, sơ sài trong công tác thẩm định.

e. Yêu cầu khách hàng thực hiện các biện pháp bảo đảm tiền vay.

Việc bắt buộc phải có TSBĐ đối với khoản vay doanh nghiệp trước hết nhằm tăng thức trách nhiệm của doanh nghiệp vay trong việc trả nợ, sau đó đảm bảo cho ngân hàng có nguồn trả nợ thứ hai khi khách hàng không trả hoặc trả không đầy đủ khoản vay Vietinbank – CN Kon Tum cũng rất chú trọng tăng cường áp dụng các biện pháp đảm bảo tiền vay, do đó tỷ lệ cho vay có bảo đảm bằng tài sản có xu hướng gia tăng, góp phần vào giảm thiểu tổn thất khi rủi ro xảy ra.

Bảng 2.8. Quy định tỷ lệ TSBĐ/tổng dư nợ của Vietinbank.

Nhóm khách hàng	Quan điểm cấp tín dụng	Quy định tỷ lệ TSBĐ/tổng dư nợ
AAA => A ⁺	Thuộc đối tượng ưu tiên cấp	≥ 0%
A	Tín dụng	≥ 10%
BBB => BB ⁺	Thuộc đối tượng có thể cấp	≥ 20%
BB => B ⁺	Tín dụng	≥ 30%
B => CCC	Thuộc đối tượng xử lý nợ	≥ 40%
CC ⁺ => C ⁺	Nợ xấu, nợ có vấn đề	≥ 70%
C		≥ 100%
D	Thuộc đối tượng cấp tín dụng phải có bảo đảm toàn bộ	

Nguồn: Theo Quyết định số 53/QĐ- NHCT18).

Cùng với Nghị định 163/2006/NĐ-CP của Chính phủ ngày 29/12/2006 về giao dịch bảo đảm thì Vietinbank cũng đã ban hành quyết định hướng dẫn thực hiện Chính sách bảo đảm tín dụng nhằm quy định chặt chẽ hơn về điều kiện bảo đảm tiền vay cũng như quy định tỷ lệ TSBĐ/ tổng dư nợ áp dụng bắt buộc nhằm hạn chế RRTD cho ngân hàng. Quyết định quy định cụ thể chỉ cấp tín dụng đối với khách hàng có xếp hạng từ B⁺ trở lên và quy định tỷ lệ TSBĐ/tổng dư nợ cụ thể cho từng nhóm khách hàng.

**** Xây dựng quy trình tín dụng nhằm phòng ngừa và giảm thiểu rủi ro.***

Căn cứ Quyết định số 234//2016/QĐ-TGD-NHCT35, ban hành ngày 03/03/2016 v/v quy trình cấp tín dụng khách hàng doanh nghiệp, Vietinbank Kon tum đang áp dụng cụ thể như sau:

Quy trình tín dụng là những quy định cụ thể các bước nghiệp vụ từ khi nhận hồ sơ tín dụng cho đến khi quyết định cho vay, thu nợ. Xây dựng một quy trình tín dụng hợp lý sẽ

giúp cho công tác quản lý tín dụng được thống nhất, khoa học, đồng thời nâng cao trách nhiệm của từng cán bộ thực hiện vì quy trình tín dụng thường quy định trách nhiệm từng bộ phận tham gia thực hiện công tác tín dụng. Quy trình tín dụng là quá trình xây dựng các bước thực hiện hoạt động tín dụng với các điều kiện, yêu cầu chặt chẽ đảm bảo có thể loại bỏ hay hạn chế được những rủi ro tiềm ẩn. Quy trình thẩm định và cấp tín dụng đang áp dụng tại NHCT (Vietinbank) gồm các bước sau:

Bước1: Tìm kiếm và tiếp cận khách hàng.

Cán bộ tín dụng tìm kiếm, tiếp cận khách hàng thông qua các kênh tiếp cận và nguồn tìm kiếm theo định hướng của khối KHDN, tiếp nhận nhu cầu và hướng dẫn khách hàng chuẩn bị hồ sơ đề nghị cấp tín dụng:

Hướng dẫn khách hàng chuẩn bị và cung cấp hồ sơ theo danh mục hồ sơ được quy định sẵn.

- Hướng dẫn khách hàng điền và cung cấp thông tin theo mẫu có sẵn.

Cán bộ tín dụng cần trao đổi về khách hàng để tìm hiểu kỹ tư cách pháp lý của khách hàng và tư cách người đại diện để xác định người đủ thẩm quyền ký kết các giao dịch tín dụng với NHCT, người/cấp đủ quyền phê duyệt giao dịch tín dụng với NHCT. Đối với trường hợp cấp tín dụng là cho khách hàng cũ theo thời hạn quy định, hồ sơ cung cấp tương đối đơn giản hơn, chỉ cập nhật các thông tin liên quan đến tình hình tài chính và pháp lý (nếu có).

Bước2: Tiếp cận và kiểm tra hồ sơ đề nghị cấp tín dụng.

Căn cứ vào đề xuất, hồ sơ đề nghị của khách hàng, các hồ sơ được bàn giao và thông tin thu thập được, cán bộ tín dụng ghi nhận thời gian tiếp nhận hồ sơ, tiến hành đánh giá tư cách pháp lý của khách hàng, thẩm định thực tế tại trụ sở địa điểm SXKD, thẩm định phương án vay vốn, biện pháp đảm bảo, vắn tin CIC để xem xét khả năng thực hiện các nghĩa vụ trong tương lai có liên quan đến khoản tín dụng mà khách hàng đang xin vay.

Bước3: Thẩm định và đề xuất quyết định tín dụng.

Trên cơ sở thông tin đã có, cán bộ tín dụng tiến hành đối chiếu với các quy định hiện hành của NHCT, tiến hành thẩm định đánh giá như sau:

- Thẩm định chi tiết dựa trên báo cáo tài chính, chi tiết các khoản mục trọng yếu khách hàng cung cấp.

- Thẩm định kế hoạch, phương án kinh doanh của khách hàng.

- Thẩm định, đánh giá tác động của môi trường xã hội đến kế hoạch, phương án KD.

- Đánh giá lợi ích, rủi ro khách hàng mang lại.

- Xác định thẩm quyền phê duyệt hồ sơ tín dụng theo quy định thẩm quyền tín dụng.

- Tiến hành chấm điểm xếp hạng tín dụng, lập tờ trình thẩm định trình cấp kiểm soát thẩm định. Việc thẩm định, xếp hạng tín dụng được Vietinbank – CN Kon Tum thực hiện định kỳ 06 – 12 tháng mỗi lần hoặc đột xuất, khicos những diễn biến bất thường, tác động tiêu cực/tích cực đến môi trường, lĩnh vực kinh doanh có khách hàng hoặc khi có những thay đổi về tình hình hoạt động, tài chính, khả năng hoàn trả nợ vay mà Vietinabnk - CN Kon Tum đánh giá là những khả năng thay đổi hạn tín dụng của khách hàng.

Hiện nay số lượng KHDN do phòng KHDN đang quản lý khoản 100 khách hàng, định kỳ 6 tháng/lần Cán bộ tín dụng phải thực hiện chấm điểm xếp hạng tín dụng. Qua đó đánh giá lại tình hình tài chính, phi tài chính của từng khách hàng để nâng hạng và xuống hạng tín dụng tương ứng với việc phân loại nợ theo phương pháp định tính được NHCT quy định. Vietinbank – CN Kon Tum thông qua công tác thẩm định, thẩm định định kỳ có thể từ chối cho vay đối với khách hàng mới cũng như đưa ra các phương án xử lý nợ đối với khách hàng cũ khi nhận thấy có dấu hiệu rủi ro. Một số khách hàng, dự án mới Vietinbank- CN Kon Tum từ chối như: Dự án nhà máy gạch không nung tại Cụm Công nghệ Đắk La, Thông 1A, Xã Đắk La, Huyện Đắk Hà, Tỉnh Kon Tum, đơn vị đã làm rõ được yếu tố công nghệ và tính khả thi của vốn tự có tham gia vào dự án, tuy nhiên tại thời điểm thẩm định đơn vị vẫn đang kinh doanh lỗ lũy kế.

Bước 4: Quyết định cấp tín dụng.

Cấp có thẩm quyền, có thể là Lãnh đạo phòng phê duyệt, Lãnh đạo Chi/Lãnh đạo phòng giao dịch tùy theo thẩm quyền, tiếp nhận hồ sơ do phòng KHDN chuyển đến, xem xét tín dụng đủ của hồ sơ và phê duyệt hạng khách hàng trên hệ thống. Đồng thời, cấp có thẩm quyền thực hiện kiểm soát nội dung thẩm định và thực hiện quyết định tín dụng. Nội dung quyết định tín dụng phải ghi rõ ý kiến:

- i. Đồng ý cấp tín dụng;
- ii. Từ chối cấp tín dụng;
- iii. Đồng ý cấp cấp tín dụng và có điều kiện đi kèm (Nếu có).

Thẩm quyền cấp tín dụng KHDN áp dụng đối với Vietinbank – CN Kon Tum:

- Giám đốc: Tối đa 35 tỷ.
- Phó giám đốc: 80% thẩm quyền giám đốc.

Nếu cho vay vượt mức thẩm quyền giám đốc, phòng KHDN phải trình hồ sơ phòng phê duyệt tín dụng trực thuộc Trụ sở chính (TSC), thẩm định phê duyệt thông qua. Số lượng KHDN hiện hữu của Vietinbank – CN Kon Tum có quy mô cần phải trình phòng phê duyệt tín dụng trực thuộc TSC chiếm khoảng 30%.

Bước 5: Thông báo tín dụng – Hoàn thiện thủ tục nhận TSBD và soạn thảo, ký kết hợp đồng tín dụng.

- Trên cơ sở kết quả quyết định tín dụng, Cán bộ tín dụng thông báo tới khách hàng bằng trao đổi trực tiếp hoặc văn bản.
- Tiến hành các thủ tục cần thiết để nhận thế chấp, cầm cố TSBD.
- Soạn thảo và ký kết HĐCTD.

Bước 6: Bàn giao hồ sơ tín dụng.

Tiến hành bàn giao hồ sơ tín dụng cho phòng Hợp đồng tín dụng.

Bước 7: Giải ngân theo Hợp đồng cấp tín dụng.

Cán bộ tín dụng tiếp nhận đề nghị giải ngân của khách hàng, kiểm tra sự phù hợp với thực tế của giao dịch, sự đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ giải ngân và điều kiện giải ngân được ghi trong Hợp đồng cấp Tín dụng.

Bước 8: Kiểm tra, giám sát tín dụng và quản lý thu hồi nợ.

Kiểm tra, giám sát tín dụng:

Nhằm đánh giá việc khách hàng sử dụng vốn đúng mục đích đã cam kết, đánh giá tình hình tài chính, hoạt động SXKD của khách hàng, phát hiện sớm những dấu hiệu bất thường có thể ảnh hưởng đến nguồn tiền trả nợ, Cán bộ tín dụng phải thực hiện kiểm tra tình hình sử dụng khoản vay của khách hàng sau khi cho vay theo nguyên tắc sau:

- Kiểm tra trực tiếp tại các địa điểm liên quan đến khách hàng.

- Kiểm tra gián tiếp thông qua thu thập thông tin từ khách hàng và các nguồn thông tin khác: phòng vấn bên bảo đảm hoặc các bên có liên quan, các cơ quan bên ngoài: CIC, cơ quan thuế, cơ quan hải quan, cơ quan đăng ký giao dịch bảo đảm,...

Kiểm tra gián tiếp thông qua hệ thống phần mềm của NHCT.

Tần suất kiểm tra: Đối với cho vay dự án chậm nhất 15 ngày làm việc kể từ giải ngân, tối thiểu 1 lần/tháng. Đối với cho vay vốn lưu động định kỳ tối thiểu 1 lần/tháng. Trường hợp tối thiểu 3 tháng liên tiếp kể từ thời điểm giải ngân gần nhất không phát sinh khoản giải ngân, cán bộ tín dụng tiến hành kiểm tra sơ bộ tình hình sản xuất kinh doanh.

Kết quả đánh giá sẽ là cơ sở quan trọng để ngân hàng thực hiện những giải pháp cần thiết nhằm giảm thiểu RRTD liên quan đến khoản vay như: ngừng giải ngân, rút giảm số dư tín dụng, thay đổi điều khoản hợp đồng hay chấm dứt hợp đồng cho vay.

Quản lý thu hồi nợ:

Cán bộ tín dụng theo dõi đôn đốc khách hàng trả nợ đúng hạn và đúng theo cam kết trong hợp đồng cấp tín dụng.

Bước 9: Xử lý các phát sinh.

Trong suốt quá trình cho vay theo HĐCTD, sẽ thường xuyên sẽ phát sinh các giao dịch như: Điều chỉnh khoản tín dụng, định giá lại tài sản, xử lý nợ có vấn đề, các phát sinh liên quan đến các sản phẩm khác như: Phát hành bảo lãnh, L/C, mua bán ngoại tệ, giải cấp tài sản,... Chính ví thể CBTD luôn phải là cầu nối giữa Vietinbank- CN Kon Tum và khách hàng, tiến hành tư vấn, đàm phán với khách hàng khi phát sinh giao dịch.

Bước 10: Thanh lý HĐCTD.

Trường hợp trong HĐCTD không có thỏa thuận phải thanh lý hợp đồng thì khi các HĐCTD này hết hiệu lực NHCT không phải thực hiện thanh lý hợp đồng. Thực hiện giải cấp TSBĐ nếu khách hàng không có nhu cầu tiếp tục ký hợp đồng.

Bước 11: Lưu hồ sơ.

Tiến hành lưu hồ sơ theo quy định sau khi thanh lý HĐCTD.

2.3. KẾT QUẢ CÔNG TÁC KIỂM SOÁT RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO HOẠT ĐỘNG VAY NGẮN HẠN ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP TẠI VIETINBANK – CHI NHÁNH KON TUM.

2.3.1. Thực trạng biến động cơ cấu nhóm nợ.

Chi nhánh đã tiến hành phân loại nợ theo điều 7 quyết định 493/2005/QĐ - NHNN. Các khoản nợ vay vốn ngắn hạn của KHDN tại Vietinbank – CN Kon Tum được phân theo 5 nhóm như sau:

Bảng 2.9: Phân loại nợ theo nhóm nợ của Vietinbank.

Nợ nhóm 1 (Nợ đủ tiêu chuẩn)	Nợ trong hạn được định giá có khả năng thu hồi. Có khả năng trả đầy đủ gốc và lãi đúng thời hạn được cơ cấu lại.
Nợ nhóm 2 (Nợ cần chú ý)	Nợ quá hạn dưới 90 ngày. Khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ trong hạn đã được cơ cấu lại. Nợ trong hạn nhưng được đánh giá khả năng trả nợ suy giảm.
Nợ nhóm 3 (Nợ dưới tiêu chuẩn).	Nợ quá hạn 90 – 180 ngày. Nợ quá hạn 90 ngày theo thời hạn được cơ cấu lại. Nợ trong hạn nhưng được đánh giá có khả năng tổn thất một phần nợ gốc và lãi.
Nợ nhóm 4 (Nợ nghi ngờ).	Nợ quá hạn 182 - 360 ngày. Nợ quá hạn trên 180 ngày theo thời hạn đã được cơ cấu lại. Nợ trong hạn nhưng được đánh giá có khả năng tổn thất cao.
Nợ nhóm 5 (Nợ có khả năng mất vốn).	Nợ quá hạn trên 360 ngày. Nợ trong hạn nhưng được đánh giá không còn khả năng thu hồi mất vốn.

(Nguồn: theo điều 7 quyết định 493/2005/QĐ – NHNN).

Hàng quý, tổ chức phân loại nợ, đánh giá khả năng trả nợ khách hàng để phục vụ công tác quản lý chất lượng tín dụng. Phòng quản lý rủi ro chịu trách nhiệm giám sát việc phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro, tổng hợp kết quả phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro gửi phòng Tài chính kế toán để lập cân đối kế toán theo quy định.

Tỷ lệ trích lập dự phòng cụ thể với các nhóm trên như sau:

- Nhóm 1 (Nợ đủ tiêu chuẩn): 0%
- Nhóm 2 (Nợ cần chú ý): 5%
- Nhóm 3 (Nợ dưới tiêu chuẩn): 20%
- Nhóm 4 (Nợ nghi ngờ): 50%
- Nhóm 5 (Nợ có khả năng mất vốn): 100%

Với việc phân theo nợ như trên, Chi nhánh đã chủ động hơn trong việc đánh giá rủi ro của khoản vay thông qua đánh giá và phân loại một cách toàn diện hơn, sát với bản chất hơn, đồng thời khả năng quản lý rủi ro và sức cạnh tranh của chi nhánh được cải thiện đáng kể và có đủ nguồn tài chính dự phòng để bù đắp nếu tổn thất xảy ra.

Bảng 2.10: Kết quả dư nợ vay ngắn hạn khối KHDN theo nhóm nợ của Vietinbank – CN Kon Tum giai đoạn 2018 – 2020.

Đơn vị tính: Triệu đồng.

Chi tiêu	2018		2019		2020		2019/2018		2020/2019	
	Tỷ động	%	Tỷ động	%	Tỷ động	%	+/-	%	+/-	%
Tổng số dư	532,72	100	555,84	100	573,25	100	32,12	4,34	17,41	3,13
Nhóm 1	525,59	99,66	540,87	97,3	552,31	95,0	15,28	29	11,44	2,11
Nhóm 2	0,02	0,003	6,81	1,22	8,61	2,36	6,79	33,95	1,80	26,43
Nhóm 3	0,64	0,12	2,70	0,4	3,79	0,54	2,06	321,9	1,09	40,37
Nhóm 4	2,34	0,44	0,03	0,005	0,56	0,08	-2,31	-98,7	-0,53	-
Nhóm 5	4,13	0,78	5,43	0,98	8,08	2,12	1,30	31,47	2,65	48,80
Nợ quá hạn (nhóm 2 trở lên)	7,13	1,34	14,97	2,69	23,04	5,10	7,84	52,37	8,07	53,90
Nợ xấu (nhóm 3 trở lên)	7,11	1,33	8,16	1,46	12,33	2,64	1,05	12,86	4,17	51,10

(Nguồn: Phòng tổng hợp – Vietinbank – CN Kon Tum).

Theo số liệu bảng trên ta có thể thấy dư nợ quá hạn từ 2 nhóm trở lên của toàn chi nhánh giai đoạn 2018 – 2020 tăng lên lần lượt là: 7,13 tỷ đồng tăng lên 14,97 tỷ đồng và tăng mạnh 23,04 tỷ đồng tương ứng với tỷ lệ nợ quá hạn / tổng dư nợ lần lượt là 1,34% tăng lên lần lượt theo năm 2,69% và 5,10%. Đối với dư nợ xấu giai đoạn này lần lượt tăng dần qua các năm là: 7,11 tỷ đồng, 8,16 tỷ đồng và 12,33 tỷ đồng tương ứng với tỷ lệ nợ xấu / tổng dư nợ lần lượt là: 1,33%, 1,46% và 2,64%. Trong cơ cấu dư nợ theo nhóm thì chủ yếu tập trung nhiều ở nhóm 5 với tỷ trọng lần lượt 0,78%, 0,98% và 2,12%.

Việc phát sinh thêm khoản nợ quá hạn của khách hàng xuất phát từ việc thẩm định thiếu chính xác hiệu quả của phương án kinh doanh, dự án vay vốn, nguồn trả nợ của khách hàng, việc kiểm tra giám sát vốn vay chưa chặt chẽ nên không phát hiện sớm RRTD và có biện pháp xử lý kịp thời. Mặt khác, cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới kéo dài đã có những tác động mạnh đến hoạt động kinh doanh của một số công ty, dẫn đến làm ăn thua lỗ, khả năng trả nợ giảm sút và nợ quá hạn, nợ xấu tăng

2.3.2. Thực trạng tỷ lệ nợ xấu trong cho hoạt động vay ngắn hạn đối với doanh nghiệp.

Căn cứ việc thực hiện các nội dung công tác kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay ngắn hạn đối với KHDN, kết quả Vietinbank – CN Kon Tum trong giai đoạn 2018 – 2020 được thể hiện qua các chỉ tiêu cụ thể như sau:

a. Nợ quá hạn vay ngắn hạn của KHDN.

Bảng 2.11: Kết quả nợ quá hạn đối với khoản vay ngắn hạn KHDN của Vietinbank Kon Tum giai đoạn 2018 - 2020.

Đơn vị tính: Triệu đồng.

Chi tiêu	2018		2019		2020		2019/2018		2020/2019	
	Tỷ đồng	%	Tỷ đồng	%	Tỷ đồng	%	+/-	%	+/-	%
Tổng dư nợ vay ngắn hạn	532,72	100	555,84	100	573,25	100	23,12	4,34	17,41	3,13
Nợ quá hạn (từ nhóm 2 trở lên)	7,13	1,34	14,97	2,96	18,24	3,62	7,84	42,98	3,27	21,84
Theo ngành nghề										
Thương mại, dịch vụ	3,85	54,00	6,47	43,22	8,63	37,55	2,62	68,05	2,16	33,38
Xây dựng, xây lắp	2,43	34,08	0	0,00	0	0,00	- 2,43	-	-	-
Công nghiệp, chế biến	0,85	1,92	8,50	56,78	9,61	63,07	7,65	900	1,11	13,05

(Nguồn: Phòng Tổng hợp – Vietinbank – CN Kon Tum).

Nợ quá hạn đối với dư nợ vay ngắn hạn của KHDN bao gồm nợ từ nhóm 2 trở lên. Ngân hàng nào cũng phải chấp nhận mức nợ quá hạn, rủi ro là vấn đề tất yếu trong hoạt động tín dụng của ngân hàng thương mại, vấn đề mà các NHTM phải giải quyết là không phải là tìm cách nào loại trừ hoàn toàn nợ quá hạn mà khống chế nợ quá hạn đối với dư nợ vay ngắn hạn ở mức thấp nhất có thể.

Từ năm 2018 - 2020, dư nợ quá hạn của khoản vay ngắn hạn KHDN từ nhóm 2 đến nhóm 5 tăng mạnh lần lượt là: 7,13 tỷ đồng, 14,97 tỷ đồng và 18,24 tỷ đồng. Tỷ lệ nợ quá hạn vay ngắn hạn của KHDN/tổng dư nợ vay ngắn hạn của Vietinbank – Chi nhánh Kon Tum dao động tăng lên qua các năm từ 1,34%, 2,96% và 3,62%.

b. Nợ xấu quá hạn vay ngắn hạn của KHDN.

Bảng 2.12: Kết quả nợ xấu đối với khoản vay ngắn hạn KHDN của Vietinbank Kon Tum giai đoạn 2018 – 2020.

Đơn vị tính: Triệu đồng.

Chi tiêu	2018		2019		2020		2019/2018		2020/2019	
	Tỷ đồng	%	Tỷ đồng	%	Tỷ đồng	%	+/-	%	+/-	%
Nợ xấu	7,11	1,33	8,16	1,46	9,85	3,48	1,05	100	12,86	157,59
Theo ngành nghề										
Thương mại, dịch vụ	3,85	54,14	5,47	67,10	6,03	71,80	1,62	42,07	0,56	10,23
Xây dựng, xây lắp	2,43	34,17	1,23	15,01	0,55	1,64	-1,2	-49,38	-0,58	-47,15
Công nghệ, chế biến	0,83	11,67	1,46	27,89	2,05	26,56	0,63	75,9	0,59	5,05

(Nguồn: Phòng Tổng hợp – Vietinbank – CN Kon Tum).

Căn cứ theo số liệu trên trong năm 2018 - 2020 dư nợ xấu của khoản vay ngắn hạn đối với KHDN tăng dần lần lượt qua các năm là 7,11 tỷ đồng, 8,16 tỷ đồng và 9,85 tỷ đồng. Tỷ lệ nợ xấu của khoản vay ngắn hạn đối với KHDN, tổng dư nợ KHDN của Vietinbank – CN Kon Tum lao động từ 1,33%, 1,46% và 3,48%. Tuy nhiên thực tế trong năm 2018 và 2020 dư nợ xấu tương đối cao, nhưng đã được chi nhánh xử lý dứt điểm ngay trong năm, cụ thể: Năm 2019: Công ty TNHH Trường Mầm non Chim Én 3,13 tỷ đồng (tỷ lệ nợ xấu là 82,6%).

Cơ cấu nợ xấu cho vay ngắn hạn đối với KHDN theo ngành nghề, dư nợ xấu tập trung chủ yếu vào 2 ngành: Thương mại dịch vụ (chiếm 67,10% trong năm 2018 và 71,80% trong năm 2020) và Xây dựng xây lắp (chiếm 34,17% trong năm 2018 và giảm còn 15,01% trong năm 2019), đây cũng là 2 ngành trọng tâm và có tỷ trọng doanh số cho vay ngắn hạn cũng như dư nợ cao nhất tại Vietinbank – CN Kon Tum. Điều này cho thấy, phát triển nhiều về quy mô, cho vay tập trung vào 1 lĩnh vực cũng đi đôi với việc rủi ro.

Mặc dù Vietinbank – CN Kon Tum đã có nhiều biện pháp để hạn chế nợ xấu, tuy nhiên nợ xấu cho vay ngắn hạn khách hàng doanh nghiệp luôn tăng mạnh cả về số tuyệt đối lẫn tương đối. Nguyên nhân là do hầu hết các doanh nghiệp trên địa bàn có vốn chủ sở hữu thấp, sức chịu đựng với những khó khăn của thị trường kém, hoạt động của yếu bằng nguồn vay vốn ngân hàng nên khi doanh nghiệp gặp khó khăn thì nguy cơ gặp phải rủi ro của ngân hàng cũng gia tăng. Mặc khác trong thời gian qua tình hình tiêu thụ hàng hóa,

nông sản không thuận lợi, nhiều mặt hàng phụ thuộc vào thị trường Trung Quốc làm cho doanh nghiệp lâm vào cảnh khó khăn, mất khả năng chi trả trong khi thị trường bất động sản đóng băng dẫn đến việc bán tài sản không đủ thu hồi nợ hoặc thu hồi chậm.

Nợ xấu là nợ từ nhóm 3 đến nhóm 5. Dư nợ xấu của khoản vay ngắn hạn KHDN tại Vietinbank – CN Kon Tum tập trung ở đối tượng KHDN VVN và có bảo đảm đầy đủ bằng tài sản.

2.3.3. Thực trạng tỷ lệ xóa nợ rỗng.

Bảng 2.13. Tỷ lệ xóa nợ rỗng trong cho vay ngắn hạn doanh nghiệp.

Đơn vị tính: Triệu đồng.

Chi tiêu	2018	2019	2020	2019/2018		2020/2019	
	Tỷ đồng	Tỷ đồng	Tỷ đồng	+/-	%	+/-	%
Dư nợ xóa trong bảng	2,95	2,96	2,98	0,01	0,34	0,02	0,67
Thu hồi nợ xóa	0,34	1,52	2,43	1,18	447	0,91	59,86
Giá trị xóa nợ rỗng	2,61	1,44	0,97	-1,17	45,1	-0,47	-32,63
Tổng dư nợ	532,72	555,84	573,25	23,12	4,3	17,41	3,13
Tỷ lệ xóa nợ rỗng (%)	0,49	0,26	0,17	-0,23	-46,93	0,09	-34,61

(Nguồn: Phòng Tổng hợp - Vietinbank - CN Kon Tum)

Năm 2018 - 2019 nợ xấu của ngân hàng tăng cao, do nợ xóa trong bảng tăng nhiều trong khi đó mức thu hồi nợ xóa thấp nên giá trị xóa nợ rỗng cao. Tỷ lệ xóa nợ rỗng tăng lên đáng kể, năm 2019 là 0,26%, năm 2020 là 0,17% trong khi đó năm 2017 cao nhất chỉ là 0,49%.

Năm 2020, thực hiện chỉ đạo kiên quyết của Vietinbank, Vietinbank – CN Kon Tum đã kiên quyết áp dụng mọi biện pháp để tận thu, hơn nữa hầu hết các khoản vay doanh nghiệp đều có TSĐ và các khách hàng phát sinh các khoản nợ xấu vẫn thức tốt trong việc nỗ lực trả nợ ngân hàng nên làm giảm các khoản xóa nợ rỗng.

2.3.4. Tình hình trích lập dự phòng rủi ro.

Quỹ dự phòng rủi ro là nguồn bù đắp chủ yếu của những khoản tín dụng bị tổn thất. Quỹ thường được trích ra từ lợi nhuận sau thuế. Với việc lập quỹ dự phòng rủi ro khi rủi ro xảy ra, việc mất vốn cho vay sẽ không gây nhiều tác động tới ngân hàng.

Dự phòng cụ thể là khoản tiền được trích lập trên cơ sở phân loại nợ để dự phòng cho những tổn thất có thể xảy ra đối với từng nhóm nợ. Tỷ lệ trích lập quỹ dự phòng cụ thể đối với 5 nhóm nợ NHCT đang áp dụng như sau: (i) Nhóm 1: 0%; (ii) Nhóm 2: 5%; (iii) Nhóm 3: 20%; (iv) Nhóm 4: 50%; (v) Nhóm 5: 100%.

Dự phòng chung là khoản tiền được trích lập để dự phòng cho những tổn thất chưa xác định được trong quá trình phân loại nợ và trích lập dự phòng cụ thể và trong các trường hợp khó khăn về tài chính của các tổ chức tài chính quy mô nhỏ khi chất lượng các khoản nợ suy giảm. Tiền dự phòng chung phải trích được xác định bằng 5,43% tổng số dư các

khoản nợ từ nhóm 1 đến nhóm 4. Tình hình trích lập dự phòng rủi ro giai đoạn 2017 - 2019 của Vietinbank - CN Kon Tum cụ thể như sau:

Bảng 2.14: Tình hình trích lập dự phòng rủi ro đối với khoản vay ngắn hạn KHDN của Vietinbank Kon Tum giai đoạn 2018 – 2020.

Đơn vị tính: Triệu đồng.

Chi tiêu	2018	2019	2020	2019/2018		2020/2019	
	Tỷ đồng	Tỷ đồng	Tỷ đồng	+/-	%	+/-	%
Dự phòng rủi ro	9,39	10,46	11,97	1,07	11,40	1,51	14,43
Dự phòng chung	5,43	6,33	7,26	0,9	16,57	0,93	14,69
Dự phòng cụ thể	3,96	4,13	4,71	0,17	4,29	0,58	14,04

(Nguồn: Phòng Tổng hợp – Vietinbank – CN Kon Tum).

Qua bảng số liệu trên ta có thể thấy mức dự phòng chung cho các khoản vay ngắn hạn KHDN tăng dần qua các năm, chứng tỏ quy mô dư nợ từ Nhóm 1-Nhóm 4 của Vietinbank Kon Tum ngày càng tăng. Dự phòng chung tăng mạnh trong năm 2019, đạt 6,33 tỷ đồng, tương ứng tăng 16,57% so với năm 2018. Năm 2020 dự phòng cụ thể là 7,26 tỷ, tăng lên 14,69% so với năm 2019.

*** Xử lý rủi ro tín dụng.**

Đầu năm 2019 nợ xấu đối với khoản vay ngắn hạn của KHDN tăng lên 6,14 tỷ đồng so với năm liền kề, chiếm tỷ lệ 1,33% tổng dư nợ KHDN, nợ xấu này toàn bộ thuộc ngành thương mại – dịch vụ và xây lắp, xây dựng. Năm 2020, Chi nhánh đã phát sinh nhóm 3 của Công ty TNHH Trường Mầm non Chim Én (Tỉnh Kon Tum) 3,13 tỷ đồng. Mặc dù đã nỗ lực trong việc kiểm soát khoản vay và giám sát thu hồi nợ nhưng việc phát sinh nợ xấu trong năm đã thể hiện chất lượng tín dụng đối với khoản vay ngắn hạn KHDN giảm sút của Chi nhánh. Số KHDN có nợ xấu của Chi nhánh là rất ít, tuy nhiên đều là những KHDN có dư nợ khá lớn. Trong năm 2020 đối với khoản nợ của Công ty TNHH Trường Mầm non Chim Én (Tỉnh Kon Tum).

Theo số liệu đến hết 2020, Vietinabnk – Chi nhánh Kon Tum đã kiểm soát dư nợ xấu đối với các khoản vay ngắn hạn của khối KHDN là 12,33 tỷ đồng. Chi nhánh đã áp dụng nhiều biện pháp quản lý rủi ro tín dụng như chú trọng trong khâu giám sát, đôn đốc thu hồi nợ, xử lý kỷ luật, hạ bậc lương đối với các cán bộ tín dụng phụ trách các khoản vay để xây ra nợ xấu, hỗ trợ khách hàng giải quyết một phần các khó khăn trong kinh doanh. Đối với các khoản nợ đã bán cho VAMC (tiếng anh: VIETNAM ASSET MANAGEMENT COMPANY, có tên đầy đủ là: Công ty TNHH một thành viên quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt nam, chi nhánh vẫn chịu trách nhiệm chính trong việc đòi nợ khách hàng.

2.4. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CÔNG TÁC KIỂM SOÁT RỦI RO TÍN DỤNG TRONG HOẠT ĐỘNG CHO VAY NGẮN HẠN ĐỐI VỚI KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP TẠI NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH KON TUM GIAI ĐOẠN 2018 - 2020.

2.4.1. Kết quả đạt được.

Qua nhiều năm xây dựng và hoàn thiện, hiện nay công tác kiểm soát RRTD trong cho vay, đặc biệt là cho vay ngắn hạn đối với doanh nghiệp đã khá hoàn thiện, với các bước tiến hành được thực hiện đầy đủ theo một quy trình thống nhất. Điều này đã giúp cho Vietinbank – Chi nhánh Kon Tum đạt được một số kết quả nhất định:

Thứ nhất: Hoạt động tín dụng của Chi nhánh tăng trưởng mạnh nhưng chất lượng tín dụng vẫn được đảm bảo và trong tầm kiểm soát. Năm 2018, dư nợ ngắn hạn KHDN là 532,72 tỷ đồng (chiếm 29,15% tổng dư nợ KHDN toàn chi nhánh); Năm 2019, dư nợ ngắn hạn KHDN là 555,84 tỷ đồng (chiếm 28,81% tổng dư nợ KHDN toàn chi nhánh); Năm 2020, dư nợ ngắn hạn KHDN là 684,38 tỷ đồng (chiếm 31,24 % tổng dư nợ KHDN toàn chi nhánh).

Thứ hai: Thông qua chính sách cho vay cũng như việc tuân thủ tốt quy trình thẩm định và thẩm quyền phán quyết tín dụng đã giúp cho Vietinbank Kon Tum chọn được nhiều khách hàng tốt để cho vay. Công tác phân tích đánh giá uy tín, tình hình hoạt động và năng lực tài chính của doanh nghiệp vay vốn được thực hiện khá đầy đủ và chi tiết.

Thứ ba: Nợ xấu và tỷ lệ nợ xấu trong cho vay ngắn hạn đối với doanh nghiệp tương đối thấp, luôn ở mức thấp dưới mức ngân hàng Vietinbank giao. Do kế hoạch xử lý nợ đã được giao cụ thể thông qua các chỉ tiêu trong thẻ điểm KPI để các phòng ban và cán bộ có liên quan có kế hoạch thực hiện. Định kỳ hàng tháng, BLĐ chi nhánh cùng các trưởng phòng đều tổ chức họp, lên kế hoạch xử lý đối với từng khoản nợ quá hạn.

Thứ tư: Công tác trích lập dự phòng rủi ro được Vietinbank Kon Tum thực hiện tốt Trích đúng và đủ theo quy định về trích lập dự phòng rủi ro của ngân hàng nhà nước Đảm bảo quỹ dự phòng để xử lý các tổn thất tín dụng.

Thứ năm: Hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ theo thông lệ quốc tế tại Vietinbank đã được Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng Thế giới (WB) và các Ngân hàng nước ngoài đánh giá cao. Bộ chỉ tiêu chấm điểm KHDN được phân loại chi tiết theo 38 ngành nghề và theo đặc thù của doanh nghiệp như KHDN thông thường, KHDN siêu vi mô, KHDN mới thành lập và KHDN đang trong giai đoạn dự án đầu tư. Đây là công cụ chính và có hiệu quả cao trong công tác kiểm soát RRTD tại Vietinbank Kon Tum.

Thứ sáu: Các quy trình nghiệp vụ tín dụng được chuẩn hóa theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000 và các tài liệu hướng dẫn như Sổ tay tín dụng, phân tích tài chính doanh nghiệp, quy trình xếp hạng tín dụng khách hàng, quy trình cho vay KHDN được ban hành đồng bộ.

2.4.2. Hạn chế và nguyên nhân.

a. Hạn chế.

Rủi ro tín dụng trong cho vay ngắn hạn đối với KHDN tại VietinBank Kon Tum đã được hạn chế ở mức độ nhất định. Mức độ phòng ngừa và hạn chế rủi ro tín dụng còn thấp so với mục tiêu đặt ra. Cụ thể:

- Cơ cấu dư nợ cho vay ngắn hạn KHDN chiếm tỷ trọng thấp trong tổng dư nợ cho vay KHDN. Điều này tiềm ẩn nguy cơ rủi ro về thanh khoản. Cơ cấu cho vay của Chi nhánh tập trung quá nhiều vào ngành kinh doanh nhà hàng - khách sạn, công nghiệp xây dựng, trong khi ngành thương mại-dịch vụ có triển vọng phát triển thì còn chiếm tỷ lệ nhỏ. Bên cạnh đó, cho vay không có bảo đảm bằng tài sản có xu hướng tăng sẽ gây khó khăn trong việc xử lý thu hồi nợ nếu khoản vay trở nên có vấn đề.

- Công tác thu thập và sàng lọc thông tin chưa tốt. Chi nhánh chỉ có một nguồn khai thác thông tin chính xác và tin cậy là trung tâm tín dụng CIC. Ngoài ra, một số thông tin khác CBTD thu thập từ thực tế tại doanh nghiệp. Như vậy, chi nhánh vẫn chưa thực hiện khai thác thông tin từ các nguồn khác như: cơ quan thuế, đối tác doanh nghiệp, các ngân hàng khác... Mặt khác, hầu hết các thông tin thu thập được sẽ được sử dụng để thực hiện phân tích mà không thực hiện sàng lọc lại.

- Về công tác thẩm định và giám sát vốn vay: chi nhánh chưa có bộ phận chuyên trách phân tích thị trường và phân tích ngành. Điều này sẽ ảnh hưởng rất lớn đến việc xác định tính hiệu quả của những dự án đầu tư mang lại, gián tiếp ảnh hưởng đến khả năng thẩm định rủi ro đối với các khoản vay.

- Trong cho vay ngắn hạn đối với KHDN, cán bộ tín dụng thường ít chú trọng công tác thẩm định bởi thời gian yêu cầu thực hiện ngắn (1-2 ngày). Bên cạnh đó, việc giám sát và quản lý dòng tiền của doanh nghiệp chưa tốt nên mặc dù khách hàng suy yếu khả năng trả nợ nhưng ngân hàng không nắm bắt được và có giải pháp kịp thời dẫn đến rủi ro tín dụng.

- CBTD thường xuyên thẩm định trong một lĩnh vực. Điều này có thể giúp cho CBTD có thể phát huy được tối đa những kiến thức trong lĩnh vực đó nhưng đồng thời cũng có những hạn chế. Cụ thể là, dễ dẫn đến hành vi CBTD làm theo thói quen mà không biết được là mình sai và khiến cho việc kiểm tra chéo giữa các CBTD sẽ khó khăn. Ngoài ra, việc ngân hàng chỉ thực hiện kiểm tra các doanh nghiệp theo định kỳ sẽ khiến cho các doanh nghiệp biết trước được thời điểm kiểm tra, điều này dẫn đến việc các doanh nghiệp chuẩn bị trước để ứng phó.

- Chưa triển khai tốt bán sản phẩm bảo hiểm tài sản hình thành từ vốn vay. Nguyên nhân là do cán bộ chưa nhận thức được lợi ích từ việc bán bảo hiểm cho khách hàng và xem đó như là biện pháp giảm thiểu rủi ro tín dụng cho VietinBank Kon Tum. Trong khi thực hiện thẩm định tín dụng, đối với những tài sản yêu cầu phải có bảo hiểm thì chi nhánh không tư vấn khách hàng thực hiện mua bảo hiểm tại chi nhánh. Điều này vừa làm mất đi cơ hội thu từ bán sản chéo sản phẩm dịch vụ đồng thời sẽ khiến chi nhánh tốn kém thời gian nếu như thủ tục để được hưởng lợi từ bảo hiểm tài sản phức tạp.

- Sự phối hợp về việc cung cấp thông tin giữa doanh nghiệp và ngân hàng đôi khi vẫn chưa kịp thời và chính xác. Do vậy, khi doanh nghiệp gặp khó khăn, VietinBank Kon Tum sẽ gặp khó khăn trong việc thực hiện hỗ trợ và tư vấn nhằm đưa ra phương án giải quyết phù hợp.

- Trong những năm trở lại đây quy trình cấp tín dụng của NHCT thay đổi thường xuyên làm cho cán bộ chưa nắm bắt kịp, đôi lúc còn lúng túng, gây ra lỗi tác nghiệp, sai sót.

b. Nguyên nhân.

• Nguyên nhân khách quan.

- Môi trường pháp lý còn nhiều vướng mắc ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh ngân hàng nói chung và hoạt động chi nhánh nói riêng. Chi nhánh khó khăn trong việc xử lý tài sản đảm bảo. Hầu hết các khoản vay của khách hàng đều có tài sản đảm bảo nhưng việc xử lý nó để thu hồi nợ là hết sức khó khăn. Sự chông chéo giữa các văn bản pháp luật cũng làm cho ngân hàng lúng túng trong việc xử lý. Trong các điều khoản của hợp đồng đảm bảo, chi nhánh luôn ràng buộc điều kiện “Khi khách hàng vi phạm các điều khoản của hợp đồng tín dụng thì ngân hàng được toàn quyền xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ”. Trên thực tế, ngân hàng là một tổ chức kinh tế chứ không phải là cơ quan quyền lực của nhà nước, do đó không có chức năng cưỡng chế buộc khách hàng bàn giao tài sản đảm bảo cho ngân hàng. Vì vậy, nếu không đạt được sự thoả thuận với khách hàng hoặc khách hàng không hợp tác, cố tình chây ì để kéo dài thời gian trả nợ thì ngân hàng chỉ còn cách chuyển hồ sơ khởi kiện. Bên cạnh đó, dù có phán quyết của tòa, ngân hàng vẫn còn gặp trở ngại vì khâu thi hành án còn chậm. Tiếp đến là sự phối hợp không đồng bộ giữa cơ quan thẩm định, cơ quan bán đấu giá... nên thời gian từ lúc khởi kiện đến cưỡng chế, thi hành và thu hồi tiền từ bán tài sản đảm bảo tương đối dài đã gây không ít khó khăn cho ngân hàng.

- Giai đoạn trước năm 2018 - 2020, nền kinh tế Việt Nam nói chung và nền kinh tế tỉnh Kon Tum nói riêng chịu ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế, của lạm phát đã khiến nhiều doanh nghiệp rơi vào tình trạng khó khăn. Người dân hạn chế trong chi tiêu nên hàng hóa làm ra tiêu thụ chậm, doanh nghiệp không thu hồi vốn đúng như dự kiến để thực hiện nghĩa vụ thanh toán khi đến hạn cho ngân hàng. Bên cạnh đó, chính sách thắt chặt tiền tệ đã đẩy lãi suất cho vay tăng cao. Điều này khiến cho các doanh nghiệp không đủ khả năng đảm bảo kinh doanh hiệu quả trong điều kiện tất cả chi phí đầu vào đều gia tăng như vậy. Các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ... đều sụt giảm doanh thu.

- Như vậy việc liên tục chịu sự tác động bất lợi từ môi trường kinh doanh đã khiến cho các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh không thể đưa ra những giải pháp tốt nhằm tạo thu nhập trả nợ cho chi nhánh.

- Hệ thống thông tin quản lý của NHNN còn bất cập. Việc cung cấp thông tin chưa kịp thời làm ảnh hưởng đến cơ hội kinh doanh của các TCTD. Thông tin về khách hàng chưa được CIC cập nhật kịp thời. Nếu khách hàng chưa từng có quan hệ tín dụng với bất cứ TCTD nào thì CIC không hề có thông tin gì về khách hàng.

- Hệ thống cung cấp thông tin của CIC chỉ cung cấp được số liệu dư nợ và phân loại nợ vay của các doanh nghiệp tại các TCTD, chưa có thông tin phi tài chính, thông tin về khả năng quản lý của lãnh đạo doanh nghiệp.

- CIC chưa phát huy hiệu quả cao, cụ thể CIC chỉ cung cấp thông tin khi được TCTD yêu cầu, chưa chủ động trong việc thông báo những dự báo rủi ro tín dụng qua mạng.

• *Nguyên nhân chủ quan từ ngân hàng.*

- VietinBank – Chi nhánh Kon Tum chưa có công cụ chuyên biệt, mô hình riêng để đánh giá xác suất rủi ro và đo lường tổn thất dự kiến. Bên cạnh đó, chỉ tiêu, số liệu thống kê cần thiết để đánh giá cũng chưa đầy đủ. Hiện tại, việc đánh giá phương án, dự án sản xuất kinh doanh của khách hàng vay vốn đều dựa trên các báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, phương án kinh doanh do khách hàng cung cấp. Tuy nhiên, tính xác thực của các thông tin này không cao do hầu hết các báo cáo của các doanh nghiệp chưa có sự kiểm toán. Do đó, những rủi ro trong công tác thẩm định là điều khó tránh khỏi.

- Cán bộ có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, đầy đủ kinh nghiệm trong công tác tín dụng và quản lý rủi ro tín dụng còn thiếu. Đội ngũ cán bộ tín dụng còn trẻ nên thiếu kinh nghiệm trong việc thu thập, phân tích và nhận định khách hàng.

- Trong hoạt động cho vay việc định kỳ hạn trả nợ là rất quan trọng. Tuy nhiên trong thực tế tại VietinBank Kon Tum cán bộ tín dụng khi cho vay định kỳ hạn trả nợ chưa phù hợp cho món vay, kỳ hạn trả nợ thường kéo dài hơn chu kỳ sản xuất để tránh trường hợp một số DN gặp khó khăn mà không phải gia hạn nợ. Chính vì vậy đã dẫn đến hiện tượng là một số DN khi bán hàng xong có tiền nhưng không trả nợ (vì chưa đến hạn), và đã sử dụng tiền thu được vào những mục đích khác. Đến khi đến hạn trả tiền lại không có nguồn để trả phải dùng nguồn bán hàng tiếp theo để trả. Quá trình này cứ lặp đi lặp lại dẫn đến DN không tự chủ được nguồn tài chính để trả nợ cho ngân hàng đúng hạn nên nợ quá hạn là điều không thể tránh khỏi.

- Mô hình tín dụng của VietinBank thay đổi thường xuyên trong các năm gần đây làm cho cán bộ chưa nắm bắt kịp, đôi lúc còn lúng túng, gây ra lỗi tác nghiệp, sai sót trong quy trình tín dụng.

- Thông tin từ các báo cáo của bộ phận kiểm tra, kiểm soát nội bộ chưa trở thành thông tin đáng tin cậy cho hoạt động quản lý rủi ro tín dụng tại chi nhánh. Số lượng cán bộ làm công tác kiểm soát nội bộ còn thiếu, việc kiểm tra thực tế chỉ là kiểm tra những chứng từ riêng lẻ, món vay đơn lẻ, do đó chưa có cái nhìn tổng quát về quy trình, dẫn đến tình trạng bỏ sót sai phạm.

- Sự hợp tác giữa các ngân hàng trên địa bàn còn lỏng lẻo, dẫn đến tình trạng cho vay vượt quá giới hạn cho phép, nếu khách hàng gặp khó khăn trong sản xuất kinh doanh hoặc có tình chiếm dụng vốn của ngân hàng thì tất cả các ngân hàng đều gặp rủi ro không thu hồi được nợ. Bên cạnh đó, ngân hàng vẫn chưa có sự liên thông với các cơ quan khác như thuế, hải quan... để kiểm chứng những thông tin tài chính do khách hàng cung cấp.

- Một số khoản cho vay thiếu căn cứ khoa học, không phân tích kỹ phương án kinh doanh, khả năng sử dụng vốn và hoàn trả nợ của DN, do vậy đã cho vay những DN kém hiệu quả dẫn đến nợ quá hạn. Ngoài ra một phần do trong quá trình xét duyệt cho vay, một số cán bộ tín dụng quá chú trọng đến TSDB mà không xem xét kỹ tính khả thi và dòng tiền tạo ra từ dự án.

- Trong mô hình hoạt động cho vay của Chi nhánh không có sự tách biệt trong quản trị rủi ro, phòng khách hàng đảm nhận cả chức năng cho vay và chức năng phát hiện đo

lượng rủi ro của khoản vay. Việc kiểm soát chặt chẽ khoản vay từ TSC và bộ phận kiểm tra kiểm soát nội bộ đôi lúc chỉ ở khâu thẩm định ban đầu chứ không phải ở khâu giám sát sau cho vay. Việc kiểm tra sử dụng vốn phần lớn do cán bộ phòng KHDN thực hiện. Nhưng tại Chi nhánh mỗi cán bộ tín dụng phải quản lý rất nhiều món vay với số dư hàng chục đến hàng trăm tỷ đồng nên việc kiểm tra sử dụng vốn không thể được tiến hành thường xuyên và chặt chẽ. Một số khoản vay, việc kiểm tra sử dụng vốn vay còn mang tính chất đối phó, chưa hướng vào mục tiêu tìm ra điểm yếu của DN để tham mưu cho lãnh đạo DN, từ đó có biện pháp chấn chỉnh kịp thời.

• *Những nguyên nhân xuất phát từ khách hàng.*

- Trình độ chuyên môn, kinh nghiệm quản lý kém, khả năng thích ứng chậm đối với các biến cố xảy ra trong doanh nghiệp hoặc những biến cố bên ngoài tác động vào doanh nghiệp thì hoạt động kinh doanh kém hiệu quả.

- Mục đích vay vốn không rõ ràng, có ý định lừa đảo, thiếu thiện chí, thiếu trách nhiệm đối với khoản nợ.

- Doanh nghiệp đi vay đang tiến hành hoạt động kinh doanh bình thường, nhưng bản thân doanh nghiệp bị một hoặc một số doanh nghiệp khác chiếm dụng vốn quá mức, dẫn tới việc mất khả năng thanh toán hoặc thậm chí phá sản.

- Bản thân các doanh nghiệp chưa nhận thức tầm quan trọng về việc quản trị rủi ro tại doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp tư nhân năng lực quản lý sản xuất kinh doanh của các DN còn yếu kém, không có khả năng dự báo thị trường nên khả năng ứng phó với sự thay đổi môi trường kinh doanh còn hạn chế. Bên cạnh đó các DN không chú trọng đến công tác Marketing quảng bá sản phẩm và thương hiệu nên ít được biết đến, chưa phát huy được nguồn vốn vay ngân hàng. Các DN cũng chưa nhận thức được tầm quan trọng trong việc xây dựng cho mình chiến lược và kế hoạch kinh doanh cụ thể nên khó khăn cho ngân hàng trong việc xác định nguồn vốn cấp tín dụng và phải thường xuyên thay đổi giới hạn tín dụng do kế hoạch kinh doanh của khách hàng thay đổi.

CHƯƠNG 3

GIẢI PHÁP NHẪM TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC KIỂM SOÁT RỦI RO TÍN DỤNG TRONG HOẠT ĐỘNG CHO VAY NGẮN HẠN ĐỐI VỚI KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP TẠI NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH KON TUM

3.1. ĐỊNH HƯỚNG TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC KIỂM SOÁT RỦI RO TÍN DỤNG TẠI NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH KON TUM TRONG THỜI GIAN TỚI.

3.1.1. Định hướng chung của ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam.

Thông đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành văn bản số 2588/NHNN-TTGSNH gửi các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài về việc tăng cường kiểm soát chất lượng tín dụng và xử lý nợ xấu Theo văn bản này, để đảm bảo tỷ lệ nợ xấu của hệ thống tổ chức tín dụng ở mức an toàn, bền vững (dưới 3% tổng dư nợ), Ngân hàng Nhà nước yêu cầu tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tăng cường kiểm soát chất lượng tín dụng và xử lý nợ xấu.

Văn bản đề nghị các tổ chức tín dụng thực hiện các giải pháp xử lý nợ xấu theo chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước tại Chỉ thị số 02/CT-NHNN ngày 23/2/2016 về tăng cường bảo đảm an toàn và tiếp tục đẩy mạnh cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng, xử lý nợ xấu; kiểm soát, bảo đảm duy trì tỷ lệ nợ xấu ở mức an toàn, bền vững, dưới 3% tổng dư nợ.

Năm 2015, Vietinbank đã triển khai áp dụng các tiêu chuẩn Basel II trong quản trị rủi ro tại ngân hàng. Mô hình quản trị, các văn bản chính sách, quy trình, quy chế, quy định liên quan tới quản lý rủi ro hoạt động theo tiêu chuẩn Basel II đã từng bước được xây dựng và triển khai. Công tác đào tạo cơ bản và nâng cao về rủi ro hoạt động và các phương pháp quản lý rủi ro hoạt động được thực hiện thường xuyên và liên tục cải tiến về chất lượng, góp phần nâng cao nhận thức và văn hóa quản lý rủi ro tại Vietinbank.

Thực hiện chỉ đạo của ngân hàng Nhà nước, trong thời gian tới Vietinbank tập trung nguồn lực để thu hồi nợ xấu, nợ đã xử lý DPRR, tiếp tục chỉ đạo trực tiếp công tác xử lý nợ có vấn đề đối với các chi nhánh có nợ có vấn đề lớn; hỗ trợ chi nhánh theo phương châm đổi mới, kỷ cương để xử lý, thu hồi nợ thông qua việc áp dụng linh hoạt đồng thời các biện pháp thu hồi nợ khác nhau. Đưa ra các chỉ tiêu cụ thể và đề xuất giải pháp, lộ trình triển khai đến năm 2020; xây dựng phương án xử lý nợ cụ thể đối với từng khoản nợ; phát hiện sớm rủi ro của các khoản nợ, áp dụng đồng bộ các biện pháp xử lý nợ phù hợp. Kiểm soát tốt chất lượng tín dụng, khống chế tỷ lệ nợ xấu dưới 3,5%.

3.1.2. Định hướng tăng cường công tác kiểm soát RRTD trong hoạt động cho vay ngắn hạn đối với khách hàng doanh nghiệp tại Vietinbank – Chi nhánh Kon Tum.

Trên cơ sở định hướng chung cho hoạt động kinh doanh của Chi nhánh và các chỉ tiêu được Trụ Sở chính giao, Vietinbank – CN Kon Tum cũng đã xây dựng những định hướng riêng để tăng cường hạn chế RRTD.

- Tăng trưởng tín dụng đi đôi với an toàn. Chất lượng tín dụng phải đảm bảo hiệu quả, không để phát sinh nợ quá hạn/nợ xấu, qua đó nâng cao hiệu quả hoạt động của

Vietinbank – CN Kon Tum.

- Thực hiện nghiêm túc các quy định và chỉ đạo của NHNN Việt Nam về lãi suất; áp dụng mức lãi suất cho vay hợp lý trên cơ sở lãi suất huy động và mức độ rủi ro của khoản vay, chia sẻ khó khăn với khách hàng vay, đảm bảo an toàn tài chính trong hoạt động của ngân hàng.

- Nâng cao khả năng kiểm soát RRTD trong hoạt động cho vay khách hàng doanh nghiệp thông qua nâng cao chất lượng thẩm định, tăng cường kiểm tra và kiểm soát nội bộ, nâng cao ý thức chấp hành cơ chế chính sách của ngành và của NHNN, đồng thời xử lý nghiêm những trường hợp vi phạm.

- Đa dạng hóa danh mục tín dụng (theo khách hàng, ngành hàng, khu vực địa lý...) tăng cường kiểm soát đối với các doanh nghiệp yếu kém. Hạn chế và kiểm soát chặt chẽ mức độ tập trung tín dụng, tăng trưởng có chọn lọc đảm bảo an toàn vốn vay và hiệu quả kinh tế.

- Sử dụng hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ để chọn lọc khách hàng tốt và phát triển tín dụng, giảm dần dư nợ đối với doanh nghiệp xếp hạng từ BB trở xuống.

- Thường xuyên rà soát, đánh giá việc cho vay đối với các lĩnh vực tiềm ẩn nhiều rủi ro, tín dụng đối với nhóm khách hàng lớn.

Trên cơ sở định hướng của NHCT, Vietinbank – Chi nhánh Kon Tum sẽ tập trung đẩy mạnh tăng trưởng cho vay ngắn hạn đối với KHDN ngay từ đầu năm, giảm tỷ trọng cho vay trung và dài hạn để hạn chế rủi ro, tập trung nâng cao hiệu quả của tăng trưởng. Kiểm soát chặt chẽ chất lượng tín dụng, triệt để thu hồi nợ xấu, nợ xử lý RR, thu hồi toàn bộ nợ bán VAMC bằng nhiều biện pháp. Vietinbank – CN Kon Tum xác định cho vay vốn lưu động ngắn hạn đối với KHDN là đối tượng ưu tiên tập trung nguồn lực để tăng trưởng mạnh, mở rộng và chiếm lĩnh thị trường. Kế hoạch kinh doanh của Vietinbank Kon Tum dự kiến đến hết năm 2021 - 2025 là dư nợ cho vay ngắn hạn KHDN đạt 630 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng trên 13% so với năm 2020.

Bên cạnh định hướng tăng trưởng cho vay ngắn hạn đối với KHDN, chi nhánh cũng đang thắt chặt quá trình quản lý rủi ro tín dụng từ khâu thẩm định đến khâu kiểm sát, thu hồi nợ đối với khách hàng, đảm bảo việc tăng trưởng tín dụng phải đi đôi với việc đảm bảo chất lượng tín dụng tốt và hiệu quả. BLĐ chi nhánh dựa trên các chỉ tiêu kế hoạch giao của NHCTVN để phân bổ kế hoạch chi tiết đến từng phòng/cán bộ nghiệp vụ, đảm bảo việc triển khai thực hiện định hướng được hiệu quả như sau:

- Tận dụng cơ hội về uy tín, thương hiệu của Vietinbank, ưu thế về chính sách lãi suất, tài sản bảo đảm đẩy mạnh cho vay, mở rộng mạng lưới khách hàng một cách có chọn lọc, gia tăng thị phần hoạt động đảm bảo đạt kế hoạch TSC giao. Chi nhánh cũng dựa vào danh sách khai thác được từ các nguồn khác nhau như Sở kế hoạch và đầu tư, Bảo hiểm xã hội, Cục Thuế Tỉnh để có thể tiếp cận với các đơn vị và doanh nghiệp mới thành lập, chuẩn bị triển khai dự án mới trên địa bàn.

- Hoàn thiện quy trình tín dụng và tăng cường sự giám sát của lãnh đạo phòng đối với CBTD từ khâu tiếp xúc, thu thập thông tin, đến khâu thẩm định và giám sát vốn vay

khách hàng.

- Tập trung đẩy mạnh tăng trưởng tín dụng ngắn hạn, tăng trưởng tín dụng với khách hàng tốt, khách hàng truyền thống có quan hệ tín dụng uy tín, khách hàng tiềm năng, tăng trưởng tín dụng an toàn hiệu quả và bền vững. Tăng tỷ lệ cho vay có tài sản bảo đảm trên tổng dư nợ cho vay của khách hàng.

- Phối hợp chặt chẽ với bộ phận KTKSNB củng cố và duy trì công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ để kịp thời phát hiện và sửa chữa những sai sót trong nghiệp vụ và ngăn chặn các hành vi, vi phạm quy định và vi phạm pháp luật.

- Phân đấu giữ tỷ lệ nợ xấu cho vay ngắn hạn KHDN ở mức dưới 0,5%, thấp hơn mức bình quân của Vietinbank cũng như mức trung bình ngành. Tập trung quyết liệt, rà soát cụ thể từng khoản nợ, giao chỉ tiêu thu hồi nợ xấu, đặc biệt là các khoản nợ đã được xử lý tới từng cán bộ tín dụng, hàng tháng có đánh giá kết quả thực hiện.

3.2. GIẢI PHÁP NHẪM TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC KIỂM SOÁT RỦI RO TÍN DỤNG TRONG HOẠT ĐỘNG CHO VAY NGẮN HẠN ĐỐI VỚI KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP TẠI NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH KON TUM.

3.2.1 Các giải pháp nhằm né tránh rủi ro trong hoạt động cho vay ngắn hạn đối với KHDN.

a. Tăng cường chất lượng công tác thẩm định tín dụng trong hoạt động cho vay ngắn hạn đối với doanh nghiệp.

Thực hiện xác minh thông tin trong báo cáo tài chính và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp, trên cơ sở số liệu khách hàng cung cấp cần tập trung thực hiện các biện pháp như sau:

- Đánh giá chính xác tư cách vay nợ của khách hàng.
- Nâng cao kỹ năng phân tích tài chính doanh nghiệp.
- Nâng cao chất lượng công tác thẩm định dự án đầu tư.
- Đánh giá nguồn trả nợ để xây dựng kế hoạch thu nợ hợp lý.

b. Xác định tính tin cậy của phương án SXKD của khách hàng doanh nghiệp vay vốn ngắn hạn.

Nguồn tiền tạo ra từ phương án vay vốn chính là nguồn trả nợ thứ nhất đảm bảo cho khả năng thanh toán gốc, lãi cho khoản vay của khách hàng Phương án kinh doanh cần khả thi, hiệu quả và được xác định một cách tin cậy để có thể chứng minh được khả năng trả nợ Tại Vietinbank – Chi nhánh Kon Tum, việc thẩm định PAKD còn sơ sài, chủ yếu sử dụng toàn bộ số liệu do khách hàng cung cấp, chưa thể hiện tính chất phản biện chọn lọc phân tích để đưa số liệu phù hợp vào báo cáo thẩm định.

Do đó khi thực hiện thẩm định phương án SXKD của khách hàng, cần yêu cầu khách hàng cung cấp các tài liệu chứng minh việc thực hiện PAKD như các hợp đồng, đơn đặt hàng. Tìm hiểu thị trường tiêu thụ của doanh nghiệp, nắm bắt giá bán sản phẩm không những để tính toán doanh thu mà còn so sánh với giá cả các mặt hàng tương tự trên thị trường để đánh giá tính cạnh tranh và khả năng tiêu thụ sản phẩm

Trong khi thẩm định PAKD của khách hàng cũng cần chú ý phân tích uy tín thanh toán của bên mua hàng trong các trường hợp bán hàng trả chậm hoặc thanh toán sau, tư vấn cho doanh nghiệp yêu cầu bên mua hàng có bảo lãnh thanh toán để đảm bảo khả năng thu nợ.

Cần lưu ý đối với các khách hàng hoạt động trong nhiều lĩnh vực khác nhau thì việc tổ chức phương án SXKD cũng khác nhau. Vì vậy trên cơ sở mẫu tờ trình thẩm định mà Vietinbank thiết kế sẵn, chi nhánh có thể nghiên cứu đưa thêm các nội dung đặc thù đối với từng lĩnh vực trong phần thẩm định phương án SXKD để xây dựng thành các biểu mẫu tờ trình đa dạng và cụ thể cho các đối tượng như tờ trình thẩm định dành cho khách hàng kinh doanh thương mại, tờ trình thẩm định đối với lĩnh vực sản xuất hay xây dựng (cần phân tích công suất, năng lực sản xuất, thi công như thế nào, kế hoạch và tiến độ sản xuất thi công ra sao ...) từ đó vừa có cơ sở cho các cán bộ thẩm định thực hiện phân tích đúng hướng, đúng trọng tâm, vừa đảm bảo các nội dung cần thiết trong việc thẩm định trên cơ sở xác định được chính xác nhu cầu vay vốn của khách hàng.

Bên cạnh đó Vietinbank – CN Kon Tum cần nghiên cứu và ban hành danh sách các loại hồ sơ tài liệu mà cán bộ thẩm định cần thu thập để phục vụ cho việc thẩm định phương án SXKD của khách hàng.

Trên cơ sở thẩm định các yếu tố đầu vào, đầu ra, khả năng tiêu thụ và số liệu dự kiến do khách hàng cung cấp, CBTD xây dựng lại PAKD sát với thực tế của khách hàng, từ đó có cơ sở đánh giá nhu cầu vay vốn cũng như khả năng trả nợ của khách hàng.

c. Hoàn thiện công tác thu thập, xử lý thông tin và xếp hạng tín dụng nội bộ

• Thành lập hệ thống lưu trữ thông tin riêng của Vietinbank - CN Kon Tum.

Để hạn chế tình trạng thông tin bất đối xứng gây ảnh hưởng không tốt đến ngân hàng trong việc thẩm định và quản lý các khoản vay của khách hàng, công tác cập nhật thông tin phải được thực hiện thường xuyên và liên tục, đảm bảo tính xác thực, minh bạch và khách quan.

Một giải pháp cụ thể là thành lập hệ thống thu thập lưu trữ thông tin của riêng chi nhánh. Hiện nay Vietinbank đã có hệ thống thông tin cảnh báo rủi ro, hàng tuần và hàng tháng đều có các bản tin cập nhật thông tin về nền kinh tế, các nhóm ngành ... tuy nhiên các CBTD không phải lúc nào cũng có thời gian cập nhật đầy đủ. Vì vậy thiết lập hệ thống thông tin và bộ phận tổng hợp thông tin là điều hết sức cần thiết, vừa phục vụ cho chiến lược kinh doanh của chi nhánh, vừa phục vụ cho công tác quản trị rủi ro Trong đó có thể tổ chức hệ thống thông tin kiểu ngân hàng dữ liệu và lưu trữ thông tin như sau:

- Cần có những thông tin về khách hàng hiện đang có quan hệ vay vốn với chi nhánh. Hiện tại từng cán bộ đang trực tiếp phụ trách một nhóm khách hàng nhưng nếu thông tin của từng người được tập trung lại sẽ tạo thuận lợi cho các cấp quản lý khi cần, đồng thời khi CBTD vắng mặt người phụ trách thay thế có thể tiếp cận nhanh chóng. Phân công định kỳ hàng tháng lấy thông tin CIC của các khách hàng vay vốn đang quản lý để phục vụ cho việc đánh giá tình hình quan hệ tín dụng. Một tập hợp thông tin như vậy sẽ phát huy tối đa hiệu quả phục vụ cho công tác theo dõi khách hàng.

- Các thông tin liên quan như thị trường hàng hóa, đặc điểm cạnh tranh của các đối thủ, thông tin về nhà cung cấp, các biến động ở tầm vĩ mô và vi mô có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh. Hiện nay Vietinbank thường xuyên có những bản tin theo định kỳ hàng tuần đáp ứng yêu cầu nêu trên, bên cạnh đó việc thu thập thông tin từ các website uy tín về kinh tế tài chính, bên các chuyên san kinh tế và ngân hàng... chi nhánh nên giao cho phòng tổng hợp của chi nhánh theo dõi, cập nhật và đưa lên hệ thống thông tin của chi nhánh để các CBTD truy cập, xem xét lúc cần thiết.

- Ngoài ra còn cần cập nhật thường xuyên các văn bản pháp luật mới, các chỉ thị của ngân hàng Vietinbank, các thông tin chỉ đạo trong nội bộ chi nhánh và các thông tin quan trọng khác.

Sau khi tập hợp các thông tin này cần được so sánh và sàng lọc để phục vụ cho công tác thẩm định khách hàng, cũng như theo dõi, kiểm soát rủi ro trong cho vay Để phục vụ cho mục đích này, thông tin cần được sắp xếp và biên soạn sao cho dễ tìm kiếm và so sánh. Ngoài ra Vietinbank – CN Kon Tum cần tổ chức các buổi họp ngắn đầu tuần để phổ biến các thông tin cập nhật cần thiết và quan trọng. Tổ chức tập huấn cho CBTD sự nhạy bén trong việc thu thập, xử lý và sàng lọc thông tin.

• *Tuân thủ nội dung, tần suất chấm điểm và nghiên cứu đề xuất tự động cập nhật thông tin phi tài chính vào hệ thống chấm điểm*

Từ khi áp dụng hệ thống chấm điểm xếp hạng nội bộ, đến nay chi nhánh đã đạt được một số kết quả nhất định, góp phần vào công tác quản trị rủi ro của Vietinbank. Trên cơ sở dựa vào phương pháp định lượng (thông tin tài chính) và phương pháp định tính (thông tin phi tài chính), Vietinbank đã xây dựng cho mình một hệ thống đánh giá rủi ro tài chính có hiệu quả, việc chấm điểm có tính đến yếu tố như ngành nghề kinh doanh, quy mô hoạt động, loại hình sở hữu của khách hàng.

Tuy nhiên vấn đề đáng chú ý hiện nay là mặc dù Vietinbank đã đưa ra hướng dẫn trong việc chấm điểm tín dụng, đặc biệt là cách cho điểm đối với các chỉ tiêu phi tài chính, nhưng trên thực tế công tác chấm điểm các chỉ tiêu phi tài chính tại chi nhánh vẫn chịu ảnh hưởng rất nhiều từ các ý kiến chủ quan của CBTD. Khả năng xảy ra sự khác biệt, thiếu chính xác và thiếu nhất quán về hạng khách hàng sẽ rất cao nếu như các khách hàng đó được chuyển giao qua các cá nhân quản lý, nhập liệu khác nhau.

Vì vậy để đảm bảo khắc phục một phần tính chủ quan trong việc đánh giá các chỉ tiêu phi tài chính cũng như hạn chế của CBTD trong việc cập nhật các thông tin vĩ mô như triển vọng ngành, các chính sách của nhà nước đối với ngành hoạt động (thường CBTD sẽ cho điểm cao nhất cho khách hàng), lịch sử vay trả tại Vietinbank nên được nghiên cứu cập nhật sẵn trên hệ thống chấm điểm. CBTD khi tick chọn vào thông tin nhóm ngành hoạt động lúc thực hiện chấm điểm thì các thông tin phi tài chính của nhóm ngành đó sẽ tự động cập nhật và điểm của khách hàng

Cần thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức và phương pháp nhận xét đánh giá khách hàng cho các cán bộ làm công tác thẩm định. Hình thành cho đội ngũ nhân viên cách nhìn nhận khoa học, toàn diện và khách quan đối với từng khách hàng

cũng như đặc trưng các nhóm ngành hoạt động.

Như đã trình bày tại các nội dung trước, kết quả xếp hạng khách hàng là cơ sở tham khảo để áp dụng chính sách khách hàng, khách hàng có hạng tốt sẽ được hưởng ưu đãi về lãi suất cho vay, chính sách tín dụng ... Sự chênh lệch về mức độ ưu đãi chính sách đối với các hạng gần nhau khá lớn, vì vậy việc CBTD chấm điểm cao cho khách hàng để tăng khả năng cạnh tranh về mặt lãi suất là điều khó tránh khỏi. Do đó để đảm bảo cho hệ thống vận hành với nguồn nhập liệu “sạch”, đảm bảo thông tin phục vụ công tác quản lý RRTD đúng với thực tế, Ban Lãnh đạo chi đạo chi nhánh cần có chế độ khảo sát, kiểm tra, đánh giá định kỳ hàng năm về mức độ trung thực, chính xác của các CBTD trong việc chấm điểm phân loại khách hàng.

3.2.2. Các biện pháp nhằm hạn chế và giảm thiểu rủi ro.

Tăng cường kiểm tra, kiểm soát sau cho vay đối với doanh nghiệp.

Vietinbank – Chi nhánh Kon Tum cần tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát việc sử dụng vốn của doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp dư nợ lớn hoạt động trong các ngành nông sản (cà phê, cao su, ...) để kiểm soát rủi ro.

Khi khách hàng yêu cầu nhận nợ vay, CBTD phải kiểm tra chặt chẽ quá trình giải ngân, đối chiếu giữa mục đích yêu cầu giải ngân với các tài liệu chứng minh mục đích sử dụng vốn vay (Hợp đồng mua bán, hóa đơn giá trị gia tăng, biên bản đối chiếu công nợ, biên bản nghiệm thu, phiếu giao nhận hàng hóa,..) của khách hàng, đảm bảo việc sử dụng vốn vay có đầy đủ chứng từ chứng minh hợp lệ.

Kiểm tra, kiểm soát sau khi cho vay không chỉ nhằm ngăn ngừa tình trạng khách hàng kinh doanh sử dụng vốn sai mục đích, thông qua đó nhắc nhở, đôn đốc việc hoàn thành công tác trả nợ, trả lãi khi đến hạn thanh toán. Công tác kiểm tra, kiểm soát sau khi cho vay phải được thực hiện định kỳ, đột xuất hoặc kiểm tra theo quy định của Vietinbank đề ra.

Để việc kiểm tra sử dụng vốn vay có hiệu quả giúp phát hiện sớm các dấu hiệu rủi ro, cán bộ tín dụng cần chủ động sử dụng kết hợp các phương thức kiểm tra khác nhau. Kết quả kiểm tra phải được cán bộ tín dụng thể hiện rõ trong biên bản kiểm tra sử dụng vốn vay. Đối với các khoản vay có dấu hiệu bất thường cán bộ tín dụng phải báo cáo với lãnh đạo nhằm có biện pháp xử lý kịp thời. Việc phát hiện và xử lý kịp thời những khoản vay có vấn đề, những khoản vay có biểu hiện mất khả năng thu hồi là biện pháp hữu hiệu góp phần hạn chế rủi ro trong hoạt động cho vay kinh doanh tại Vietinbank Kon – Chi nhánh Tum.

3.2.3. Biện pháp nhằm chuyển giao và phân tán rủi ro.

Hiện nay tại Vietinbank – Chi nhánh Kon Tum việc yêu cầu khách hàng mua bảo hiểm tín dụng hầu như chưa được triển khai. Hầu hết CBTD đều đã được đào tạo các lớp chứng chỉ bảo hiểm ngắn hạn và nắm bắt được các sản phẩm, nội dung các gói sản phẩm bảo hiểm cũng như mức phí, cách thức đền bù khi rủi ro xảy ra. Tuy nhiên qua một thời gian triển khai hầu như sản phẩm chỉ bán được cho khách hàng cá nhân. Vì vậy nhằm giảm bớt thiệt hại khi RRTD xảy ra, Vietinbank – CN Kon Tum cần thực hiện các biện pháp sau:

Quy định cụ thể các trường hợp bắt buộc phải mua bảo hiểm tín dụng, chi nhánh cần xác định các đối tượng, các lĩnh vực có nợ xấu tập trung nhiều, từ đó đưa ra quy định trường hợp nào bắt buộc phải mua bảo hiểm, trường hợp nào không bắt buộc nhưng vẫn khuyến khích mua bảo hiểm để đảm bảo có những bù đắp nhất định khi rủi ro xảy ra.

3.2.4. Một số giải pháp hỗ trợ.

a. Đối với con người.

Nâng cao trình độ chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp cho các cán bộ làm công tác tín dụng.

Về trình độ chuyên môn:

- Con người luôn là nhân tố quyết định sự thành công của bất kỳ doanh nghiệp nào, đặc biệt là các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ, thường xuyên tiếp xúc với khách hàng. Con người chính là yếu tố then chốt quyết định sự thành công của bất kỳ ngân hàng nào. Vì vậy công tác đào tạo, huấn luyện nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ ngân hàng là điều hết sức cần thiết.

- Lợi thế của Vietinbank – CN Kon Tum là có một đội ngũ nhân sự làm công tác tín dụng trẻ, năng động, nhiệt huyết và được trang bị đầy đủ kiến thức tài chính ngân hàng, đáp ứng được yêu cầu công tác trong môi trường hoạt động của ngân hàng hiện đại. Tuy nhiên do đa phần là nhân viên trẻ nên kinh nghiệm công tác còn hạn chế, cách nhìn nhận đánh giá vấn đề, nhất là các vấn đề về quản trị rủi ro còn thiếu chiều sâu. Mặc khác kinh nghiệm và kiến thức về nhận xét, đánh giá khách hàng của đội ngũ nhân viên làm công tác tín dụng còn chưa đồng đều.

- Do vậy để góp phần hoàn thiện công tác kiểm soát rủi ro, Vietinbank - CN Kon Tum cũng cần chú trọng nhiều hơn đến việc kiện toàn chất lượng đội ngũ nhân sự, nhất là lực lượng làm công tác thẩm định. Thường xuyên tổ chức đào tạo đối với lực lượng làm công tác khách hàng, cung cấp cho họ những kinh nghiệm thực tế từ khâu tìm kiếm khách hàng cho đến phân tích dữ liệu... Đào tạo cho nhân viên các kỹ năng thu thập và chọn lọc thông tin, kỹ năng đàm phán khách hàng về các vấn đề liên quan đến việc tuân thủ các điều khoản trong hợp đồng tín dụng đã ký kết. Khi có nền tảng kiến thức vững chắc thì rủi ro chắc chắn sẽ giảm đi rất nhiều.

- Về đạo đức nghề nghiệp và ý thức tuân thủ trong việc thực hiện công tác cho vay: Hầu hết các cán bộ làm việc tại Vietinbank – CN Kon Tum là những cán bộ có đạo đức nghề nghiệp tốt, đây là truyền thống lâu đời mà Ban Lãnh đạo đã quán triệt cho các thế hệ cán bộ của mình. Đặc biệt là cán bộ của Phòng khách hàng doanh nghiệp, nơi có doanh số cho vay đạt trên 50% doanh số cho vay toàn chi nhánh, đây là những cán bộ có nhiệt huyết, không dễ bị sa ngã trước cám dỗ vật chất hay lợi dụng những kẽ hở nghiệp vụ để tư lợi cá nhân.

- Tuy nhiên do áp lực về doanh số cũng như sự cạnh tranh trên thị trường tài chính, tâm lý sợ mất những khách hàng tốt cũng có nhiều ảnh hưởng đến công tác kiểm soát RRTD. Việc ưu đãi lãi suất thường gắn với hạng khách hàng nên CBTD thường chần chừ tiêu phí tài chính cao nhất có thể để nâng hạng khách hàng, từ đó chi nhánh dễ dàng hơn

trong việc cạnh tranh lãi suất và giữ chân khách hàng hay các điều kiện ràng buộc trong hợp đồng tín dụng về quản lý dòng tiền của khách hàng vẫn chưa được tuân thủ triệt để. Bên cạnh đó, công tác kiểm tra kiểm soát sau cho vay cũng chỉ mới thực hiện trên hình thức là biên bản kiểm tra sử dụng vốn vay chứ chưa thực sự đi kiểm tra, hoặc có đi kiểm tra nhưng chỉ dừng ở mức độ thăm hỏi khách hàng chứ chưa thực hiện đúng những yêu cầu khi kiểm tra sử dụng vay vốn.

Vì vậy việc cần thiết Vietinbank - CN Kon Tum sớm khắc phục tình trạng trên, cần quán triệt tư tưởng buông lỏng các điều kiện tín dụng trong cạnh tranh nhằm lôi kéo khách hàng để đạt chỉ tiêu kế hoạch giao dẫn tới không đảm bảo chất lượng tín dụng. Quán triệt yêu cầu đối với cán bộ làm công tác tín dụng là cần chấp hành đúng quy trình nghiệp vụ trước, trong và sau khi cho vay, không hạ thấp các điều kiện hợp đồng tín dụng gây rủi ro cho ngân hàng. Ngoài ra cần có chế độ đãi ngộ, thưởng phạt thích hợp gắn liền với hiệu quả công việc của đội ngũ tín dụng, khách hàng.

b. Đối với công nghệ thông tin.

Công nghệ thông tin là tập hợp các phương pháp khoa học, các phương tiện và công cụ kỹ thuật hiện đại chủ yếu là kỹ thuật máy tính và viễn thông nhằm tổ chức khai thác và sử dụng có hiệu quả các nguồn tài nguyên thông tin rất phong phú và tiềm năng trong mọi lĩnh vực hoạt động của con người và xã hội. Ngân hàng thuộc lĩnh vực dịch vụ tài chính, hầu hết các mảng hoạt động của khu vực ngân hàng đều gắn liền với việc tiếp nhận và xử lý thông tin, do vậy việc ứng dụng công nghệ thông tin có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển bền vững và có hiệu quả của từng ngân hàng nói chung và hệ thống ngân hàng nói riêng.

Thực tế đã chứng minh nhờ ứng dụng công nghệ thông tin trong việc xử lý các bài toán nghiệp vụ ngân hàng, mở rộng các dịch vụ điện tử đã góp phần nâng cao năng lực quản lý, điều hành của ngân hàng, nâng cao chất lượng tiện ích ngân hàng. Quản trị điều hành và quản trị rủi ro của các ngân hàng, qua đó mà hệ thống ngân hàng Việt Nam đã có những bước phát triển vượt bậc kể từ khi đổi mới đến nay.

Tại Vietinbank – CN Kon Tum công nghệ thông tin chưa hỗ trợ đáng kể vào việc phát triển các dịch vụ ngân hàng thong suốt. Số người sử dụng dịch vụ ngân hàng trực tuyến còn khiêm tốn. Nguyên nhân chính là do thói quen sử dụng tiền mặt của người Việt Nam, mặc dù Vietinbank đã kết nối liên thông hệ thống các điểm chấp nhận thẻ POS ngân hàng. Mặc khác các dịch vụ Internet Banking, Mobile Banking của ngân hàng có phương thức thực hiện giao dịch quá phức tạp, điều này đã làm cho các doanh nghiệp và cá nhân không mặn mà lắm với những dịch vụ tiên tiến này. Ngoài ra do niềm tin của khách hàng vào sự an toàn của việc sử dụng các dịch vụ điện tử chưa cao, nên những giao dịch có giá trị lớn vẫn thường được thực hiện qua các kênh dịch vụ truyền thống.

Vì vậy Vietinbank Kon Tum cần tiếp tục lấy công nghệ thông tin làm nòng cốt hiện đại hóa sản phẩm nghiệp vụ của ngân hàng trên cơ sở công nghệ hóa, hiện đại hóa tổng thể sản phẩm nghiệp vụ và các ứng dụng quản trị. Tăng cường công tác an toàn bảo mật, đáp ứng yêu cầu kinh doanh, cụ thể:

- Tập trung xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu thống nhất (với các phần mềm hỗ trợ hoạt động kinh doanh, quản lý), đảm bảo quy trình hoạt động xuyên suốt trong toàn hệ thống. Nâng cao chất lượng quản trị doanh nghiệp, giảm thiểu được các nguy cơ về rủi ro trong hoạt động kinh doanh và hỗ trợ việc đưa ra quyết định nhanh chóng, chính xác.

- Tiếp tục đầu tư, hoàn thiện hệ thống công nghệ thông tin phục vụ phát triển các dịch vụ ngân hàng điện tử hiện đại (nghiệp vụ thanh toán trong nước và quốc tế...).

- Xây dựng hệ thống công nghệ thông tin hiện đại, tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế, tạo thế mạnh cạnh tranh riêng thông qua việc cạnh tranh bằng công nghệ. Trong đó tập trung triển khai các hệ thống tiện ích phục vụ khách hàng như: Xây dựng trung tâm chăm sóc khách hàng, cổng thông tin điện tử tích hợp các dịch vụ điện tử trên mạng Internet.

- Nâng cao năng lực xử lý của hệ thống mạng LAN, WAN, thiết bị chuyển mạch...; nâng cấp hệ thống an ninh, bảo mật ở mức cao...

- Xây dựng, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ IT chuyên nghiệp, có trình độ nghiệp vụ cao, đáp ứng nhu cầu quản trị vận hành và làm chủ các hệ thống công nghệ hiện đại.

3.3. MỘT SỐ KHUYẾN NGHỊ.

3.3.1. Khuyến nghị đối với chính phủ.

Trong hoạch định chính sách, không những cần cân đối giữa các mục tiêu phát triển kinh tế và ổn định tiền tệ mà còn phải quan tâm đến sự phát triển bền vững của các NHTM, tránh tình trạng thắt chặt hoặc nới lỏng quá mức, thay đổi định hướng đột ngột sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến lợi ích của các NHTM.

Hoàn thiện các quy định pháp luật liên quan đến quyền chủ nợ của Ngân hàng và bảo đảm tiền vay nhằm giúp cho các Ngân hàng thuận lợi khi phải thực hiện các biện pháp xử lý tài sản nhằm giúp các Ngân hàng nhanh chóng thu hồi được nợ từ các tài sản đảm bảo, tránh tình trạng dây dưa, kéo dài và tổn kém, ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Ngân hàng.

Cần ban hành các quy định mang tính chặt chẽ hơn về những điều kiện để được thành lập các Công ty thẩm định giá và trách nhiệm của các Công ty này đối với những tài sản bảo đảm mà các NHTM thuê Công ty này định giá về tính chính xác, trung thực của giá trị định giá tài sản.

3.3.2. Khuyến nghị đối với Ngân hàng Nhà nước.

Hoàn thiện và phát triển chức năng CIC: Trung tâm thông tin tín dụng CIC là một trong những kênh thông tin giúp ngân hàng đối phó với những vấn đề thông tin không cân xứng, từ đó góp phần nâng cao chất lượng phân tích tín dụng Tuy nhiên thông tin do CIC cung cấp trong những năm qua vẫn còn một số hạn chế về số lượng và chất lượng Vì vậy cần tiếp tục hoàn thiện và cải thiện chức năng của CIC, mặt khác cần tiếp tục xây dựng trung tâm này trở thành một trung tâm độc lập, chuyên cung cấp thông tin liên quan đến lĩnh vực tài chính - ngân hàng. Ngoài ra trung tâm cần phối hợp với các cơ quan, Bộ ban ngành của chính phủ để thu thập đa dạng, phong phú hơn các thông tin về các ngành, lĩnh vực khác nhau của nền kinh tế, bảo đảm kịp thời, chính xác của thông tin.

Hiện nay, tại Việt Nam có một số công ty mua bán nợ, tuy nhiên, qui mô vốn kinh

doanh của công ty này còn nhỏ, chủ yếu là mua các khoản nợ xấu có qui mô nhỏ của NHTM. Do đó chưa tạo ra một thị trường mua bán nợ sôi động, việc mua bán nợ trên thị trường hiện nay rất hạn chế, quy mô mua bán nhỏ. Các NHTM cũng có thể mua bán nợ với nhau, tuy nhiên trong thực tế thị trường này hầu như không phát triển. Nếu thị trường mua bán nợ phát triển thì đây là giải pháp để NHTM có thể cơ cấu lại danh mục cho vay của mình, thêm các công cụ để chuyển giao RRTD.

Cho phép ngân hàng thương mại có tiềm lực tài chính trích dự phòng rủi ro cao hơn mức qui định: Trích dự phòng rủi ro thực chất là trích dần các khoản tổn thất tín dụng. Tổn thất tín dụng thực chất khó có thể lượng hóa được bằng một con số chính xác tại thời điểm trích lập dự phòng do đó quy định một mức tổn thất cố định trên dư nợ vay theo nhóm nợ là xác định một cách tương đối tổn thất trong tương lai. Để ngày càng lành mạnh hóa khả năng tài chính và nâng cao mức chịu đựng RRTD của NHTM, NHNN Việt Nam nên cho phép các NHTM có tiềm lực tài chính có thể trích dự phòng rủi ro cao hơn so với mức qui định hiện nay. Tuy nhiên, để hạn chế các NHTM xem đây là công cụ để điều tiết lợi nhuận, các NHTM phải đăng ký với NHNN cơ sở tính toán mức dự phòng tăng thêm này và cam kết sử dụng phương pháp trích dự phòng rủi ro này trong một thời gian nhất định.

3.3.3. Khuyến nghị đối với ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam.

Hệ thống chấm điểm xếp hạng tín dụng nội bộ cần phải xây dựng một thang điểm chi tiết hơn đối với các chỉ tiêu phi tài chính, đồng thời đưa ra các công thức tính toán khoa học đối với mọi chỉ tiêu tài chính chứ không được dựa trên quan điểm chủ quan của cán bộ tín dụng. Xây dựng các quy chế, văn bản phù hợp với tình hình thực tế, làm khung pháp lý cho cán bộ kiểm soát theo đó thực hiện, giúp công tác kiểm tra, kiểm soát được thuận lợi hơn.

Hoàn thiện quy trình cho vay, rút ngắn và đơn giản hóa các thủ tục không cần thiết để giảm bớt khối lượng công việc cho các cán bộ quan hệ khách hàng, giúp họ có nhiều thời gian hơn cho công tác kiểm tra kiểm soát tín dụng.

Nghiên cứu xây dựng quy trình cho vay theo từng mức độ rủi ro tín dụng. Vietinbank cần xây dựng quy trình cho phù hợp với từng mức độ rủi ro tín dụng. Đối với DN có tài sản đảm bảo là tiền gửi, chứng từ có giá do Vietinbank phát hành, Vietinbank nên xây dựng quy trình xét duyệt cho vay đơn giản hơn, cấp có thẩm quyền phê duyệt thấp hơn như trưởng phòng quan hệ khách hàng. Đối với các DN kinh doanh trong các lĩnh vực bất động sản, chứng khoán... Vietinbank cần xây dựng quy trình cho vay trong lĩnh vực này phải đảm bảo tránh được các rủi ro đặc thù của ngành. Do đây là các lĩnh vực có tiềm ẩn rủi ro tín dụng cao nhất hiện nay, do đó, quy trình cho vay đối với lĩnh vực này cần được nghiên cứu kỹ lưỡng, từ việc giao quyền phán quyết tín dụng đối với lĩnh vực này đến việc giải ngân, giám sát quá trình sử dụng vốn vay của DN.

Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam nên xem xét thành lập Công ty mua bán nợ trực thuộc Ngân hàng để chuyên môn hóa hoạt động tài trợ rủi ro tín dụng, qua đó thực hiện chuyên nghiệp việc chuyển giao rủi ro tín dụng, giảm thiểu tỷ lệ nợ xấu và rủi ro tín dụng.

Tăng cường tổ chức các lớp đào tạo kiến thức về rủi ro tín dụng. Tăng cường mở thêm các lớp học tập, bồi dưỡng nghiệp vụ và mời thêm đội ngũ giáo viên có trình độ giỏi và kinh nghiệm đến giảng dạy nhằm đáp ứng yêu cầu đào tạo và nghiên cứu chuyên môn. đồng thời phải thường xuyên tổ chức kiểm tra tay nghề về các mặt nghiệp vụ, nhất là nghiệp vụ tín dụng (đội ngũ quyết định thành bại trong kinh doanh của ngân hàng).

Khuyến nghị Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam xem xét xây dựng các quy chế, quy trình, văn bản phù hợp với tình hình thực tế nhằm hoàn thiện hoạt động tài trợ rủi ro tín dụng như: Chuyển nợ thành vốn góp cổ phần, chứng khoán hóa các khoản nợ vay hoặc sử dụng hợp đồng tín dụng phái sinh như hợp đồng hoán đổi tín dụng, hợp đồng quyền chọn tín dụng.

KẾT LUẬN

Qua quá trình nghiên cứu, luận văn đã hoàn thành các nhiệm vụ mà mục tiêu nghiên cứu đề ra. Cụ thể, luận văn đã giải quyết được các nhiệm vụ nghiên cứu sau:

- Trình bày cơ sở lý luận về kiểm soát RRTD trong hoạt động cho vay ngắn hạn đối với doanh nghiệp của NHTM.

- Đánh giá, phân tích thực trạng của công tác kiểm soát RRTD trong hoạt động cho vay ngắn hạn đối với doanh nghiệp tại Vietinbank - CN Kon Tum.

- Luận văn đã tiến hành đánh giá, phân tích thực trạng triển khai, các biện pháp kiểm soát RRTD và phân tích kết quả kiểm soát RRTD trong hoạt động cho vay ngắn hạn đối với doanh nghiệp tại Vietinbank - CN Kon Tum. Qua đó tổng kết những thành tựu và hạn chế trong công tác kiểm soát RRTD trong hoạt động cho vay ngắn hạn đối với doanh nghiệp tại Vietinbank - CN Kon Tum trong thời gian qua.

- Luận văn đã đề xuất một số giải pháp và kiến nghị nhằm công tác kiểm soát RRTD trong hoạt động cho vay ngắn hạn đối với doanh nghiệp tại Vietinbank – CN Kon Tum. Để tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai các giải pháp, luận văn cũng đã đề xuất các kiến nghị với Chính phủ, với Ngân hàng nhà nước Việt Nam và Vietinbank – CN Kon Tum.

- Hy vọng qua nghiên cứu này, đề tài sẽ có đóng góp một phần nhỏ vào việc giúp Vietinbank Kon Tum nâng cao hơn nữa công tác kiểm soát RRTD trong hoạt động cho vay ngắn hạn đối với doanh nghiệp, kiểm soát được các khoản nợ xấu, các khoản nợ có vấn đề, nhận diện được sớm những RRTD để từ đó có biện pháp xử lý hiệu quả, từng bước nâng cao năng lực cạnh tranh của mình để có thể tiếp tục phát triển bền vững.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Website: <http://www.vietinbank.vn/web/home/vn/product/index.html>.
- [2] Website: <http://tailieu.vn/xem-tai-lieu/luan-van-tot-nghiep-thuc-trang-rui-ro-tin-dung-tai-cac-ngan-hang-thuong-mai-o-binh-phuoc.1217230.htm>
- [3] Website: <https://www.google.com.vn/>
- [4] Nguyễn Thúy Kiều (2013), *Thực trạng quản trị rủi ro trong nghiệp vụ cho vay khách hàng cá nhân tại*
- [5] Ngân hàng TMCP Công thương Việt nam – CN Đông Sài Gòn,
- [6] Nguyễn Quang Hiện (2016), “*Quản trị rủi ro tín dụng tại Ngân hàng TMCP Quân Đội*”, Luận văn tiến sĩ kinh tế, Học viện hành chính, Hà Nội.
- [7] Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Kon Tum (2017), *Báo cáo tổng kết, đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh năm 2017*, Kon Tum.
- [8] Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Kon Tum (2018), *Báo cáo tổng kết, đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh năm 2018*, Kon Tum.
- [9] Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Kon Tum (2019), *Báo cáo tổng kết, đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh năm 2019*, Kon Tum.
- [10] Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (2001), *Quyết định 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 ban hành quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng*, Hà Nội.
- [11] Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, (2013), *Thông tư số 02/2013/TT-NHNN ngày 21/01/2013*, Hà Nội.
- [12] Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, (2007), *Quyết định 18/2007/QĐ-NHNN ngày 25/04/2007*, Hà Nội.
- [13] Nguyễn Đăng Dòn (2009), *Quản trị ngân hàng thương mại hiện đại*, NXB Phương Đông, Cà Mau.

